

PHẨM KIỀU TRẦN NHƯ

Thứ hai mươi lăm

Lúc bấy giờ đức Thế Tôn bảo Kiều Trần Như :
"Sắc là vô thường, do dứt sắc này được sắc thân thường trụ giải thoát. Thọ, tưởng, hành và thức cũng đều vô thường, do dứt thức ấm này mà được thức uẩn giải thoát thường trụ.

Này Kiều Trần Như ! Sắc là khổ, dứt sắc ấm này mà được sắc thân an lạc giải thoát. Thọ, tưởng, hành và thức cũng như vậy.

Này Kiều Trần Như ! Sắc là không, do dứt sắc không này mà được sắc uẩn giải thoát phi không. Thọ, tưởng, hành và thức cũng như vậy.

Này Kiều Trần Như ! Sắc là vô ngã, do dứt sắc ấm này mà được sắc uẩn giải thoát chơn ngã. Thọ, tưởng, hành và thức cũng như vậy.

Này Kiều Trần Như ! Sắc ấm là bất tịnh, do dứt sắc ấm này mà được sắc uẩn giải thoát thanh tịnh. Thọ, tưởng, hành và thức cũng như vậy.

Này Kiều Trần Như ! Sắc là tướng của sanh, lão, bệnh, tử, do dứt sắc ấm này mà được sắc uẩn giải thoát chẳng phải tướng, sanh, lão, bệnh, tử. Thọ, tưởng, hành và thức cũng như vậy.

Này Kiều Trần Như ! Sắc là nhơn của vô minh do dứt sắc ấm này mà được sắc uẩn giải thoát chẳng phải nhơn của vô minh. Thọ, tưởng, hành và thức cũng như vậy.

Này Kiều Trần Như ! Nhãn đến sắc ấm là nhơn của sanh, do dứt sắc ấm này mà được sắc uẩn giải thoát chẳng phải nhơn của sanh. Thọ, tưởng, hành và thức cũng như vậy.

Này Kiều Trần Như ! Sắc ấm là nhơn của bốn tướng điên đảo, do dứt sắc ấm điên đảo này mà được sắc uẩn giải thoát chẳng phải nhơn của bốn tướng điên đảo. Thọ, tưởng, hành và thức cũng như vậy.

Này Kiều Trần Như ! Sắc ấm là nhơn của vô lượng ác pháp : Nào là thân nam, thân nữ v.v..., nào là thực ái, dục ái, tham sân, tật đố, ác tâm, xan tâm, đoàn thực, xúc thực, tư thực, thức thực, noãn sanh, thai sanh, thấp sanh, hóa sanh, ngũ dục, ngũ cái v.v... : Tất cả ác pháp này đều nhơn nơi sắc cả.

Do dứt sắc ấm này mà được sắc uẩn giải thoát không có vô lượng ác pháp như vậy. Thọ, tưởng, hành và thức cũng như vậy.

Này Kiều Trần Như ! Sắc là trói buộc, do dứt sắc này mà được sắc giải thoát không trói buộc. Thọ, tưởng, hành và thức cũng như vậy.

Này Kiều Trần Như ! Sắc là lưu chuyển, do dứt sắc này mà được sắc giải thoát không lưu chuyển. Thọ, tưởng, hành và thức cũng như vậy.

Này Kiều Trần Như ! Sắc chẳng phải chỗ quy y, do dứt sắc này mà được sắc giải thoát quy y. Thọ, tưởng, hành và thức cũng như vậy.

Này Kiều Trần Như ! Sắc là ghê lở, do dứt sắc này mà được sắc giải thoát không tội lỗi. Thọ, tưởng, hành và thức cũng như vậy.

Này Kiều Trần Như ! Sắc chẳng tịch tịnh, do dứt sắc này được sắc Niết Bàn tịch tịnh. Thọ, tưởng, hành và thức cũng như vậy.

Này Kiều Trần Như ! Người nào rõ biết được như trên đây thời gọi là Sa Môn, là Bà La Môn có đủ những pháp Sa Môn, pháp Bà La Môn.

Nếu ngoài Phật pháp thời không có Sa Môn và Bà La Môn, cũng không có pháp Sa Môn, pháp Bà La Môn. Tất cả ngoại đạo dối trá tự xưng, toàn hư giả không có thiệt hạnh. Dầu họ tưởng rằng họ có hai bậc này, nhưng thật ra thời không có. Vì nếu

đã không có pháp Sa Môn và Bà La Môn, làm sao có được hai bậc Sa Môn và Bà La Môn.

Ta thường ở giữa đại chúng xướng to những lời này. Các ông cũng nên xướng to như vậy.

Bấy giờ có số đông ngoại đạo sanh lòng bất bình rằng : Cù Đàm nói trong giáo phái của chúng ta không có Sa Môn và Bà La Môn, cũng không có pháp Sa Môn, pháp Bà La Môn. Chúng ta làm thế nào tỏ cho Cù Đàm biết rằng trong giáo phái của chúng ta có hai bậc và hai pháp như vậy.

Có một Phạm Chí lên tiếng nói : "Này các ngài ! Lời nói của Cù Đàm như điên như cuồng, cần gì kiểm giáo ! Người điên cuồng trong đời hoặc ca, hoặc múa, hoặc khóc, hoặc cười, hoặc mắng, hoặc khen, không phân biệt kẻ thân người thù. Sa Môn Cù Đàm cũng như vậy : Có lúc nói ta sanh trong cung vua Tịnh Phạn, có lúc nói là chẳng sanh. Hoặc nói sau khi sanh tự đi bảy bước, lại nói là chẳng đi. Hoặc nói ta từ thuở nhỏ học tập văn võ nghề nghiệp thế gian, rồi lại tự nói là bậc Nhứt thiết trí. Có lúc ở cung hưởng lạc thú sanh con trai, rồi lại nhàm chê là ác tiện. Có lúc thích thân tu khổ hạnh sáu năm, lại quả trách sự khổ hạnh của ngoại đạo. Hoặc nói theo học với ông Uất Đầu Lam Phát, ông A La Lã v.v..., có lúc nói các ông ấy không chỗ hiểu biết. Hoặc nói nơi cội Bồ Đề ta chứng được đạo Vô Thượng Giác, có lúc lại nói ta không có đến cây Bồ Đề,

không có chứng đắc. Hoặc nói thân ta đây chính là Niết Bàn, lại nói thân diệt mới là Niết Bàn.

Lời nói của Cù Đàm như điên cuồng, các ngài lo rầu làm gì ?

Có các Bà La Môn nói : "Trước kia Sa Môn Cù Đàm nói vô thường, khổ, không, vô ngã, bất tịnh. Hàng đệ tử trong giáo phái ta nghe lời này mà kinh sợ. Nay Cù Đàm đến rừng Ta La này tuyên bố có thường, lạc, ngã, tịnh. Hàng đệ tử ta nghe lời này đều bỏ phái ta, hoặc thọ lấy lời của Cù Đàm. Như thế bảo ta không sầu khổ sao được !

Lại có một Bà La Môn bảo rằng các ngài lóng nghe tôi nói đây : Sa Môn Cù Đàm gọi rằng tu từ từ bi, xét ra thời lời nói này là hư vọng, chẳng phải chơn thật. Vì nếu có Từ bi sao ông ấy lại giáo hóa hàng đệ tử của chúng ta thọ lấy pháp của ông ấy. Lòng từ bi là tùy thuận theo ý của người, nay ông ấy làm trái bốn nguyện của chúng ta thời đâu phải là từ bi.

Nếu nói rằng Sa Môn Cù Đàm chẳng bị tám pháp thế gian làm ô nhiễm, lời này cũng là hư vọng : Vì nếu Cù Đàm là thiếu đức tri túc, hôm nay sao lại cướp lấy lợi dưỡng của chúng ta.

Nếu nói Cù Đàm thuộc về giòng họ cao thượng, lời này cũng hư vọng. Vì từ xưa đến nay chưa từng nghe thấy sư tử vương tàn hại con chuột bé nhỏ.

Nếu Cù Đàm là giòng cao thượng ngày nay sao lại nã loạn chúng ta.

Nếu cho rằng Cù Đàm có thế lực lớn, lời này cũng là hư vọng. Vì từ xưa đến nay cũng chẳng từng thấy nghe Kim sí điều vương đua tranh cùng các chim. Nếu Cù Đàm thật có thế lực lớn, việc gì lại tranh đấu với chúng ta.

Nếu cho rằng Cù Đàm có tha tâm trí, xét ra cũng là hư vọng. Vì nếu có tha tâm trí có sao Cù Đàm chẳng rõ biết tâm niệm của chúng ta.

Này các ngài ! Xưa kia tôi từng nghe bậc Tôn túc nói rằng sau đây một trăm năm thế gian sẽ có một yêu huyễn ra đời. Yêu huyễn này chính là ông Cù Đàm. Ông ấy sắp sẽ diệt mất tại trong rừng Ta La này, các ngài chẳng nên sầu não.

Có một Ni Kiên Tử nói rằng : "Nay tôi sầu khổ chẳng phải vì đệ tử và sự cúng dường của riêng mình, chỉ vì người đời ngu tối không có con mắt, chẳng thấy biết phước điền cùng chẳng phải phước điền, bỏ bậc Bà La Môn niên cao nhiều trí mà cúng dường người tuổi trẻ, do đây nên tôi lo rầu mà thôi.

Sa Môn Cù Đàm biết chú thuật, do sức chú thuật mà ông ấy có thể biến một thân thành vô lượng thân, biến vô lượng thân hườn lại một thân, hoặc biến thân làm hình nam, nữ, bò, dê, voi, ngựa. Sức của tôi có thể trừ việc chú thuật như vậy. Chú thuật

của Cù Đàm đã mất, các ngài sẽ được an vui thọ hưởng nhiều sự cúng dường".

Lại có một Bà La Môn nói rằng : "Này các ngài, Sa Môn Cù Đàm thành tựu đầy đủ vô lượng công đức, các ngài chẳng nên tranh đua".

Chúng ngoại đạo phản đối lại : "Người ngu si kia ! Sao ông lại nói Sa Môn Cù Đàm có công đức lớn ? Lúc Cù Đàm sanh ra bảy ngày thời mẹ của ông ấy chết, như thế có thể được gọi là tướng phước đức chăng ?".

Bà La Môn đáp rằng : "Bị mắng chửi giận, bị đánh chửi đánh lại, đây là tướng đại phước đức. Thân của Cù Đàm có đủ ba mươi hai tướng tốt, tám mươi vẻ đẹp, lại có vô lượng thần thông, đây là tướng đại phước đức. Không kiêu mạn thừa hỏi trước, lời nói dịu dàng không cộc cằn, lúc trai tráng chí ý hưng thịnh mà tâm chẳng nóng nảy, nước lớn của nhiều mà không tham luyến, bỏ cung điện đi xuất gia như nhổ bỏ nước miếng. Do những điều trên đây nên tôi nói rằng Sa Môn Cù Đàm thành tựu đầy đủ vô lượng công đức".

Chúng ngoại đạo nói : "Sa Môn Cù Đàm thiết có vô lượng thần thông biến hóa như lời ông nói, chúng tôi chẳng thử thách thần thông với Cù Đàm.

Cù Đàm bấm tính nhu nhuyến, chẳng kham khó hạnh, sanh trưởng chốn thâm cung chẳng rõ thấu

được việc ngoài. Chỉ được lời nói dịu dàng mà chẳng biết nghề nghiệp, văn hóa, luận nghị. Chúng tôi xin tranh biện pháp yếu với Cù Đàm. Nếu ông Cù Đàm hơn chúng tôi sẽ theo hầu Cù Đàm. Nếu chúng tôi hơn Cù Đàm thì Cù Đàm phải phụng sự chúng tôi".

Lúc đó một số đông ngoại đạo họp nhau đến ra mắt vua A Xà Thế.

Vua hỏi các ngài mỗi phái riêng tu tập theo đạo của mình, đều là người xuất gia rồi bỏ danh lợi, nhơn dân trong nước của ta đều kính trọng cúng dường, nay duyên cớ gì họp nhau đến đây ?

Các ngài đều có pháp tu tập khác nhau, giới cấm khác nhau, mỗi người tự theo giáo phái của mình mà xuất gia tu hành, nay duyên cớ gì lại họp nhau một lòng như những lá rụng bị gió trốt thổi gom lại một chỗ.

Ta thường ủng hộ người xuất gia nhẫn đến chẳng tiếc thân mạng. Nay duyên cớ gì mà các ngài họp nhau đến đây ?

Chúng ngoại đạo đồng thưa : "Tâu Đại Vương ! Nay Đại Vương là cây cầu đại pháp, có tiếng tăm lớn, có công đức lớn, là căn bản của các nước, là tấm gương sáng của tất cả nước, là hình tượng của chư Thiên, là cha mẹ của nhơn dân. Nhà vua coi việc nước chẳng riêng rẽ người thân kẻ thù, lòng

vua bình đẳng như đất, nước, gió, lửa, do đây nhà vua đáng gọi là công đức tạng.

Tâu Đại Vương ! Dầu chúng sanh hiện tại tuổi đời ngắn ngủi, nhưng công đức của nhà vua như các vua thời kỳ trường thọ an lạc thuở xưa : Như các vua Đánh Sanh, Thiện Kiến, Nhân Nhục, Na Hầu Sa, Da Da Đế, Thi Tỳ, Nhứt Xoa Câu v.v... Nhờ nhà vua mà trong nước an vui, nhơn dân giàu mạnh. Do đây nên tất cả người xuất gia đều mến nước Ma Đà Đà này.

Tâu Đại Vương ! Trong kinh của chúng tôi có nói : Nếu người xuất gia ở nơi nước nào mà tinh tấn trì giới tu hành, thời vua nước ấy cũng có phần tu công đức lành.

Tâu Đại Vương ! Tất cả trộm cướp nhà vua đã dẹp xong, nên người xuất gia không còn sợ sệt. Hiện nay chỉ còn có một người đại ác là Sa Môn Cù Đàm nhà vua chưa xét đến, chúng tôi rất lo sợ. Cù Đàm tự thị giòng họ cao quý, thân hình đẹp mạnh, lại do phước bố thí đời trước mà được cúng dường nhiều. Cù Đàm cậy những việc này mà quá kiêu mạn, hoặc cậy chú thuật giỏi mà ngạo nghễ. Cù Đàm không thể tu khổ hạnh lành và chứa những y phục nệm chăn mịn nhuyễn, nên những người ác trong đời vì tham lợi dưỡng mà theo làm quyến thuộc. Do sức chú thuật, Cù Đàm điều phục Ca Diếp, Xá Lợi Phất, Mục Kiền Liên v.v...

Nay đến chỗ ở của chúng tôi, nơi rừng Ta La, tuyên bố rằng thân này là thường, lạc, ngã, tịnh để khuyên dụ hàng đệ tử của chúng tôi.

Tâu Đại Vương ! Ngày trước Cù Đàm nói thân người là không thường, lạc, ngã, tịnh chúng tôi còn có thể nhẫn được. Nay Cù Đàm tuyên bố thân này là thường, lạc, ngã, tịnh chúng tôi thiết chẳng chịu được.

Xin Đại Vương cho phép chúng tôi luận nghị với Cù Đàm".

Vua A Xà Thế nói : "Hôm nay các ngài do ai bày vẽ mà tâm trí cuồng loạn chẳng định như vậy ? Khác nào nước nổi sóng, vòng lửa xoay, khí vượn leo cây, thật đáng hổ thẹn.

Người trí nghe được việc này tất sẽ xót thương cho các ngài. Kẻ ngu nghe biết thời tất chê cười các ngài. Lời nói của các ngài chẳng phải là lời của người xuất gia. Các ngài nếu mang phải bệnh tật, ta đều có thuốc trị lành được. Nếu như mắc bệnh ma quỷ, thời anh ta là Kỳ Bà có thể trị được.

Nay các ngài muốn lấy móng tay mà chẻ núi Tu Di, muốn dùng răng để cắn nghiền chất Kim Cang, khác nào người ngu thấy Sư Tử Vương lúc đói nằm ngủ mà muốn chọc cho thức dậy, như người lấy ngón tay muốn để trong miệng rắn độc, như muốn lấy tay đập ngọn lửa, như con chồn rừng muốn kêu rống như Sư Tử, như con muỗi muốn bay đua với Kim

sí điều, như con thỏ lội qua biển muốn chân đụng đến đáy. Nay các ngài cũng như vậy. Các ngài như chiêm bao thấy hơn Sa Môn Cù Đàm, đây là mơ mộng điên cuồng, chẳng nên tin tưởng.

Nay các ngài có quan niệm muốn tranh biện với Sa Môn Cù Đàm, khác nào con phi nga tự đập vào đồng lửa lớn. Các ngài phải theo lời của ta chẳng cần nói nữa.

Các ngài đầu tán thán ta là bình đẳng như cán cân, nhưng chớ để cho người ngoài nghe được lời này".

Các ngoại đạo lại thưa : "Tâu Đại Vương ! Sa Môn Cù Đàm có lẽ dùng chú thuật đến bên nhà vua, nên làm cho lòng vua nghi mà chẳng tin các vị Thánh như này. Nhà vua chẳng nên khinh miệt chúng tôi.

Tâu Đại Vương ! Mặt trăng tròn khuyết, nước biển mặn v.v..., những việc như thế ai làm ra ? Há chẳng phải hàng Bà La Môn chúng tôi ư !

Nhà vua chẳng nghe nước sông Hằng dừng ở trong lỗ tai của A Kiết Đa Tiên tròn mười hai năm ư ? Nhà vua chẳng nghe Cù Đàm Tiên Nhơn cả hiện thân thông mười hai năm biến làm Đế Thích, rồi biến thân Đế Thích làm thân dê đực, biến ngàn nữ căn ở thân Đế Thích ? Nhà vua chẳng nghe Kỳ Nâu Tiên trong một ngày uống hết nước bốn biển làm cho quả đất khô ?

Nhà vua chẳng nghe Bà Tẩu Tiên làm ba con mắt cho Tự Tại Thiên ư ? Nhà vua chẳng nghe La Lã Tiên biến thành Ca La Phú làm nước mọi ư ?

Tâu Đại Vương ! Trong phái Bà La Môn có những Tiên Nhơn thần thông như vậy, sao nhà Vua lại khinh miệt ư ?".

Vua nói : "Các ngài nếu chẳng tin theo lời của ta, đức Như Lai Chánh giác hiện ở trong rừng Ta La, các ngài có thể qua đó tùy ý vấn nạn, Đức Như Lai cũng sẽ giải thích vừa ý các ngài".

Liền đó vua A Xà Thế cùng chúng ngoại đạo đến chỗ Phật. Vua đầu mặt làm lễ đi nhiễu ba vòng ngồi qua một bên bạch Phật rằng : "Thế Tôn ! Các nhà ngoại đạo này muốn được tùy ý vấn nạn, xin đức Như Lai tùy ý đáp đó".

Phật nói : "Này Đại Vương ! Như Lai tự biết phải lúc".

Trong chúng ngoại đạo có Bà La Môn Xà Đề Thủ Na lên tiếng hỏi : "Này Cù Đàm, Ngài nói Niết Bàn là pháp thường trụ phải chăng ?".

- Này đại Bà La Môn ! Đúng như vậy.

- Nếu Cù Đàm nói Niết Bàn là thường trụ thời không đúng nghĩa. Vì như những sự vật trong đời, từ hột sanh ra trái nôi luôn chẳng dứt, như từ đất sét làm ra cái bình, từ những sợi chỉ mà có cái áo. Cù Đàm thường nói rằng tu quán tưởng vô thường

chứng được Niết Bàn. Nhơn là vô thường sao quá lại thường trụ ?

Cù Đàm lại nói giải thoát dục tham chính là Niết Bàn, giải thoát sắc tham và vô sắc tham chính là Niết Bàn. Dứt vô minh v.v... tất cả phiền não thời là Niết Bàn. Từ dục, sắc, nhãn đến vô minh phiền não đều là vô thường. Nhơn đã vô thường thời quả Niết Bàn cũng phải vô thường.

Cù Đàm lại nói từ nghiệp nhơn nên sanh cõi trời, do nghiệp nhơn nên sanh địa ngục, do nghiệp nhơn mà được giải thoát, nên các pháp đều do nơi nhơn mà sanh. Nếu đã từ nơi nhơn sanh mà được giải thoát, sao lại nói Niết Bàn là thường ?

Cù Đàm cũng nói rằng sắc theo duyên mà sanh nên gọi là vô thường, thọ, tưởng, hành, thức cũng như vậy. Giải thoát như vậy, nếu là sắc thời là vô thường, nếu là thọ, tưởng, hành, thức cũng là vô thường. Nếu ngoài năm ấm mà có giải thoát, thời giải thoát này chính là hư không. Nếu đã là hư không thời chẳng được nói rằng do nhơn duyên sanh, vì hư không là thường là duy nhất, là khắp tất cả.

Cù Đàm cũng nói rằng : Phàm do nhơn duyên sanh ra thời là khổ, nếu đã là khổ sao lại nói giải thoát là lạc.

Cù Đàm lại nói : Vô thường là khổ, khổ là vô ngã. Nếu đã là vô thường, là khổ, là vô ngã thời là

bất tịnh. Tất cả những pháp do nhơn duyên sanh ra, đều là vô thường, khổ, vô ngã, bất tịnh, sao lại nói Niết Bàn là thường, lạc, ngã, tịnh ?

Nếu Cù Đàm nói rằng cũng là thường cũng vô thường, cũng khổ cũng vui, cũng là ngã cũng là vô ngã, cũng tịnh cũng bất tịnh, như thế há chẳng phải là hai lời ư ?

Tôi cũng từng nghe bậc Tôn túc nói nếu Phật ra đời thời lời nói không hai. Nay Cù Đàm nói hai lời, lại xưng rằng Phật chính là thân ta đây. Xin giải thích những điều tôi đã hỏi.

Phật nói : "Này Bà La Môn ! Cứ theo lời của ông, nay tôi hỏi ông tùy ý ông đáp.

Này Bà La Môn ! Tánh của ông là thường hay là vô thường ?

- Tánh của tôi là thường.

- Này Bà La Môn ! Tánh ấy có thể làm nhơn cho tất cả pháp trong và ngoài chăng ?

- Chính thế, thưa Cù Đàm.

- Này Bà La Môn ! Tánh ấy làm nhơn như thế nào ?

- Thưa Cù Đàm ! Từ tánh sanh ra đại, từ đại sanh mạn, từ mạn sanh mười sáu pháp : Năm đại là địa, thủy, hỏa, phong, không; năm tri căn là nhãn, nhĩ, tỷ, thiệt, thân; năm nghiệp căn là tay, chơn, miệng tiếng, nam căn, nữ căn, cùng tâm bình đẳng

căn. Mười sáu pháp này do năm pháp : Sắc, thanh, hương, vị, xúc sanh ra. Hai mươi một pháp này có ba pháp căn bốn : Nhiễm, thô và đen. Nhiễm là ái, thô là sân, đen là vô minh. Hai mươi bốn pháp này, đều nhơn nơi tánh mà sanh.

- Nay Bà La Môn ! Những pháp đại, mạn v.v... là thường hay vô thường ?

- Thưa Cù Đàm theo giáo pháp của tôi thời tánh là thường, những pháp đại v.v... đều là vô thường.

Nay Bà La Môn ! Như trong pháp của ông nhơn là thường còn quả là vô thường. Trong pháp của ta dầu nhơn là vô thường nhưng quả là thường, thời có lỗi gì ?

Nay Bà La Môn ! Trong pháp của các ông có hai nhơn chẳng ?

- Thưa Cù Đàm, có.

- Thế nào là hai ?

- Thưa Cù Đàm : Một là sanh nhơn, hai là liễu nhơn.

- Thế nào là sanh nhơn ? Thế nào là liễu nhơn ?

- Sanh nhơn như đất sét làm ra cái bình. Liễu nhơn như đèn soi đồ vật.

- Hai nhơn này là một tánh. Đã là một tánh có thể khiến sanh nhơn làm liễu nhơn chẳng ? Có thể khiến liễu nhơn làm sanh nhơn chẳng ?

- Thưa Cù Đàm ! Không.

- Nếu như sanh nhơn chẳng làm liễu nhơn, liễu nhơn chẳng làm sanh nhơn, có thể nói là nhơn tướng chẳng ?

- Thưa Cù Đàm ! Dầu hai nhơn chẳng làm thành lẫn nhau, nhưng vẫn có nhơn tướng.

- Nay Bà La Môn ! Vật của liễu nhơn chiếu rõ có đồng với liễu nhơn chăng ?

- Thưa Cù Đàm ! Không.

Phật nói : "Trong Pháp của ta, dầu do từ vô thường chứngặng Niết Bàn, nhưng Niết Bàn này chẳng phải là vô thường. Do từ liễu nhơn mà được nên là thường, lạc, ngã, tịnh. Do từ sanh nhơn mà được nên là vô thường, vô lạc, vô ngã, vô tịnh. Do đây nên đức Như Lai nói có hai thuyết thường và vô thường. Hai thuyết này không có hai lời, nên Phật gọi là không nói hai lời.

Như lời ông nói từng nghe bậc Tôn túc bảo rằng Phật ra đời không có hai lời. Lời nói trên đây rất đúng. Tất cả chư Phật mười phương ba đời không bao giờ có lời nói sai, vì có thời đồng nói có, không thời đồng nói không, nên gọi là đồng một nghĩa, do đây nên gọi Phật không nói hai lời.

Nay Bà La Môn ! Đức Như Lai dầu gọi là hai lời, nhưng vì để hiểu rõ một lời. Thế nào là hai lời để hiểu rõ một lời ? Như nhãn căn cùng sắc trần đây là hai lời,

sanh ra thức đây là một lời. Nhấn đến ý căn cùng pháp trần sanh ra thức cũng như vậy.

- Cù Đàm khéo phân biệt được ngữ nghĩa như vậy. Nay tôi chưa hiểu dùng hai lời để hiểu rõ một lời.

Đức Thế Tôn liền vì Bà La Môn mà tuyên nói pháp Tứ đế : Này Bà La Môn ! Khổ đế cũng hai cũng một, nhấn đến đạo đế cũng hai cũng một.

Bà La Môn thưa : "Bạch Thế Tôn ! Tôi đã hiểu biết rồi".

- Này Thiện nam tử ! Ông hiểu biết như thế nào ?

- Bạch Thế Tôn ! Khổ đế, tất cả phàm phu thời hai, còn Thánh Nhơn thời một. Nhấn đến đạo đế cũng như vậy.

- Lành thay ! Đã hiểu.

- Bạch Thế Tôn ! Nay tôi nghe pháp đã được chánh kiến, tôi quy y Phật, Pháp, Tăng Tam Bảo. Cúi xin đức Đại từ cho tôi xuất gia.

Đức Phật bảo Kiều Trần Như : "Ông nên cạo bỏ râu tóc cho Xà Đề Thủ Na, cho ông xuất gia".

Ngài Kiều Trần Như vâng lời Phật cạo tóc cho Xà Đề Thủ Na. Đương lúc cạo có hai thứ rơi xuống : Một là râu tóc, hai là phiền não. Xà Đề Thủ Na liền ở nơi chỗ ngồi chứng đặng quả A La Hán.

(*) Lại có Phạm Chí Bà Trư Tra hỏi Phật : "Cù Đàm nói Niết Bàn là thường trụ phải chăng ?".

- Nay Phạm Chí ! Đúng như vậy.

- Cù Đàm toan chẳng nói rằng không phiền não là Niết Bàn ư ?

- Nay Phạm Chí ! Đúng như vậy.

- Thưa Cù Đàm ! Ở thế gian có bốn thứ gọi là không : Một là những pháp chưa có ra thời gọi là không, như cái bình lúc chưa ra khỏi viên đất thời gọi là không có cái bình. Hai là những pháp đã diệt mất gọi là không, như cái bình đã hư bể thời gọi là không. Ba là lẫn không có tướng loại khác mà gọi là không, như trong bò không có ngựa, trong ngựa không có bò. Bốn là rốt ráo không nên gọi là không, như lông rùa sừng thỏ.

Thưa Cù Đàm ! Nếu vì đã dứt trừ phiền não mà gọi là Niết Bàn, thời Niết Bàn là không có. Nếu đã là không Niết Bàn, sao lại nói có thường, lạc, ngã, tịnh ?

- Nay Thiện nam tử ! Niết Bàn đây chẳng phải là trước không có như cái bình lúc còn là viên đất, cũng chẳng phải dứt mất thành không như cái bình lúc hư bể, cũng chẳng phải rốt ráo không như lông rùa sừng thỏ. Niết Bàn này đồng với khác loại mà không.

Như lời ông nói, dầu trong bò không có ngựa, nhưng chẳng được nói rằng bò cũng là không. Dầu

(*) Hán bộ quyển thứ 39.

trong ngựa không có bò nhưng cũng chẳng được nói rằng ngựa cũng là không. Niết Bàn cũng như vậy : Trong phiền não không Niết Bàn, trong Niết Bàn không phiền não, do đây nên gọi là lẫn không có tướng khác nhau.

- Thừa Cù Đàm ! Nếu cho Niết Bàn là lẫn không tướng khác nhau, sự không này không có thường, lạc, ngã, tịnh, sao Cù Đàm lại nói Niết Bàn là thường, lạc, ngã, tịnh ?

- Nay Thiện nam tử ! Như không tướng khác nhau của ông nói có ba thứ không : Bò, ngựa đều là trước không sau có, đây gọi là trước không; đã có trở thành không đây gọi là hư hoại mà không; không có tướng khác nhau thời như ông đã nói. Niết Bàn không có ba tướng này, nên Niết Bàn là thường, lạc, ngã, tịnh.

Như ba thứ bệnh của người đời : bệnh nhiệt, bệnh phong, bệnh hàn. Ba thứ thuốc có thể trị được : tô trị được bệnh nhiệt, dầu trị được bệnh phong, mật trị được bệnh hàn.

Nay Thiện nam tử ! Trong bệnh phong không có dầu, trong dầu không có bệnh phong, nên dầu có thể trị được bệnh phong, hai thứ kia cũng như vậy.

Tất cả chúng sanh có ba thứ bệnh : Tham, sân và si. Có ba thứ pháp được trị được ba bệnh này : Bất tịnh quán là thuốc trị được bệnh tham, từ tâm quán là thuốc trị được bệnh sân, nhân duyên quán là thuốc trị được bệnh si.

Này Thiện nam tử ! Vì trừ tham nên quán pháp chẳng phải tham, vì trừ sân nên quán pháp chẳng phải sân, vì trừ si nên quán pháp chẳng phải si. Trong ba thứ bệnh không ba thứ thuốc pháp, trong ba thứ thuốc pháp không ba thứ bệnh.

Này Thiện nam tử ! Vì trong ba thứ bệnh không có ba thứ thuốc pháp, nên là vô thường, vô lạc, vô ngã, vô tịnh. Trong ba thứ thuốc pháp không có ba thứ bệnh nên được gọi là thường, lạc, ngã, tịnh.

- Bạch Thế Tôn ! Đức Như Lai vì tôi nói thường và vô thường. Xin giải thích thế nào là thường, thế nào là vô thường ?

- Này Thiện nam tử ! Sắc ấm là vô thường, giải thoát sắc ấm là thường. Nhẫn đến thức ấm là vô thường, giải thoát thức ấm là thường.

Nếu có người nào quán sắc nhẫn đến thức là vô thường, nên biết rằng người này chứng được pháp thường trụ.

- Bạch Thế Tôn ! Nay tôi đã biết pháp thường và pháp vô thường.

- Này Thiện nam tử ! Ông rõ biết pháp thường và vô thường như thế nào ?

- Bạch Thế Tôn ! Nay tôi biết sắc ấm của tôi là vô thường, được giải thoát là thường, nhẫn đến thức cũng như vậy.

- Lành thay ! Nay Thiện nam tử ! Nay ông đã đền xong thân này.

Đức Phật bảo Kiều Trần Như : "Bà Trư Tra đã chứng quả A La Hán, ông nên ban cho Bà Trư Tra ba y và bát".

Ngài Kiều Trần Như tuân lời Phật trao y bát cho Bà Trư Tra.

Lãnh y bát xong, Bà Trư Tra thưa rằng : "Bạch đại đức Kiều Trần Như ! Nay tôi do thân tệ ác này mà được quả lành. Xin đại đức vì tôi đến bạch với đức Thế Tôn : Tôi là người ác xúc phạm đến họ Cù Đàm của đức Như Lai. Mong Đại Đức vì tôi mà sám hối tội này. Tôi cũng không thể ở lâu nơi thân ác độc này. Nay xin nhập Niết Bàn".

Ngài Kiều Trần Như liền đến bạch Phật : "Thế Tôn ! Tỳ Kheo Bà Trư Tra sanh lòng hổ thẹn, tự nói là hung dữ xúc phạm họ Cù Đàm của đức Như Lai. Nay ông ấy muốn diệt thân, nhờ tôi sám hối".

Phật nói : Nay Kiều Trần Như ! Tỳ Kheo Bà Trư Tra đã thành tựu căn lành nơi vô lượng Phật quá khứ, nay thọ giáo với ta mà trụ đúng pháp, vì trụ đúng pháp nên chứng được chánh quả. Các ông phải cúng dường thân của ông ấy.

Ngài Kiều Trần Như nghe Phật dạy xong, đến nơi thân của Bà Trư Tra mà trần thiết cúng dường.

Lúc thiêu thân, Bà Trư Tra hiện các thứ thần thông.

Chúng ngoại đạo thấy việc này đồng to tiếng xướng rằng : Bà Trư Tra đã được chú thuật Sa Môn Cù Đàm, chẳng bao lâu ông sẽ hơn Sa Môn Cù Đàm.

Lại có Phạm Chí Tiên Ni hỏi Phật : "Thưa Cù Đàm ! Cù Đàm có ngã không ?".

Đức Như Lai nín lặng.

Tiên Ni lại hỏi : "Thưa Cù Đàm ! Cù Đàm không có ngã ư ?".

Đức Như Lai cũng nín lặng.

Tiên Ni hỏi luôn mấy lần như vậy, đức Phật đều nín lặng.

Tiên Ni nói : "Thưa Cù Đàm ! Nếu tất cả chúng sanh có ngã khắp tất cả chỗ là một tác giả, có sao Cù Đàm nín lặng chẳng trả lời ?

Phật nói : "Này Tiên Ni ! Ông nói ngã đó là khắp tất cả chỗ phải không ?

- Thưa Cù Đàm ! Chẳng những là tôi nói, mà tất cả người trí cũng nói như vậy.

- Này Thiện nam tử ! Nếu ngã đó cùng khắp tất cả chỗ lẽ ra phải đồng thời thọ báo trong ngũ đạo. Nếu đồng thời thọ báo nơi ngũ đạo, hàng Phạm chí các ông duyên có gì chẳng gây tạo những điều ác để khỏi địa ngục, mà lại tu những pháp lành để được thân trời ?

- Thừa Cù Đàm ! Ngã trong giáo pháp của chúng tôi có hai thứ : Một là ngã tác thân, hai là ngã thường thân. Vì ngã tác thân mà phải lìa nghiệp ác để khỏi địa ngục, phải tu những pháp lành để được sanh lên trời.

- Nay Thiện nam tử ! Như ông đã nói ngã khắp tất cả chỗ. Ngã đó nếu ở trong tác thân thời là vô thường. Nếu trong tác thân không có ngã sao lại nói là khắp ?

- Thừa Cù Đàm ! Ngã của chúng tôi lập cũng ở trong tác thân, mà cũng là thường trụ. Như người lúc để lửa cháy nhà, chủ nhà chạy ra ngoài, chẳng thể nói rằng nhà cửa bị cháy chủ nhà cũng bị cháy. Ngã này cũng như vậy, đương lúc tác thân vô thường, ngã này xuất ra đi, nên ngã này cũng là khắp, cũng là thường.

- Nay Thiện nam tử ! Như lời ông nói ngã đó cũng khắp cũng thường, nghĩa này không đúng. Vì khắp có hai thứ : Thường và vô thường. Lại có hai thứ : Sắc và vô sắc. Do đây nên nếu nói rằng khắp tất cả thời cũng là thường cũng là vô thường, cũng là sắc cũng là vô sắc.

Nếu nói chủ nhà chạy ra khỏi nên chẳng gọi là vô thường, nghĩa này chẳng đúng. Vì nhà chẳng gọi là chủ, chủ chẳng gọi là nhà. Cái bị cháy khác, người chạy ra khác, nên được như vậy. Ngã này

thời chẳng như vậy, vì ngã là sắc, sắc là ngã, ngã là vô sắc, vô sắc là ngã, sao lại nói rằng đương lúc sắc thân vô thường ngã xuất ra khỏi.

Này Thiện nam tử ! Ý ông nếu cho rằng : "Tất cả chúng sanh đồng một ngã, thời trái với pháp thế gian và xuất thế gian. Vì pháp thế gian có cha mẹ, con trai, con gái. Nếu ngã là một, thời cha là con trai, con trai là cha, mẹ là con gái, con gái là mẹ, thù là thân, thân là thù, đây là kia, kia là đây. Nên nếu nói rằng tất cả chúng sanh đồng một ngã, thời là trái với pháp thế gian và xuất thế gian".

Tiên Ni nói : "Tôi chẳng nói tất cả chúng sanh đồng một ngã. Mà tôi nói mỗi người đều riêng có một ngã."

- Này Thiện nam tử ! Nếu ông nói một người đều riêng có một ngã, đây là nhiều ngã, thời không đúng nghĩa. Vì như trước kia ông nói, ngã khắp tất cả chỗ. Nếu đã khắp tất cả thời tất cả chúng sanh lẽ ra phải đồng một nghiệp căn : Lúc được trời mà thấy thời lúc được Phật cũng thấy, lúc được thân trời làm, thời lúc được Phật cũng làm, nghe biết và nhân đến tất cả pháp cũng như vậy.

Nếu được thân trời mà thấy chẳng phải là được Phật mà thấy thời chẳng nên nói rằng ngã khắp tất cả chỗ. Nếu ngã chẳng khắp thời là vô thường.

- Thừa Cù Đàm ! Ngã của tất cả chúng sanh khắp tất cả. Còn pháp cùng phi pháp chẳng khắp tất cả.

Do nghĩa này nên tác dụng của Phật khác, tác dụng của trời khác. Chẳng nên nói rằng lúc Phật thấy lẽ ra trời cũng thấy, lúc Phật nghe trời cũng nên nghe.

- Nay Thiện nam tử ! Pháp và phi pháp chẳng phải là nghiệp làm ra ư ?

- Thưa Cù Đàm ! Là nghiệp làm ra.

- Nay Thiện nam tử ! Nếu pháp cùng phi pháp là nghiệp làm ra thì là đồng pháp, sao nói rằng khác. Vì chỗ nghiệp của Phật có ngã của trời, chỗ ngã của trời có ngã của Phật, do đây nên lúc Phật tác dụng, trời cũng tác dụng, pháp và phi pháp cũng phải như vậy.

Nay Thiện nam tử ! Nếu tất cả chúng sanh pháp cùng phi pháp là như vậy, thì quả báo lẽ ra chẳng khác.

Nay Thiện nam tử ! Từ nơi nhơn sanh ra quả, nhơn này trọn chẳng suy nghĩ phân biệt ta chỉ nên là quả Bà La Môn, chẳng làm quả cho Sát Lợi, Tỳ Xá, Thủ Đà. Vì từ nhơn sanh ra quả trọn chẳng trở ngại đối với bốn giòng như vậy. Pháp cùng phi pháp cũng như vậy, không thể phân biệt ta chỉ nên làm quả Phật, chẳng làm quả trời, hoặc ta chỉ làm quả trời chẳng làm quả Phật. Vì nghiệp bình đẳng vậy.

- Thưa Cù Đàm ! Như trong một nhà có trăm ngàn ngọn đèn, ngọn đèn có khác nhưng ánh sáng

thời không khác. Ngọn đèn khác nhau dụ cho pháp cùng phi pháp, ánh sáng không sai khác dụ cho ngã của chúng sanh.

- Nay Thiện nam tử ! Ông đem đèn sáng để dụ cho ngã đó, không được đúng nghĩa. Vì đèn khác nhà khác. Ánh sáng của đèn cũng ở bên ngọn đèn mà cũng khắp trong nhà. Ngã của ông nói nếu đồng như vậy thời bên pháp và phi pháp đều phải có ngã, trong ngã cũng phải có pháp và phi pháp. Nếu pháp cùng phi pháp không có ngã, thời chẳng được nói rằng ngã khắp tất cả chỗ. Nếu đều chung có cả, đâu đáng dùng đèn và ánh sáng để làm ví dụ.

Nay Thiện nam tử ! Nếu ý của ông cho rằng ngọn đèn cùng ánh sáng thiết khác nhau, duyên có gì ngọn đèn thêm thời ánh sáng nhiều, ngọn đèn lụn thời ánh sáng mất. Do đây chẳng nên đem pháp cùng phi pháp dụ như ngọn đèn, ánh sáng không khác dụ cho ngã. Vì pháp và phi pháp cùng với ngã ba thứ là một.

- Thưa Cù Đàm ! Ngài dẫn ví dụ ngọn đèn, việc đó chẳng tốt. Vì ví dụ ngọn đèn nếu là tốt thời tôi đã dẫn trước rồi. Như ví dụ đó chẳng tốt có sao Ngài lại nói ?

- Nay Thiện nam tử ! Ví dụ ta dẫn ra đó đều chẳng làm tốt cùng chẳng tốt, đó là theo ý của ông để nói. Trong ví dụ đó cũng trình bày hai nghĩa rồi

ngoài ngọn đèn có ánh sáng và chính nơi ngọn đèn có ánh sáng. Ý ông chẳng bình đẳng nên ông nói ngọn đèn dụ cho pháp cùng phi pháp, ánh sáng thời dụ cho ngã. Do đây nên ta trách ông : Ngọn đèn chính là ánh sáng, rời ngọn đèn có ánh sáng. Trong pháp có ngã, trong ngã có pháp, trong phi pháp có ngã, trong ngã có phi pháp. Nay có gì ông chỉ nhận lấy một bên bỏ một bên. Ví dụ như vậy là chẳng tốt đối với ông, nên nay ta trở lại dẫn ví dụ đó để dạy bảo ông.

Này Thiện nam tử ! Ví dụ như vậy thời chẳng thành, vì chẳng thành ví dụ nên với ta thời tốt, mà chẳng tốt đối với ông.

Này Thiện nam tử ! Nếu ý ông cho rằng nếu tôi chẳng tốt thời Ngài cũng chẳng tốt. Ý nghĩ này chẳng đúng, vì thấy người đời dùng sức mình để hại lấy mình, tự mình làm ra mà người khác thọ dụng. Ví dụ của ông dẫn ra đó cũng như vậy. Nơi ta thời tốt, nơi ông thời chẳng tốt.

- Thưa Cù Đàm ! Vừa rồi Ngài trách tôi tâm chẳng bình đẳng, nay lời nói của ngài cũng chẳng bình đẳng. Vì Ngài lấy tốt về mình, mà chẳng tốt lại để cho tôi. Cứ đây mà suy thời thật là chẳng bình đẳng.

- Này Thiện nam tử ! Sự bất bình của ta có thể phá được sự bất bình của ông, do đây nên ông được bình, sự bất bình của ta chính là tốt vậy. Sự bất

bình của ta phá sự bất bình của ông, làm cho ông được bình cũng chính là ta bình đẳng, vì đồng được bình đẳng với các Thánh nhơn,

- Thừa Cù Đàm ! Ngã thường là bình đẳng, sao Ngài lại nói phá hoại sự bất bình của tôi. Tất cả chúng sanh bình đẳng có ngã sao Ngài nói rằng ngã là bất bình ?

- Nay Thiện nam tử ! Ông cũng có nói rằng : Sẽ thọ quả địa ngục, sẽ thọ quả ngạ quỷ, sẽ thọ quả súc sanh, sẽ thọ quả nhơn, Thiên. Nếu ngã đã khắp trong ngũ đạo, sao ông lại nói sẽ thọ quả nơi các loài ?

Ông cũng nói rằng cha mẹ hòa hiệp rồi sau mới sanh con. Nếu con đã có trước, sao ông lại nói hòa hiệp rồi mới có. Nếu một người có thân trong ngũ đạo, đã là trước có thân trong ngũ đạo, duyên có gì lại vì thân mà tạo nghiệp. Do nghĩa trên đây nên là chẳng bình đẳng.

Nay Thiện nam tử ! Ý của ông nếu cho rằng ngã là tác giả, thời cũng chẳng đúng. Vì nếu ngã là tác giả, duyên có gì ngã lại tự làm ra sự khổ. Nhưng hiện nay chúng sanh thiết có bị khổ nên biết rằng ngã chẳng phải tác giả.

Nếu ông nói sự khổ này chẳng phải ngã làm ra, chẳng do nơi nhơn sanh, thời tất cả pháp cũng phải như vậy, chẳng do nhơn sanh, có gì lại nói là ngã làm ra ?

Này Thiện nam tử ! Sự khổ vui của chúng sanh thiệt do nơi nhơn duyên. Sự khổ vui này có thể làm chúng sanh lo và mừng. Lúc lo không mừng, lúc mừng không lo, hoặc mừng hoặc lo, người trí đâu nên nói đó là thường trụ.

Này Thiện nam tử ! Ông nói ngã là thường. Nếu đã là thường, sao lại nói có mười thời kỳ sai khác. Đã là thường lẽ ra chẳng có thời kỳ đaut thai nhĩn đến thời kỳ già.

Phật pháp thường như hư không còn chẳng có một thời kỳ, huống lại có cả mười thời kỳ !

Nếu ngã chẳng phải là thời kỳ đaut thai nhĩn đến chẳng phải thời kỳ già, sao lại nói có mười thời kỳ sai khác.

Này Thiện nam tử ! Nếu ngã là tác giả, ngã này cũng có lúc thanh lúc suy, chúng sanh cũng có lúc thanh lúc suy. Nếu ngã đã như vậy sao lại là thường.

Này Thiện nam tử ! Nếu ngã là tác giả, sao một người lại có khôn lanh, có đần độn ? Nếu ngã là tác giả, ngã này có thể làm ra thân nghiệp và khẩu nghiệp. Thân nghiệp và khẩu nghiệp nếu là ngã làm ra, sao miệng lại nói rằng không có ngã ư ? Sao lại tự nghi có ngã hay không có ngã ?

Này Thiện nam tử ! Nếu ý ông cho rằng rời ngoài nhĩn căn có sự thấy. Lời này không đúng, vì nếu ngoài nhĩn căn đã riêng có sự thấy thời cần gì đến

nhân căn này ? Như nhân căn, nhĩ căn v.v... cũng như vậy. Nếu ý ông cho rằng đầu ngã có thể thấy nhưng căn phải do nhân căn mới thấy, nghĩa này cũng chẳng đúng. Như có người nói rằng bông Tu Mạn Na có thể đốt cháy cả thôn xóm lớn, tại sao có thể cháy ? Vì lửa có thể cháy. Ông lập ngã có thể thấy cũng như vậy.

- Thừa Cù Đàm ! Như người cầm liềm thời có thể cắt cỏ. Ngã như nơi năm căn mà có thể thấy nghe nhận đến xúc cũng như vậy.

- Nay Thiện nam tử ! Liềm cùng người đều khác nhau, nên người cầm liềm thời cắt được cỏ. Rồi ngoài năm căn không có ngã riêng khác, sao lại nói rằng ngã như nơi năm căn mà có công năng ?

Nay Thiện nam tử ! Nếu ý ông cho rằng vì cầm liềm nên có thể cắt cỏ, ngã cũng như vậy. Như thế thì ngã có tay hay không tay ? Nếu có tay sao ngã chẳng tự cầm ? Nếu ngã không có tay sao lại nói rằng ngã là tác giả ?

Nay Thiện nam tử ! Có thể cắt cỏ đó chính là cái liềm, chẳng phải ngã cũng chẳng phải người. Nếu ngã và người có thể cắt cỏ sao lại như nơi cái liềm !

Nay Thiện nam tử ! Người có hai tác động : Một là nắm lấy cỏ, hai là cầm cái liềm. Cái liềm này thời chỉ có công năng xén cắt.

Chúng sanh ngộ thấy các pháp cũng như vậy : Nhân căn có thể thấy sắc, từ nhơn duyên hòa hiệp mà có ra sự thấy đó. Nếu đã từ nhơn duyên hòa hiệp, người trí sao lại nói là có ngã ?

Này Thiện nam tử ! Nếu ý ông cho rằng thân làm mà ngã thọ, cũng không đúng nghĩa. Vì trong đời không bao giờ thấy trời tạo nghiệp mà Phật thọ quả.

Nếu nói rằng chẳng phải là thân làm, ngã chẳng phải thọ, có sao các ông lại từ nơi nhơn duyên tu hành để cầu giải thoát ?

Thân này của ông trước kia chẳng phải nhơn duyên sanh. Khi được giải thoát rồi cũng lẽ ra không do nhơn duyên mà lại sanh ra thân. Như thân, tất cả phiền não cũng như vậy.

- Thừa Cù Đàm ! Ngã có hai thứ : Một là hữu tri, hai là vô tri. Ngã vô tri có thể thọ lấy thân, ngã hữu tri có thể rời bỏ thân. Như cái bình đất, khi đã bị nung rồi thời mất màu sắc đất, chẳng còn sanh trở lại, phiền não của người trí cũng như vậy, đã dứt mất rồi thời trọn chẳng còn sanh.

- Này Thiện nam tử ! Ông nói là hữu tri đó, là trí có thể biết hay ngã có thể biết ? Nếu trí có thể biết sao lại nói rằng ngã là hữu tri ? Nếu ngã có thể biết có gì phải dùng phương tiện tu hành để cầu có trí ? Nếu ý ông cho rằng ngã nhơn nơi trí

mà có biết thời đồng với điều dụ bông đốt cháy trước kia.

Này Thiện nam tử ! Như cây gai tánh của nó tự có thể đâm, chẳng được nói rằng cây cầm gai để đâm. Trí cũng như vậy : Trí tự có thể hiểu biết. Sao lại nói rằng ngã cầm lấy trí để biết ?

Này Thiện nam tử ! Như trong pháp của ông nói ngã được giải thoát, là ngã vô tri được giải thoát, hay là ngã hữu tri được ?

Nếu là ngã vô tri được thời phải biết rằng vẫn còn đủ phiền não. Nếu là ngã hữu tri được thời nên biết rằng đã có ngũ căn, vì ngoài ngũ căn không còn có sự biết. Nếu đã đủ ngũ căn thời sao lại nói là được giải thoát ?

Nếu cho rằng tánh của ngã này thanh tịnh rời ngoài ngũ căn, sao lại nói rằng ngã khắp trong ngũ đạo, duyên có gì tu các pháp lành để được giải thoát ?

Này Thiện nam tử ! Như có người nhổ gai hư không. Ông cũng như vậy : Nếu ngã đã thanh tịnh sao lại nói rằng dứt các phiền não ?

Nếu ý ông cho rằng chẳng do nhơn duyên mà được giải thoát, có gì tất cả chúng sanh lại chẳng được ?

- Thừa Cù Đàm ! Nếu không có ngã thời cái gì có thể ghi nhớ ?

- Này Thiện nam tử ! Nếu có ngã có gì lại quên ?

Này Thiện nam tử ! Nếu nhớ là ngã, có gì lại nhớ những niệm ác, nhớ chỗ chẳng đáng nhớ, chẳng nhớ chỗ đáng nhớ ?

- Thừa Cù Đàm ! Nếu không có ngã thời cái gì thấy, cái gì nghe ?

- Này Thiện nam tử ! Trong có sáu căn, ngoài có sáu trần, căn trần hòa hiệp sanh ra sáu thức. Sáu thức này theo nhơn duyên mà được có tên.

Do một thứ lửa do nơi cây mà có lửa thời gọi là lửa cây, nhơn nơi cỏ thời gọi là lửa cỏ, nhơn nơi trấu thời gọi là lửa trấu, nhơn nơi phân bò thời gọi là lửa phân bò.

Ý thức của chúng sanh cũng như vậy : Nhơn nơi nhãn căn, sắc trần, ánh sáng và tác ý thời gọi đó là nhãn thức. Nhãn thức này chẳng ở trong nhãn căn nhãn đến chẳng ở trong tác ý, do bốn thứ hòa hiệp nên sanh ra thức này. Nhãn đến ý thức cũng lại như vậy.

Nếu đã là nhơn duyên hòa hiệp mà sanh ra, người trí chẳng nên nói rằng sự thấy chính là ngã, sự nghe nhãn đến chạm xúc chính là ngã.

Này Thiện nam tử ! Do nghĩa trên đây nên ta nói rằng nhãn thức nhãn đến ý thức, tất cả các pháp đều là như huyễn.

Thế nào là như huyễn ? Vì trước không nay mới có, đã có rồi trở lại không.

Như tỏi, bột, mật, gừng, tiêu, tất lãg, nho, hồ đào, thạch lựu, hột quì, các thứ ấy hòa hiệp lại gọi là huồn thuốc hoan hỷ. Rồi ngoài sự hòa hiệp này thời không có huồn hoan hỷ.

Do căn nơi trong, trần nơi ngoài mà gọi là chúng sanh, là ngã, nhơn, sĩ phu. Ngoài căn và trần này không riêng có chúng sanh, ngã, nhơn, sĩ phu.

- Thừa Cù Đàm ! Nếu không có ngã, sao lại nói rằng : Ta thấy, ta nghe, ta khổ, ta vui, ta lo, ta mừng ?

- Nay Thiện nam tử ! Nếu cho rằng ta thấy, ta nghe v.v... gọi là có ngã đó, có gì người đời lại nói rằng tội của người làm ta chẳng thấy nghe ?

Như bốn đoàn binh hiệp lại gọi là quân đoàn, bốn đoàn binh chẳng gọi là một, mà cũng nói rằng quân ta mạnh mẽ, quân ta thắng địch.

Nội căn, ngoại trần hòa hiệp làm ra cũng như vậy, dầu chẳng phải là một, nhưng cũng được nói rằng : Ta làm, ta thọ, ta thấy, ta nghe, ta khổ, ta vui.

- Thừa Cù Đàm ! Cứ như lời Ngài : "Nội căn và ngoại trần hòa hiệp ", thời ai ra tiếng nói rằng : Ta làm ta thọ ?

- Nay Tiên Ni ! Từ ái vô minh nhơn duyên sanh ra nghiệp, từ nghiệp sanh ra hữu, từ hữu xuất sanh vô lượng tâm sở, tâm sở sanh ra giác quán, giác quán động đến hơi gió, hơi gió theo tâm chạm xúc

cổ họng, lưỡi, răng, môi, chúng sanh điên đảo phát ra tiếng nói rằng ta làm, ta thọ, ta thấy, ta nghe.

Này Thiện nam tử ! Như cái linh đầu cột phướn, do gió động bèn phát ra tiếng, gió lớn thời tiếng lớn, gió nhỏ thời tiếng nhỏ, không có tác giả.

Lại như sắt nóng ném vào trong nước phát ra nhiều tiếng, nơi đây thật ra cũng không có tác giả.

Này Thiện nam tử ! Phạm phu không thể tư duy phân biệt việc như vậy, nên nói rằng có ngã và ngã sở, ngã tác, ngã thọ.

- Như Cù Đàm nói không có ngã và ngã sở, duyên có gì Ngài lại nói có thường, lạc, ngã, tịnh ?

- Này Thiện nam tử ! Ta chẳng nói sáu căn sáu trần và sáu thức là thường, lạc, ngã, tịnh. Mà ta tuyên bố rằng diệt sáu thức do nội căn ngoại trần sanh ra gọi đó là thường, do thường đây mà gọi đó là ngã, vì có thường ngã nên gọi là lạc, vì có thường lạc nên gọi là tịnh.

Này Thiện nam tử ! Chúng sanh nhàm sự khổ mà dứt khổ nhưn này, được xa lìa tự tại đây gọi là vô ngã. Do nhưn duyên này nên nay ta thiết thiết nói rằng thường, lạc, ngã, tịnh.

Tiên Ni thưa rằng : "Bạch Thế Tôn ! Xin đức đại từ dạy bảo cho tôi phải làm thế nào để được thường, lạc, ngã, tịnh như vậy".

- Nay Thiện nam tử ! Từ trước đến nay tất cả thế gian có đủ sự ngã mạn lớn, lại tăng trưởng ngã mạn, cũng lại làm ra mạn hơn, mạn nghiệp, nên nay thọ lấy quả báo của mạn, không thể xa lìa tất cả phiền não để được thường, lạc, ngã, tịnh.

Nếu chúng sanh muốn được xa lìa tất cả phiền não, trước hết phải xa lìa ngã mạn.

- Bạch Thế Tôn ! Phải lắm ! Phải lắm ! Đúng như lời Phật dạy. Từ trước tôi có ngã mạn, do ngã mạn nên gọi đức Như Lai là Cù Đàm. Nay tôi đã lìa ngã mạn đó nên thành tâm thỉnh cầu giáo pháp : Làm thế nào sẽ được thường, lạc, ngã, tịnh.

- Nay Thiện nam tử ! Lóng nghe ! Lóng nghe ! Ta sẽ giải thuyết cho ông.

Nay Thiện nam tử ! Nếu người có thể chẳng phải tự, chẳng phải tha, chẳng phải chúng sanh, xa lìa pháp này.

- Bạch Thế Tôn ! Tôi đã hiểu rõ đã được chánh pháp nhãn.

- Nay Thiện nam tử ! Do đâu mà ông nói rằng đã biết, đã hiểu, đã được chánh pháp nhãn.

- Bạch Thế Tôn ! Sắc ấm chẳng phải tự, chẳng phải tha, chẳng phải chúng sanh, thọ, tưởng, hành, thức cũng như vậy. Tôi quán sát như vậy mà được chánh pháp nhãn.

Bạch Thế Tôn ! Nay tôi rất muốn xuất gia tu học, xin đức Như Lai nhận cho.

Đức Phật gọi : "Thiện Lai Tỳ Kheo !".

Liền đó Tiên Ni được đầy đủ Phạm hạnh thanh tịnh chứng quả A La Hán.

Trong chúng ngoại đạo lại có Phạm Chí họ Ca Diếp lên tiếng rằng : "Thưa Cù Đàm ! Thân tức là mạng, hay là thân khác mạng khác ?".

Đức Như Lai nín lặng.

Phạm Chí hỏi lần thứ hai lần thứ ba, đức Như Lai vẫn nín lặng.

Phạm Chí lại nói : "Thưa Cù Đàm ! Như người lúc chết chưa thọ lấy thân sau, chẳng giữa đó đâu được chẳng gọi rằng thân khác mạng khác. Nếu là khác tại sao Cù Đàm nín lặng chẳng trả lời ?".

- Nay Thiện nam tử ! Ta nói thân và mạng đều từ nhơn duyên, chẳng phải là không nhơn duyên. Như thân mạng tất cả pháp cũng như vậy.

- Thưa Cù Đàm ! Tôi thấy thế gian cũng có pháp không từ nhơn duyên.

- Nay Phạm Chí ! Ông thấy thế gian có pháp chẳng từ nhơn duyên như thế nào ?

- Tôi thấy lửa lớn đốt cháy lùm cây, gió thổi bứt ngọn lửa rớt ở chỗ khác, đây há chẳng gọi là không nhơn duyên ư ?

- Nay Thiện nam tử ! Lửa này cũng từ nhơn mà sanh, chẳng phải là không nhơn.

- Thưa Cù Đàm ! Lúc ngọn lửa bức bay đi chẳng nhơn củi than, sao lại nói rằng từ nơi nhơn mà sanh.

- Nay Thiện nam tử ! Dầu không củi than nhưng nhơn gió mà đi, do gió nên ngọn lửa đó chẳng tắt.

- Thưa Cù Đàm ! Nếu người chết lúc chưa thọ thân sau, thọ mạng ở chặng giữa cái gì làm nhơn duyên ?

- Nay Phạm Chí ! Chính vô minh cùng ái làm nhơn duyên mà thọ mạng này được còn.

Này Thiện nam tử ! Vì có nhơn duyên nên thân là mạng, mạng là thân, vì có nhơn duyên nên thân khác, mạng khác. Người trí chẳng nên một bề nói rằng thân khác mạng khác.

- Bạch Thế Tôn ! Xin giải thuyết cho tôi rõ biết được nhơn quả.

- Nay Phạm Chí ! Nhơn là ngũ ấm, quả cũng là ngũ ấm.

Này Thiện nam tử ! Nếu có chúng sanh chẳng đốt lửa thì không khói.

- Bạch Thế Tôn ! Tôi đã hiểu rồi.

Này Thiện nam tử ! Ông hiểu biết như thế nào ?

- Bạch Thế Tôn ! Lửa là nói phiền não có thể đốt cháy nơi địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh, nhơn, Thiên. Khói là nói quả báo phiền não : Vô thường bất tịnh

hôi như đáng ghét đáng nhàm. Nếu chúng sanh chẳng khởi phiền não thì không có quả báo của phiền não. Do đây nên đức Như Lai nói không đốt lửa thì không có khói.

Bạch Thế Tôn ! Tôi đã được chánh kiến xin thương xót cho tôi xuất gia.

Đức Phật bảo Kiều Trần Như cho Phạm Chí này xuất gia thọ giới.

Ngài Kiều Trần Như tuân lời Phật hòa hiệp chúng Tăng cho Phạm Chí xuất gia thọ giới Cụ Túc. Năm ngày sau, Phạm Chí này chứng được A La Hán.

Trong chúng ngoại đạo lại có Phạm Chí Phú Na lên tiếng rằng : "Thưa Cù Đàm ! Ngài thấy thế gian là pháp thường trụ mà nói là thường phải chăng ?

Nghĩa như vậy là thiệt hay hư ? Là thường hay vô thường ? Là cũng thường, vô thường ? Là chẳng phải thường, chẳng phải vô thường ? Là hữu biên, là vô biên ? Là cũng hữu biên cũng vô biên ? Là chẳng phải hữu biên, chẳng phải vô biên ? Là thân là mạng ? Thân khác mạng khác ? Như Lai sau khi diệt độ, như mà đi hay chẳng như mà đi ? Cũng như mà đi cũng chẳng như mà đi ? Chẳng phải như mà đi, chẳng phải chẳng như mà đi ?".

- Nay Phú Na ! Ta chẳng nói thế gian là thường là hư là thiệt là vô thường v.v... nhứt đến cũng chẳng nói chẳng phải như mà đi, chẳng phải chẳng như mà đi.

- Thưa Cù Đàm ! Nay thấy tội lỗi gì mà Ngài chẳng nói như vậy ?

- Nay Phú Na ! Nếu có người nói rằng thế gian là thường, chỉ đây là chơn thật ngoài ra đều là vọng ngữ. Quan niệm này gọi là kiến, chỗ bị thấy gọi là kiến hành, gọi là kiến nghiệp, gọi là kiến trước, gọi là kiến phược, gọi là kiến khổ, gọi là kiến thủ, gọi là kiến bố, gọi là kiến nhiệt, gọi là kiến triền.

Này Phú Na ! Phàm phu bị kiến chấp ràng buộc nên không thể xa lìa sanh, già, bệnh, chết mà lưu chuyển trong sáu đường, thọ vô lượng sự khổ. Nhẫn đến chẳng phải như mà đi, chẳng phải chẳng như mà đi cũng như vậy.

Này Phú Na ! Ta thấy kiến chấp này có lỗi như vậy, nên ta chẳng chấp trước cũng chẳng nói với người.

- Thưa Cù Đàm ! Nếu thấy tội lỗi như vậy mà chẳng chấp trước chẳng nói. Nay Cù Đàm thấy gì ? Trước gì ? Tuyên thuyết những gì ?

- Nay Thiện nam tử ! Luận về người kiến trước gọi là pháp sanh tử. Như Lai đã rời pháp sanh tử nên chẳng kiến trước. Như Lai gọi là năng kiến, năng thuyết, mà chẳng phải là chấp trước.

- Thưa Cù Đàm ! Thế nào là năng kiến ? Thế nào là năng thuyết ?

- Nay Thiện nam tử ! Ta có thể thấy rõ khổ, tập, diệt, đạo, ta phân biệt tuyên thuyết bốn đế lý này

như vậy. Vì ta thấy như vậy nên xa lìa được tất cả kiến chấp, tất cả ái, tất cả lưu, tất cả mạn. Do đây nên ta có đủ Phạm hạnh thanh tịnh tịch tịnh vô thượng, được thân thường trụ. Thân đây chẳng phải đông, tây, nam, bắc.

- Thưa Cù Đàm ! Có gì thân thường trụ chẳng phải đông, tây, nam, bắc ?

- Nay Thiện nam tử ! Nay ta hỏi ông tùy ý ông đáp.

Nay Thiện nam tử ! Như ở trước ông đốt đồng lửa lớn, đương lúc lửa cháy ông có biết là lửa cháy không ?

- Tôi biết là lửa cháy.

- Lúc lửa tắt ông có biết là lửa tắt không ?

- Tôi biết là lửa tắt.

- Nay Phú Na ! Nếu có người hỏi ông đồng lửa trước mặt ông từ đâu mà cháy ? Tắt rồi đi về đâu ? Thời ông sẽ đáp thế nào ?

- Thưa Cù Đàm ! Tôi sẽ đáp rằng : Lúc lửa này có ra là nhờ các duyên. Duyên cũ đã hết, duyên mới chưa đến thời lửa này phải tắt.

- Nay Phú Na ! Nếu họ lại hỏi lửa này đã tắt đi đến chỗ nào ? Thời ông sẽ đáp ra sao ?

- Thưa Cù Đàm ! Tôi sẽ đáp rằng : Duyên hết nên tắt chẳng đến chỗ nào.

- Nay Thiện nam tử ! Như Lai cũng như vậy. Sắc vô thường nhĩn đến thức vô thường do ái mà

cháy lên, vì cháy lên mà phải thọ lấy thân trong hai mươi lăm cõi. Lúc cháy lên đó có thể nói là đông, tây, nam, bắc. Hiện tại ái đã diệt, quả báo hai mươi lăm cõi chẳng còn cháy, vì chẳng cháy nên không thể nói là có đông, tây, nam, bắc...

Này Thiện nam tử ! Như Lai đã dứt sắc ấm vô thường nhĩ đến dứt thức ấm vô thường, nên thân của Như Lai là thường trụ. Thân đã là thường chẳng nói rằng có đông, tây, nam, bắc.

Phú Na thưa rằng xin trình bày một ví dụ, mong Thế Tôn nghe cho.

- Lành thay ! Lành thay ! Ông cứ tùy ý mà nói.

- Bạch Thế Tôn ! Như ngoài thôn lớn có rừng Ta La, trong rừng có một cây mọc trước khi thành rừng đủ một trăm năm. Lúc đó chủ rừng lấy nước tưới cây này, theo thời tiết mà săn sóc. Cây này già, mục, vỏ, lá, nhánh đều rơi rớt chỉ còn lõi chắc.

Đức Như Lai cũng như vậy : Tất cả những gì có đã cũ hư thảy đều trừ hết, chỉ còn có tất cả pháp chơn thật.

Bạch Thế Tôn ! Nay tôi rất thích xuất gia tu hành.

Phật bảo : "Thiện Lai Tỳ Kheo !".

Vừa dứt tiếng, Phú Na liền thành tướng Tỳ Kheo, dứt hết phiền não, chứng được quả A La Hán.

Lại có Phạm Chí tên Thanh Tịnh lên tiếng rằng : "Thưa Cù Đàm ! Do chẳng biết pháp gì mà tất cả

chúng sanh thấy thế gian là thường, là vô thường, cũng thường, cũng vô thường, chẳng phải thường, chẳng phải vô thường, nhần đến chẳng phải như mà đi, chẳng phải chẳng như mà đi ?".

- Nay Thiện nam tử ! Vì chẳng biết sắc, nhần đến chẳng biết thức nên thấy thế gian là thường, nhần đến thấy chẳng phải chẳng như mà đi.

- Thưa Cù Đàm ! Do chúng sanh biết pháp gì mà chẳng thấy thế gian là thường nhần đến chẳng thấy chẳng phải chẳng như mà đi ?

- Nay Thiện nam tử ! Vì biết sắc, thọ, tưởng, hành, thức nên chẳng thấy thế gian là thường nhần đến chẳng thấy chẳng phải chẳng như mà đi.

- Bạch Thế Tôn ! Xin vì tôi mà giải thuyết thế gian là thường cùng vô thường.

- Nay Thiện nam tử ! Nếu người bỏ nghiệp cũ chẳng gây tạo nghiệp mới, người này có thể biết thường cùng vô thường.

- Bạch Thế Tôn ! Tôi đã hiểu biết.

- Nay Thiện nam tử ! Ông thấy biết thế nào ?

- Bạch Thế Tôn ! Cũ là nói vô minh cùng ái, mới là nói thủ và hữu. Nếu người xa lìa vô minh ái này mà chẳng gây tạo thủ và hữu, người này thật biết thường và vô thường.

Nay tôi đã được pháp nhân thanh tịnh quy y Tam Bảo. Xin đức Như Lai cho tôi xuất gia.

Phật bảo Kiều Trần Như cho Phạm Chí Thanh Tịnh này xuất gia.

Ngài Kiều Trần Như tuân lời Phật, dắt Thanh Tịnh đến trong Tăng làm pháp yết ma cho xuất gia. Sau đó mười lăm ngày, Tỳ Kheo Thanh Tịnh dứt hết phiền não chứng quả A La Hán.

Phạm Chí Độc Tử thưa rằng : "Thưa Cù Đàm ! Nay tôi muốn hỏi Ngài có cho phép chăng ?".

Đức Như Lai nín lặng.

Thưa lần thứ hai lần thứ ba, Đức Như Lai vẫn nín lặng.

Độc Tử thưa rằng : "Từ lâu tôi cùng Ngài vẫn là thân hữu, Ngài cùng tôi nghĩa không có khác, nay tôi muốn hỏi han, có sao Ngài nín lặng ?".

Lúc đó đức Thế Tôn nghĩ rằng : "Phạm Chí này tánh tình nho nhã, thuần thiện, ngay thẳng. Thường vì muốn hiểu biết mà đến thưa hỏi, chẳng phải vì náo loạn. Nếu ông ấy có hỏi ta nên tùy ý đáp".

Suy nghĩ xong Phật nói rằng : "Lành thay ! Lành thay ! Ông cứ theo chỗ nghi mà hỏi ta sẽ giải đáp cho".

Độc Tử thưa rằng : "Thế gian có pháp lành chăng ?".

- Nay Phạm Chí ! Thế gian có pháp lành.

- Thừa Cù Đàm ! Thế gian có pháp chẳng lành chẳng ?

- Nay Phạm Chí ! Thế gian có pháp chẳng lành.

- Xin Cù Đàm vì tôi mà giảng nói, cho tôi biết pháp lành và pháp chẳng lành.

- Nay Thiện nam tử ! Ta có thể phân biệt giảng rộng nghĩa đó. Nay sẽ vì ông mà nói lược.

- Nay Thiện nam tử ! Dục gọi là pháp chẳng lành, giải thoát dục gọi là pháp lành. Sân cùng si cũng như vậy. Sát sanh là pháp chẳng lành, chẳng sát sanh là pháp lành, nhấn đến tà kiến cũng như vậy.

Nay Thiện nam tử ! Ta đã vì ông mà nói ba thứ pháp lành cùng chẳng lành và nói mười thứ pháp lành cùng chẳng lành. Nếu hàng đệ tử của ta có thể hiểu biết ba thứ nhấn đến mười thứ pháp lành cùng chẳng lành như vậy, phải biết rằng người này có thể dứt hết tham, sân, si tất cả phiền não, dứt tất cả quả báo sanh tử.

- Thừa Cù Đàm ! Trong Phật pháp có một Tỳ Kheo nào được như vậy chẳng ?

- Nay Thiện nam tử ! Trong Phật pháp chẳng phải chỉ có một hai người nhấn đến trăm ngàn người, mà có vô lượng Tỳ Kheo dứt được tham, sân, si tất cả phiền não, tất cả quả báo sanh tử như vậy.

- Thưa Cù Đàm ! Trong Phật pháp có một Tỳ Kheo Ni nào được như vậy chăng ?

- Nay Thiện nam tử ! Trong Phật pháp đây cũng có vô lượng Tỳ Kheo Ni dứt được tham, sân, si tất cả phiền não, tất cả quả báo sanh tử.

- Thưa Cù Đàm ! Trong Phật pháp có Ưu Bà Tắc nào siêng năng giữ giới dứt được lưới nghi chăng ?

- Nay Thiện nam tử ! Trong Phật pháp của ta có vô lượng Ưu Bà Tắc tinh tấn giữ giới thanh tịnh, dứt được năm phẩm kiết sử bậc hạ, được quả A Na Hàm, dứt được lưới nghi.

- Thưa Cù Đàm ! Trong Phật pháp có Ưu Bà Di nào tinh cần trì giới thanh tịnh dứt được lưới nghi chăng ?

- Nay Thiện nam tử ! Trong Phật pháp ta có vô lượng Ưu Bà Di tinh cần trì giới thanh tịnh dứt năm phẩm kiết sử bậc hạ, dứt được lưới nghi, chứng quả A Na Hàm.

- Thưa Cù Đàm ! Ngoài những vị trên, trong Phật pháp có Ưu Bà Tắc, Ưu Bà Di nào hưởng lại thú ngũ dục mà tâm dứt được lưới nghi chăng ?

- Nay Thiện nam tử ! Trong Phật pháp ta vô lượng Ưu Bà Tắc cũng như Ưu Bà Di dứt ba phẩm kiết sử được quả Tu Đà Hoàn. Người tham, sân, si mỏng thời được quả Tư Đà Hàm.

- Bạch Thế Tôn ! Nay tôi thích nói thí dụ, xin Ngài cho phép.

- Lành thay ! Ông thích nói thời cứ nói.

- Bạch Thế Tôn ! Như Long Vương Nan Đà và Bạt Nan Đà bình đẳng mưa to. Pháp dụ của Như Lai cũng như vậy, bình đẳng mưa xuống hàng Ưu Bà Tắc và Ưu Bà Di.

Bạch Thế Tôn ! Nếu hàng ngoại đạo muốn đến Phật pháp để xuất gia, chẳng rõ đức Như Lai thử họ trong mấy tháng ?

- Nay Thiện nam tử ! Thử họ trong bốn tháng, nhưng bất tất hết thảy đều một hạng.

- Bạch Thế Tôn ! Nếu chẳng đều một hạng, xin đức Đại tử cho tôi xuất gia.

Đức Thế Tôn bảo Kiều Trần Như cho Độc Tử xuất gia thọ giới.

Sau đó mười lăm ngày, Độc Tử được quả Tu Đà Hoàn.

Độc Tử nghĩ rằng nếu người có trí huệ do nơi học mà được, nay tôi đã được có thể đến ra mắt Phật.

Liền đến lễ Phật bạch rằng : "Thế Tôn ! Những người có trí huệ từ nơi học mà được, nay tôi đã được. Xin đức Thế Tôn vì tôi mà giảng thuyết cho tôi được trí huệ vô học".

- Nay Thiện nam tử ! Ông nên tinh tấn tu tập hai pháp : Chỉ và quán. Nếu có Tỳ Kheo muốn được quả Tu Đà Hoàn cũng phải siêng tu tập hai pháp như vậy. Nếu muốn được quả Tư Đà Hàm, A Na Hàm, A La Hán cũng phải tu tập hai pháp như vậy.

Nay Thiện nam tử ! Nếu có Tỳ Kheo muốn được Tứ thiền, Tứ vô lượng tâm, Lục thần thông, Bát bội xả, Bát thắng xứ, Vô trạch trí, Đảnh trí, Tất cánh trí, Tứ vô ngại trí, Kim cang tam muội, Tận trí, Vô sanh trí, cũng phải tu tập hai pháp như vậy.

Nay Thiện nam tử ! Nếu muốn được bực Thập trụ, Vô sanh Pháp nhẫn, Vô tướng Pháp nhẫn, Bất khả tư nghì Pháp nhẫn, Thánh hạnh, Phạm hạnh, Thiên hạnh, Bồ Tát hạnh, Hư không tam muội, Trí ấn tam muội, Không vô tướng, Vô tác tam muội, Địa tam muội, Bất thối tam muội, Thủ Lăng Nghiêm tam muội, Kim Cang tam muội, Vô Thượng Bồ Đề Phật hạnh, cũng phải tu tập hai pháp như vậy.

Độc Tử nghe xong lễ Phật lui ra, ở trong rừng Ta La tu tập hai pháp chỉ quán, chẳng bao lâu được quả A La Hán.

Lúc đó lại có vô lượng Tỳ Kheo muốn đến chỗ Phật. Độc Tử hỏi rằng : "Chư Đại Đức muốn đến đâu ?".

Các Tỳ Kheo nói : "Chúng tôi muốn đến Phật".

Độc Tử lại nói : "Nếu chư Đại Đức đến chỗ Phật xin vì tôi bạch cùng Phật rằng Độc Tử Tỳ Kheo đã

tu tập hai pháp chỉ quán được trí vô học, nay báo ơn Phật mà nhập Niết Bàn".

Các Tỳ Kheo đem lời này đến bạch cùng Phật.

Phật bảo các Tỳ Kheo : "Này các Thiện nam tử ! Độc Tử đã được quả A La Hán, các ông nên đến cúng dường thân thể của Độc Tử".

Các Tỳ Kheo tuân lời Phật trở về cúng dường thi hài của Độc Tử.

(*) Nạp Y Phạm Chí lại lên tiếng hỏi Phật : "Thưa Cù Đàm ! Như lời Cù Đàm nói trong vô lượng đời làm điều lành, điều chẳng lành, đời vị lai trở lại được thân lành thân chẳng lành. Theo ý tôi, lời trên đây không đúng.

Vì như Cù Đàm từng nói nhưn phiền não mà cảm lấy thân này. Đã nhưn nơi phiền não mà có thân, thời thân có trước hay phiền não có trước ? Nếu phiền não có trước thời ai làm và ở chỗ nào ? Nếu thân có trước thời sao lại nói nhưn phiền não mà có thân ? Do đây nên nếu nói phiền não ở trước hay thân ở trước đều không được. Nếu nói đồng một thời cũng chẳng được. Thế là hoặc trước, hoặc sau, hoặc đồng một thời, đều chẳng được. Do đây nên tôi nói tất cả pháp đều có tự tánh chẳng phải từ nơi nhưn duyên.

Thưa Cù Đàm ! Lại cũng là tánh của địa đại, ướt là tánh của thủy đại, nóng là tánh của hỏa đại, động

(*) Hán bộ quyển thứ 40.

là tánh của phong đại, không chướng ngại là tánh của hư không, tánh của năm đại này chẳng phải từ nhơn duyên mà có. Nếu trong thế gian có tánh của một pháp chẳng phải từ nhơn duyên mà có, thời tánh của tất cả pháp cũng phải như vậy. Nếu có một pháp từ nơi nhơn duyên, có gì tánh của ngũ đại lại chẳng từ nơi nhơn duyên ?

Thưa Cù Đàm ! Chúng sanh mà có thân lành, thân chẳng lành, hoặc được giải thoát đều là tự tánh cả, chẳng phải từ nơi nhơn duyên. Nên tôi nói rằng tất cả các pháp do tự tánh mà có, chẳng phải là nhơn duyên sanh.

Thưa Cù Đàm ! Pháp thế gian có chỗ dùng nhưt định, như người thợ nói cây này có thể làm xe cộ, cây này có thể làm cửa, làm ván, làm giường, làm ghế. Lại như thợ kim hoàn làm ra những đồ trang sức : Đội trên trán thời gọi là tràng, đeo dưới cổ thời gọi là chuỗi, đeo trên tay thời gọi là xuyên, đeo nơi ngón tay thời gọi là nhẫn. Vì chỗ dùng nhưt định nên gọi là định tánh. Do đây biết rằng tất cả chúng sanh cũng như vậy : Vì có tánh ngũ đạo nên có địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh, nhơn, Thiên. Nếu đã như vậy sao lại nói rằng từ nơi nhơn duyên.

Thưa Cù Đàm ! Lại tất cả chúng sanh tánh của họ đều khác, nên gọi là tất cả tự tánh. Như con rùa sanh trên đất cao mà nó tự có thể lặn xuống nước, bò con lúc sanh ra nó tự có thể uống sữa, cá thấy

mỗi tự nhiên nuốt ăn, rắn độc lúc sanh ra tự nhiên ăn đất, những việc như vậy có ai dạy bảo ? Như gai sanh ra tự nhiên đầu nhọn, lông cánh của loài chim bay tự nhiên có màu sắc riêng khác. Chúng sanh trong thế gian cũng như vậy : Có khôn lanh, có đần độn, có giàu, có nghèo, có đẹp, có xấu, có người được giải thoát, có kẻ chẳng được. Do đây nên biết trong tất cả pháp đều riêng có tự tánh.

Thưa Cù Đàm ! Lại như Ngài từng nói tham, sân, si từ nơi nhơn duyên mà sanh, ba món độc này do nơi năm trần làm duyên. Theo ý tôi lời trên đây không đúng.

Vì chúng sanh lúc ngủ xa lìa năm trần mà cũng vẫn sanh tham, sân, si. Lúc ở trong thai cũng vậy. Lúc mới ra khỏi thai chưa phân biệt được năm trần là tốt hay xấu mà cũng sanh lòng tham, sân, si. Các vị Tiên nhơn ở nơi chỗ vắng vẻ. Không có ngũ trần mà cũng sanh tham, sân, si. Lại cũng có người nhơn nơi năm trần mà sanh vô tham, vô sân, vô si. Do đây nên bất tất từ nơi nhơn duyên sanh ra tất cả pháp, vì tự tánh nó sẵn như vậy.

Thưa Cù Đàm ! Tôi lại thấy trong đời có người căn thân chẳng đầy đủ mà giàu có thế lực lớn, có người thân thể hoàn bị mà nghèo cùng hèn hạ làm tôi làm tớ. Nếu có nhơn duyên có sao lại như vậy ?

Do đây nên các pháp đều riêng có tự tánh chẳng phải do nhơn duyên.

Thưa Cù Đàm ! Trong đời những trẻ nhỏ chưa phân biệt được năm trần, chúng nó hoặc cười hoặc khóc. Lúc cười biết nó mừng, lúc khóc biết nó buồn. Do đây nên biết tất cả pháp đều riêng có tự tánh.

Thưa Cù Đàm ! Thế pháp có hai : Có và không. Có là hư không, không là sừng thỏ. Hư không vì là có nên chẳng từ nơi nhơn duyên, sừng thỏ vì là không nên cũng chẳng từ nơi nhơn duyên. Do đây nên biết các pháp có tự tánh chẳng từ nơi nhơn duyên.

Phật nói : "Này Thiện nam tử ! Như lời ông nói tất cả pháp cũng như tánh của năm đại. Nghĩa này không đúng.

Vì như trong pháp của ông cho năm đại là thường, duyên có gì mà tất cả pháp đều chẳng phải là thường ? Nếu sự vật trong đời là vô thường, tánh của năm đại này duyên có gì chẳng phải vô thường. Nếu năm đại là thường thời lẽ ra sự vật trong đời cũng là thường. Do đây nên ông nói tánh của năm đại vì có tự tánh chẳng từ nơi nhơn duyên, khiến tất cả pháp đồng như năm đại, thời không đúng nghĩa.

Này Thiện nam tử ! Ông nói vì chỗ dùng như đinh nên có tự tánh, nghĩa này không đúng. Vì tất cả đồ dùng đều từ nơi nhơn duyên mà được có danh tự, nếu đã từ nhơn duyên có danh tự thời cũng từ nhơn duyên mà có nghĩa.

Thế nào gọi là từ nhơn duyên mà có danh tự ? Như đồ trang sức ở trên trán thời tên là tràng, ở dưới cổ thời tên là chuỗi, ở nơi tay thời gọi là xuyên, và như ở nơi xe thời tên là bánh xe, lửa ở nơi cỏ cây thời tên là lửa cỏ, lửa cây.

Này Thiện nam tử ! Cây gỗ lúc mới sanh không có tánh mũi tên và cây lao. Vì từ nơi nhơn duyên thợ đẽo làm mũi tên, vì từ nơi nhơn duyên thợ đẽo làm cây lao. Do đây chẳng nên nói rằng tất cả pháp là có tự tánh.

Này Thiện nam tử ! Ông nói như con rùa sanh trên đất mà tánh tự nó có thể lặn xuống nước, bò con mới sanh ra tánh nó có thể uống sữa, lời này không đúng. Vì nó chẳng phải nhơn duyên mà rùa tự xuống nước, sao rùa lại chẳng vào lửa ? Đây là vì đều chẳng phải nhơn duyên. Bò con lúc sanh ra chẳng từ nơi nhơn duyên mà tánh nó tự có thể mút vú, sao bò con chẳng tự mút sừng ? Đây là đều chẳng phải nhơn duyên cả.

Này Thiện nam tử ! Nếu nói các pháp đều có tự tánh, chẳng cần dạy bảo tập làm, không có thêm lên, lời này không đúng nghĩa. Vì hiện nay thấy có sự dạy bảo, nhơn nơi dạy bảo mà được thêm lên. Do đây nên biết rằng không có tự tánh.

Này Thiện nam tử ! Nếu tất cả pháp có tự tánh riêng, thời hàng Bà La Môn chẳng nên vì được thân

thanh tịnh mà giết dê để cúng tế, nếu đã vì thân mà cúng tế thời nên biết rằng không có tự tánh.

Này Thiện nam tử ! Ngũ pháp của thế gian đại phàm có ba thứ : Muốn làm, lúc làm, làm rồi. Nếu tất cả pháp đều có tự tánh cố sao thế gian lại có ba ngũ pháp này ? Đã có ba ngũ pháp này nên biết tất cả pháp đều không có tự tánh.

Này Thiện nam tử ! Nếu nói các pháp đều có tự tánh, nên biết các pháp đều có định tánh. Nếu có định tánh thời một thứ mía duyên có gì làm ra mật mía, đường, rượu, rượu đắng. Nếu chỉ có một tự tánh duyên có gì lại sanh ra nhiều vị như vậy ?

Nếu trong một thứ mà sanh ra nhiều thứ thời nên biết rằng các pháp chẳng phải là nhứt định riêng có một tự tánh.

Này Thiện nam tử ! Nếu tất cả pháp có tánh nhứt định, có gì Thánh nhơn uống nước mía, ăn đường, lúc thành rượu thời chẳng uống, lúc thành rượu đắng lại uống ? Do đây nên biết không có tánh nhứt định. Nếu đã không tánh nhứt định tại sao lại chẳng phải từ nhơn duyên mà có ?

Này Thiện nam tử ! Ông nói tất cả pháp đều có tự tánh, tại sao ông lại nói thí dụ ? Nếu đã có thí dụ thời nên biết rằng các pháp không có tự tánh. Người trí trong đời đều nói thí dụ, nên biết rằng các pháp không có tự tánh, không có tánh nhứt định.

Này Thiện nam tử ! Ông gạn hỏi thân có trước hay phiền não có trước, lời hỏi này không đúng. Vì nếu ta nói thân có trước, ông mới nên vấn nạn. Ông cũng đồng như ta cho thân chẳng có trước có gì lại vấn nạn như vậy.

Này Thiện nam tử ! Tất cả chúng sanh, thân cùng phiền não đều không có trước sau, là đồng một thời mà có. Dầu đồng một thời nhưng phải như nơi phiền não mà được có thân, trọn chẳng như nơi thân mà có phiền não.

Nếu trong ý ông cho rằng như đôi mắt của người đồng thời mà có, mắt tả chẳng như hữu, mắt hữu chẳng như mắt tả, phiền não và thân cũng như vậy. Ý nghĩ này chẳng đúng. Vì trong đời con mắt ngó thấy ngọn đèn cùng ánh sáng dầu là đồng một thời, nhưng ánh sáng cần phải như nơi ngọn đèn, chẳng phải như nơi ánh sáng mà có ngọn đèn.

Này Thiện nam tử ! Nếu ý ông cho rằng vì thân chẳng có trước nên biết là không như duyên ý này chẳng đúng. Vì nếu cho rằng trước thân không có như duyên nên gọi là không, thời ông chẳng nên nói tất cả các pháp không có như duyên. Nếu nói vì chẳng thấy nên chẳng nói, nay thấy cái bình v.v... từ nơi như duyên mà có, có sao chẳng nói như cái bình, như duyên ở trước thân cũng như vậy.

Này Thiện nam tử ! Thấy cùng chẳng thấy, tất cả các pháp có ra đều từ nơi nhơn duyên, không có tự tánh.

Này Thiện nam tử ! Nếu nói tất cả pháp đều có tự tánh không do nhơn duyên, có gì ông lại nói năm đại ? Tánh của năm đại này chính là nhơn duyên. Dầu năm đại là nhơn duyên như vậy, cũng chẳng nên nói rằng các pháp đều đồng năm đại làm nhơn duyên. Như người đời nói tất cả người xuất gia tinh tấn trì giới, bọn Chiên Đà La cũng phải tinh tấn trì giới như vậy.

Này Thiện nam tử ! Ông nói năm đại có tánh chắc nhứt định. Theo ta thấy thời tánh này chuyển biến chẳng nhứt định. Tô, bạch lạp, hồ giao, những thứ này trong pháp của ông gọi là địa, địa này chẳng nhứt định, hoặc đồng với nước, hoặc đồng với đất, nên chẳng được nói rằng tự tánh cứng chắc.

Này Thiện nam tử ! Nhôm, chì, kẽm, đồng, sắt, vàng, bạc, những thứ này trong pháp của ông gọi là hỏa. Hỏa này có bốn tánh : Lúc chảy là tánh nước, lúc động là tánh gió, lúc nóng là tánh lửa, lúc cứng là tánh đất, sao lại nói rằng nhứt định gọi là hỏa tánh.

Này Thiện nam tử ! Tánh của nước gọi là chảy, nếu lúc nước đông cứng chẳng gọi là địa mà gọi là hỏa tánh, có gì lúc sóng động chẳng gọi là

phong ? Nếu nổi sóng chẳng gọi là phong, thời lúc đông đặc cũng chẳng nên gọi là hỏa. Nếu bốn tánh này từ nơi nhơn duyên, có sao nói rằng tất cả pháp chẳng từ nơi nhơn duyên ?

Này Thiện nam tử ! Nếu nói rằng năm căn, vì tánh nó hay thấy, nghe, giác, xúc, nên đều là có tự tánh chẳng từ nơi nhơn duyên. Lời này không đúng nghĩa. Vì tánh của tự tánh là không thể chuyển đổi. Nếu nói tánh của nhãn căn là thấy, lẽ ra phải thường thấy, chẳng nên có lúc thấy có lúc chẳng thấy. Do đây nên biết rằng nhãn căn thấy là có nhơn duyên, chẳng phải không nhơn duyên.

Này Thiện nam tử ! Ông nói chẳng phải nhơn nơi trần mà có tham cùng giải thoát, lời này không đúng nghĩa. Vì dầu chẳng phải do nơi năm trần mà có tham cùng giải thoát, nhưng vì ác giác quán thời sanh tham dục, vì thiện giác quán thời được giải thoát. Do nội nhơn duyên mà có tham cùng giải thoát, do ngoại nhơn duyên mà hai món này được tăng trưởng. Do đây nên lời ông nói tất cả pháp đều riêng có tự tánh, chẳng nhơn nơi năm trần sanh tham và giải thoát, là không đúng nghĩa.

Này Thiện nam tử ! Ông nói người thân thể đầy đủ lại nghèo thiếu chẳng tự do, người tàn tật thời giàu có tự do, nhơn đây chứng minh là có tự tánh, chẳng từ nơi nhơn duyên. Lời này chẳng đúng.

Này Thiện nam tử ! Chúng sanh do nơi nghiệp mà có quả báo. Quả báo này có ba : hiện báo, sanh báo và hậu báo. Những người nghèo cùng giàu có, lành lặn hay tàn tật, đều do nghiệp riêng khác. Nếu là có tự tánh, người lành lặn lẽ ra phải giàu có, người giàu có lẽ ra phải lành lặn. Nay chẳng như vậy, nên biết rằng không có tự tánh, mà đều từ nơi nhơn duyên.

Này Thiện nam tử ! Ông nói trẻ nhỏ chưa phân biệt được năm trần mà cũng khóc cũng cười, để chứng minh tất cả đều có tự tánh. Lời này chẳng đúng. Vì nếu có tự tánh lẽ ra cười phải thường cười, khóc phải thường khóc, chẳng nên một cười một khóc. Nếu đã một cười một khóc, thời biết rằng tất cả đều từ nhơn duyên. Do đây, chẳng nên nói rằng tất cả pháp đều có tự tánh chẳng từ nơi nhơn duyên.

Phạm Chí nói : "Bạch Thế Tôn ! Nếu tất cả pháp từ nhơn duyên mà có, thân thể này từ nhơn duyên nào ?".

- Này Thiện nam tử ! Phiền não cùng nghiệp là nhơn duyên của thân này.

- Bạch Thế Tôn ! Như thân này từ nơi phiền não và nghiệp mà có, vậy phiền não và nghiệp này có thể dứt được chăng ?

- Có thể dứt được.

- Bạch Thế Tôn ! Xin vì tôi giải nói, cho tôi được nghe liền đây đều dứt được phiền não và nghiệp.

- Này Thiện nam tử ! Nếu rõ biết hai bên và chẳng giữa không chướng ngại, thời người này có thể dứt phiền não và nghiệp.

- Bạch Thế Tôn ! Tôi đã hiểu biết, đã được Chánh pháp nhãn.

- Ông biết thế nào ?

- Bạch Thế Tôn ! Hai bên là sắc và sắc giải thoát, trung gian chính là Bát chánh đạo. Thọ, tưởng, hành, thức cũng như vậy.

- Lành thay ! Lành thay ! Này Thiện nam tử ! Ông biết rõ hai bên phiền não và nghiệp.

- Bạch Thế Tôn ! Xin cho tôi xuất gia.

- Thiện Lai Tỳ Kheo !

Liền đó Nạp Y Phạm Chí dứt trừ phiền não trong ba cõi được quả A La Hán.

Lại có Bà La Môn Hoằng Quảng nói rằng : "Cù Đàm biết tâm niệm hiện tại của tôi chăng ?".

Phật nói : "Này Thiện nam tử ! Niết Bàn là thường, hữu vi là vô thường, cong là tà kiến, ngay là Thánh đạo".

- Có gì Cù Đàm nói như vậy ?

- Này Thiện nam tử ! Ý của ông thường cho rằng khát thực là thường, biệt thỉnh là vô thường, cong là cửa khóa, ngay là tràng của Thiên Đế. Do đây nên ta nói những lời vừa rồi, chẳng phải như chỗ suy nghĩ của ông.

- Cù Đàm thiệt biết được tâm niệm của tôi. Bát chánh đạo đó có thể làm cho chúng sanh tất cả đều được tận diệt chẳng ?

Đức Thế Tôn nín lặng.

- Cù Đàm đã biết tâm niệm của tôi, nay tôi hỏi sao lại nín lặng mà chẳng đáp ?

Lúc đó Kiều Trần Như liền nói : "Này đại Bà La Môn ! Nếu có người hỏi thế gian là Hữu biên hay Vô biên, thời đức Như Lai thường nín lặng.

Này đại Bà La Môn ! Bát chánh đạo là ngay, Niết Bàn là thường, nếu tu Bát chánh đạo thời được diệt tận, nếu chẳng tu tập thời chẳng được.

Như thành lớn kia bốn vách chỉ có một cửa, người giữ cửa rất thông minh kẻ đáng cho đi thời cho, kẻ đáng ngăn thời ngăn lại, người này dầu chẳng biết được số người ra vào nhiều ít nhưng chắc chắn biết rằng tất cả người ra vào đều phải do người này.

Này đại Bà La Môn ! Đức Như Lai cũng như vậy. Thành lớn dụ cho Niết Bàn, cửa dụ Bát chánh đạo, người giữ cửa dụ đức Như Lai.

Nay đức Như Lai dầu chẳng trả lời là diệt tận cùng chẳng diệt tận, nhưng người được diệt tận, cần phải tu tập Bát chánh đạo này".

- Lành thay ! Lành thay ! Đại Đức Kiều Trần Như ! Đức Như Lai khéo nói pháp vi diệu. Nay tôi

thiết muốn biết thành lớn, biết đạo, tự mình làm người giữ cửa.

Kiều Trần Như nói : "Lành thay ! Lành thay ! Ông có thể phát tâm vô thượng rộng lớn".

Phật nói : "Này Kiều Trần Như ! Ông Bà La Môn Hoằng Quảng này chẳng phải mới phát tâm vô thượng. Thuở quá khứ cách đây vô lượng kiếp có Phật ra đời hiệu là Phổ Quang Minh đầy đủ mười hiệu, ông Hoằng Quảng này ở chỗ đức Phật đó đã phát tâm Vô Thượng Bồ Đề. Trong Hiền Kiếp này Hoằng Quảng sẽ được thành Phật. Ông ấy từ lâu đã thông đạt pháp tướng, vì chúng sanh mà hiện ở ngoại đạo. Do đây nên Kiều Trần Như chẳng nên khen ông ấy là hiện nay có thể phát tâm vô thượng".

Lúc đó đức Thế Tôn đã biết mà hỏi Kiều Trần Như rằng : "A Nan Tỳ Kheo nay ở đâu ?".

Kiều Trần Như thưa : "Bạch Thế Tôn ! A Nan Tỳ Kheo ở ngoài rừng Ta La, cách đại hội này mười hai do tuần, đương bị sáu muôn bốn ngàn ức Thiên ma nhiễu loạn. Chúng Thiên ma này đều tự biến thân làm hình Như Lai mà tuyên nói những pháp khác nhau, hoặc lại thị hiện thân thông biến hóa.

Bạch Thế Tôn ! A Nan Tỳ Kheo nghe và thấy những việc này nghĩ rằng những thần thông biến hóa từ trước chưa từng thấy. Ai làm ra ? Hoặc giả đức Thích Ca Thế Tôn hiện ra chăng ? A Nan muốn

đúng dậy muốn nói, mà thân thể không theo ý muốn. A Nan lọt vào trong rọ của ma, tự nghĩ rằng : Chư Phật nói pháp riêng khác chẳng đồng, nay tôi nên lãnh thọ lời của Đức Phật nào ?

Bạch Thế Tôn ! Hiện nay A Nan rất khổ sở, dầu nghĩ nhớ đức Như Lai mà không ai cứu thoát, do đó nên chẳng đến trong đại chúng này".

Lúc đó Văn Thù Sư Lợi đại Bồ Tát bạch Phật rằng : "Thế Tôn ! Trong đại chúng này có hàng Bồ Tát đã từ một đời đến vô lượng đời phát tâm Bồ Đề, đã cúng dường vô lượng chư Phật, tâm chí bền chắc tu hành đầy đủ sáu môn Ba la mật, trọn nên công đức lớn, từ lâu đã gần gũi vô lượng chư Phật, phạm hạnh thanh tịnh, tâm Bồ Đề chẳng thôi chuyển, đặng nhãn bất thối, trì bất thối, được như pháp nhãn, Thủ Lăng Nghiêm v.v... vô lượng tam muội. Hàng Bồ Tát này nghe kinh Đại thừa trọn chẳng sanh nghi mà có thể khéo phân biệt, tuyên nói Tam Bảo đồng một tánh tướng thường trụ bất biến. Nghe pháp bất tư nghi chẳng kinh sợ, nghe các pháp Không lòng chẳng rung động, thông đạt rành rẽ tất cả pháp tánh, thọ trì được tất cả mười hai bộ kinh và hiểu rõ ý nghĩa, cũng có thể thọ trì mười hai bộ kinh của vô lượng chư Phật.

Hàng Bồ Tát này lo gì chẳng thọ trì được kinh Đại Niết Bàn này, có gì đức Như Lai lại hỏi Kiều Trần Như, A Nan ở đâu ?".

Đức Thế Tôn bảo Văn Thù Sư Lợi Bồ Tát :
"Lóng nghe ! Lóng nghe ! Nay Thiện nam tử ! Ngày trước ta thành Phật đã trải qua ba mươi năm, lúc ở thành Vương Xá, ta có bảo các Tỷ Kheo rằng nay trong đại chúng này ai có thể vì ta mà thọ trì mười hai bộ kinh, và cung cấp hầu hạ cho ta, cũng khiến nơi mình chẳng mất lợi lành. Lúc đó Kiều Trần Như đến bạch với ta để lãnh. Ta bảo Kiều Trần Như đã già yếu cần phải có người hầu hạ, sao lại muốn hầu hạ ta. Lúc đó Xá Lợi Phất cũng đến lãnh, ta cũng bảo Xá Lợi Phất như đã bảo Kiều Trần Như. Lần lượt đến năm trăm vị A La Hán, ta đều chẳng nhận làm thị giả.

Lúc đó Đại Mục Kiền Liên liền nhập chánh định quán sát biết ý của Phật muốn A Nan làm thị giả, liền xuất định nói với Kiều Trần Như.

Lúc đó Kiều Trần Như cùng năm trăm A La Hán đến nói với A Nan rằng : "Này A Nan ! Nay ông nên làm thị giả cho đức Như Lai, nên đến thưa với đức Như Lai để nhận lấy việc ấy".

A Nan nói : "Thưa chư Đại Đức ! Thiệt tôi chẳng kham hầu hạ Như Lai. Vì đức Như Lai tôn trọng như Sư Tử Vương, như Rồng, như lửa, tôi thời yếu đuối như nhóp dâu có thể kham được".

Các A La Hán khuyên bảo A Nan đến lần thứ ba, A Nan vẫn từ chối.

Đại Mục Kiền Liên nói rằng : "Này A Nan, nay ông chưa rõ biết duyên cớ".

A Nan thưa : Bạch Đại Đức xin nói cho.

Đại Mục Kiền Liên nói : Vừa rồi đức Như Lai cầu thị giả, năm trăm A La Hán đều xin lãnh mà đức Như Lai chẳng bằng lòng. Tôi nhập định thấy ý của Như Lai muốn cho ông làm. Sao ông trở lại chẳng chịu.

A Nan nghe xong liền quỳ chấp tay thưa rằng : "Bạch chư Đại Đức ! Nếu có việc như vậy, đức Thế Tôn cho tôi ba điều nguyện, tôi sẽ tuân mạng lệnh chư Tăng mà làm thị giả.

Một là giả sử đức Như Lai đem y cũ ban cho tôi, xin cho phép tôi chẳng nhận. Hai là giả sử đức Như Lai thọ biệt thỉnh của đàn việt, xin cho phép tôi chẳng đi theo. Ba là xin cho phép tôi ra vào không luận là giờ khắc nào.

Nếu đức Thế Tôn bằng lòng ba điều nguyện này, thời tôi xin tuân mạng lệnh chư Tăng mà làm thị giả cho Như Lai".

Kiều Trần Như cùng năm trăm A La Hán đem việc trên mà bạch lại với Phật.

Đức Thế Tôn khen ngợi A Nan rằng : "Lành thay ! Lành thay ! A Nan Tỳ Kheo có đủ trí huệ dự thấy mà tránh trước sự cơ hiểm. Vì sẽ có người cho rằng vì y thực mà A Nan hầu hạ đức Như Lai, nên A

Nan xin phép chẳng lãnh y cũ và chẳng theo Phật thọ biệt thỉnh. Lại A Nan có đủ trí huệ, biết rằng nếu ra vào có giờ thời không thể làm lợi ích rộng cho bốn bộ chúng, nên A Nan xin phép ra vào không luận giờ nào.

Ta bằng lòng cho phép A Nan ba điều như A Nan đã xin".

Đại Mục Kiền Liên trở lại bảo A Nan rằng : "Chúng tôi đã đem lời ông yêu cầu bạch lên đức Như Lai. Đấng Đại từ đã bằng lòng".

A Nan thưa : "Bạch Đại Đức ! Nếu Như Lai đã bằng lòng, tôi xin qua làm thị giả".

Phật bảo Văn Thù Sư Lợi : "Hơn hai mươi năm nay, A Nan hầu hạ có đủ tám điều chẳng thể nghĩ bàn :

Một là hơn hai mươi năm, A Nan không bao giờ theo ta thọ biệt thỉnh.-Hai là không bao giờ lãnh lấy y cũ của ta. - Ba là không bao giờ đến ta mà phi thời. - Bốn là dầu còn đủ phiền não, nhưng khi theo ta vào cung vua, đến nhà sang giàu, thấy các người nữ, Thiên nữ, Long nữ, A Nan không bao giờ có dục tâm.- Năm là mười hai bộ kinh của ta nói ra, nghe qua một lần A Nan đều nhớ rõ chẳng cần hỏi lại, như nước trong bình này rót qua bình kia, chỉ trừ một lần hỏi : Thuở Lưu Ly Thái Tử giết hại họ Thích Ca, phá thành Ca Tỳ La, A Nan buồn khổ khóc lóc đến bạch với ta rằng tôi cùng Như Lai đồng sanh trưởng trong thành này, đồng một

họ Thích, tại sao dung nhan của Như Lai như thường, mà tôi thời tiêu tụy. Ta đáp A Nan rằng vì ta tu không định nên chẳng đồng như ông.

Ba năm sau, A Nan trở lại hỏi ta rằng : Bạch Thế Tôn ! Tôi qua thành Ca Tỳ La kia từng nghe đức Như Lai tu không tam muội, việc đó là hư hay thật ? Ta bảo A Nan đúng như vậy. - Sáu là từ khi hầu hạ ta đến nay, dầu chưa được tha tâm trí, mà A Nan thường biết chánh định của Như Lai nhập. - Bảy là từ khi hầu ta đến nay, dầu chưa được nguyện trí, mà A Nan có thể biết rõ người này đến chỗ Như Lai hiện tại có thể được bốn quả Sa Môn, người này ngày sau sẽ được, người này sẽ được thân trời hay thân người. - Tám là từ khi hầu ta đến nay, những lời bí mật của Như Lai, A Nan đều biết được cả.

Này Văn Thù Sư Lợi ! A Nan Tỳ Kheo có đủ tám điều Bát tư nghi như vậy nên ta gọi A Nan là đa văn tạng.

Này Văn Thù Sư Lợi ! A Nan lại có đủ tám pháp nên có thể thọ trì hoàn toàn mười hai bộ kinh : Một là tín căn kiên cố, hai là tâm ý chất trực, ba là thân không bệnh, bốn là thường tinh tấn, năm là có đủ niệm tâm, sáu là không kiêu mạn, bảy là thành tựu định ý, tám là có đủ trí huệ do nghe pháp mà sanh.

Này Văn Thù Sư Lợi ! Thị giả của Phật Tỳ Bà Thi tên là A Thúc Ca cũng có đủ tám pháp như vậy.

Thị giả của Phật Thi Khí tên là Sai Ma Ca La, thị giả của Phật Tỳ Xá Phù tên là Ưu Ba Phiến Đà, thị giả của Phật Câu Lưu Tôn tên là Bạt Đề, thị giả của Phật Câu Na Hàm Mâu Ni tên là Tô Đàn, thị giả của Phật Ca Diếp tên là Diếp Đà Mật Đa, đều cũng có đủ tám pháp như vậy. Nay A Nan thị giả của ta cũng có đủ tám pháp ấy, nên ta gọi A Nan là đa văn tạng.

Này Văn Thù Sư Lợi ! Trong đại chúng này đều có vô lượng vô biên Bồ Tát, nhưng các Bồ Tát này đều có trọng nhiệm là đại từ đại bi, đều có công vụ gấp rút : Điều phục quyến thuộc và trang nghiêm tự thân. Do đây nên sau khi ta nhập Niết Bàn, những vị này không thể tuyên thông mười hai bộ kinh. Nếu có Bồ Tát hoặc có lúc tuyên thuyết mà người chẳng tin thọ.

Này Văn Thù Sư Lợi ! A Nan Tỳ Kheo là em của ta, hầu hạ ta hơn hai mươi năm, những pháp được nghe đều thọ trì đầy đủ như nước rót vào một cái bình. Nên ta cố hỏi A Nan ở đâu, muốn khiến A Nan thọ trì kinh Đại Niết Bàn này.

Này Văn Thù Sư Lợi ! Sau khi ta nhập Niết Bàn, những pháp mà A Nan được nghe, ông ấy tự có thể tuyên thông, những pháp A Nan chưa được nghe thời Hoàng Quảng Bồ Tát có thể lưu bố.

Này Văn Thù Sư Lợi ! Nay A Nan ở cách ngoài đại hội này mười hai do tuần, đương bị sáu muôn

bốn ngàn ức Thiên ma náo loạn, ông nên qua đó nói lớn rằng : Tất cả loài ma nên lắng nghe ! Nay đức Như Lai nói đại Đà La Ni, tất cả Thiên long Bát bộ cùng chư vị Thần kỳ đều cung kính thọ trì Đà La Ni này. Mười hằng hà sa chư Phật cũng đồng tuyên nói Đà La Ni này. Đà La Ni này có thể chuyển thân nữ, tự biết túc mạng. Nếu thọ trì năm điều : Phạm hạnh, đoạn nhục, đoạn tửu, đoạn tâm, thích ở vắng lặng, rồi chí tâm, tín thọ, đọc tụng, biên chép Đà La Ni này, người này sẽ được vượt khỏi bảy mươi bảy ức thân tệ ác.

Liên đó đức Thế Tôn nói thần chú :

- A Ma Lệ, Tỳ Ma Lệ, Niết Ma Lệ, Mông Già Lệ, Hê Ma La Nhã Kiệt Bệ, Tam Mạn Na Bát Đề Lệ, Ta Bà La Đà Ta Đàn Ni, Ba La Ma Tha Ta Đàn Ni, Ma Na Tư, A Chuyết Đề, Tỳ La Kỳ, Am Ma Lại, Đàn Bà Táp Ma, Tá Lệ Phú La Nê, Phú La Na, Ma Nô Lại Đề.

Lúc đó Văn Thù Sư Lợi lãnh Đà La Ni này đến chỗ A Nan y theo lời Phật to tiếng bảo chúng ma.

Ma Vương nghe Đà La Ni này rồi liền phát tâm Vô Thượng Bồ Đề, bỏ nghiệp ma và thả A Nan.

Văn Thù Sư Lợi Bồ Tát cùng A Nan đồng đến chỗ Phật. A Nan thấy Phật chí tâm kính lễ.

Phật bảo A Nan, ngoài rừng Ta La này có một Phạm Chí tên Tu Bát Đà La đã một trăm hai mươi tuổi, ông ấy dầu được ngũ thông mà chưa bỏ kiêu

mạn, được Phi phi Tướng định cho là Nhứt thiết trí đã được Niết Bàn. Ông nên đến nói với Tu Bạt Đà La rằng : Đức Như Lai ra đời như hoa Ưu Đàm. Giữa đêm nay đức Như Lai sẽ nhập Niết Bàn. Nếu có chỗ phải làm nên làm kịp thời, chớ để ngày sau sanh lòng hối hận.

Ông nói, Tu Bạt Đà La chắc sẽ tin thọ. Vì ông thuở quá khứ đã từng năm trăm đời làm con trai của Tu Bạt Đà La. Lòng yêu thương của ông ấy vẫn còn, nên có thể tin thọ lời của ông.

A Nan tuân lời Phật đến nói với Tu Bạt Đà La.

Tu Bạt Đà La bảo rằng : "Lành thay ! Thưa Ngài A Nan ! Nay tôi sẽ đến chỗ Như Lai".

A Nan cùng Tu Bạt Đà La trở về ra mắt Phật.

Thăm hỏi xong, Tu Bạt Đà La nói : "Thưa Cù Đàm ! Nay tôi muốn xin hỏi Ngài đáp cho".

Phật liền hứa khả.

Tu Bạt Đà La nói : "Thưa Cù Đàm ! Có các nhà Sa Môn, Bà La Môn nói rằng tất cả chúng sanh thọ báo khổ vui đều theo nơi nghiệp đã tạo ra ngày trước. Do đây nếu có người trì giới tinh tấn, thân tâm chịu khổ thời phá hoại được nghiệp đời trước. Nghiệp cũ đã hết thời quả khổ cũng dứt hết, khổ đã dứt thời chúng được Niết Bàn. Nghĩa trên đây là thế nào ?".

- Nay Thiện nam tử ! Nếu có Sa Môn hay Bà La Môn nói như vậy, ta sẽ vì xót thương mà thường đến chỗ người ấy để hỏi rằng : Quả thật Ngài có nói như vậy chẳng ? Nếu họ đáp là có và họ bảo rằng vì họ thấy chúng sanh làm điều ác mà giàu sang tự tại, lại thấy người làm lành mà nghèo hèn mất tự do, lại thấy có người ra công ra sức nhiều mà không có của, thấy kẻ ở không tự nhiên có của, có người từ tâm chẳng sát sanh mà chết yếu, thấy kẻ ư sát sanh lại sống lâu, có người tinh tấn trì giới Phạm hạnh thanh tịnh hoặc được giải thoát hoặc chẳng được, do đây nên nói rằng tất cả chúng sanh thọ khổ báo vui đều do nghiệp nhơn ngày trước.

Nay Tu Bạt Đà La ! Ta sẽ hỏi họ các Ngài có thiệt thấy nghiệp quá khứ chẳng ? Nếu có, nghiệp ấy nhiều hay ít ? Khổ hạnh hiện tại phá được nhiều ít ? Các Ngài biết được nghiệp này đã hết hay chẳng hết chẳng ? Nghiệp này đã hết là hết tất cả chẳng ? - Nếu họ đáp là họ thiệt chẳng biết, thời ta sẽ vì họ mà dẫn thí dụ : Như có người thân bị tên độc, gia quyến rước y sĩ đến để nhổ mũi tên độc, lấy độc xong người đó được lành mạnh. Sau đó mười năm, người này còn nhớ rõ rằng : Y sĩ đó nhổ tên độc cho tôi rồi dùng thuốc thoa đắp khiến tôi được lành mạnh an vui.

Các Ngài đã chẳng biết nghiệp nhơn quá khứ làm sao biết được khổ hạnh hiện tại quyết định phá được nghiệp quá khứ ?

Nếu họ nói rằng : Nay Cù Đàm cũng có nghiệp quá khứ, cố sao lại riêng trách nghiệp quá khứ của chúng tôi ? Trong kinh của Cù Đàm cũng nói rằng : Nếu thấy người giàu sang tự tại, thời nên biết người này đời trước ưa bố thí. Như vậy chẳng phải gọi là nghiệp quá khứ ư ?

Ta bảo họ rằng : Này các Ngài ! Biết như vậy gọi là tĩ tri, chẳng gọi là chơn tri. Trong Phật pháp hoặc có do nhơn mà biết quả, hoặc có do quả mà biết nhơn. Trong Phật pháp có nghiệp quá khứ, có nghiệp hiện tại. Các Ngài thời chẳng như vậy, chỉ có nghiệp quá khứ mà không biết nghiệp hiện tại.

Phật pháp của ta do nơi phương tiện mà dứt nghiệp, giáo pháp của các Ngài thời chẳng từ nơi phương tiện mà dứt nghiệp.

Giáo pháp của các Ngài cho rằng nghiệp đã hết thời hết khổ, Phật pháp của ta thời phiền não đã hết nghiệp và khổ cũng hết. Do đây nên ta trách nghiệp quá khứ của các Ngài.

Nếu họ nói rằng : Thưa Cù Đàm ! Chúng tôi thiệt chẳng biết, đó là lời của Thầy chúng tôi, không phải lỗi của chúng tôi.

Ta sẽ bảo họ rằng Thầy của các Ngài là ai ? Nếu họ đáp là Phú Lan Na. Thời ta lại bảo họ rằng : "Trước kia sao các Ngài chẳng thưa hỏi cho rõ ràng coi Thầy của các Ngài có thiệt biết nghiệp quá khứ

không ? Nếu Thầy của các Ngài bảo là chẳng biết, tại sao các Ngài lại nhận lấy lời ấy. Nếu Thầy của các Ngài bảo là biết thì nên hỏi rằng : Hạ khổ làm nhơn duyên có thọ trung và thượng khổ chăng ? Trung khổ làm nhơn duyên có thọ hạ và thượng khổ chăng ? Thượng khổ làm nhơn duyên có thọ hạ và trung khổ chăng ? Nếu đáp là không thì nên lại hỏi : Sao nhà Thầy nói báo khổ vui chỉ do nghiệp quá khứ mà chẳng phải nghiệp hiện tại ?

Lại nên hỏi : Khổ hiện tại, quá khứ có chăng ? Nếu quá khứ có khổ thì nghiệp quá khứ đều đã dứt hết, nếu đã đều dứt hết sao lại còn thọ lấy thân ngày nay ? Nếu quá khứ không khổ chỉ có nơi hiện tại, tại sao lại nói chúng sanh khổ vui đều do nghiệp quá khứ ?

Này các Ngài ! Nếu cho rằng khổ hạnh hiện tại có thể phá hoại nghiệp quá khứ, lại lấy gì để phá khổ hạnh hiện tại ? Nếu như chẳng phá thì khổ là thường, nếu khổ là thường sao lại nói rằng được giải thoát khổ ? Nếu lại có hạnh nghiệp phá hoại khổ hạnh, thì quá khứ đã hết tại sao có khổ ?

Này các Ngài ! Khổ hạnh như vậy có thể làm cho nghiệp vui thọ lấy quả khổ chăng ? Có thể làm cho nghiệp khổ thọ lấy quả vui chăng ? Có thể làm cho nghiệp không khổ không vui chẳng thọ quả chăng ? Có thể làm cho báo hiện tại thành báo đời kế chăng ? Có thể làm cho báo đời kế thành báo hiện tại chăng ? Có thể làm cho hai báo này thành không quả báo chăng ?

Có thể làm cho định báo thành không quả báo chăng ?
Có thể làm cho không quả báo thành định báo chăng ?

Nếu họ trả lời rằng không thể được, ta sẽ bảo rằng : Này các Ngài ! Nếu như không thể được, duyên có gì các Ngài lại thọ khổ hạnh này ?

Các Ngài nên biết rằng quyết định có nghiệp quá khứ và nhơn duyên hiện tại. Do đây nên tôi nói nhơn nơi phiền não mà sanh ra nghiệp, nhơn nơi nghiệp mà thọ quả báo.

Các Ngài nên biết rằng tất cả chúng sanh có nghiệp quá khứ và có nhơn hiện tại. Dầu chúng sanh có nghiệp sống lâu quá khứ, nhưng phải nhờ nhơn duyên ăn uống hiện tại. Nếu nói chúng sanh thọ khổ thọ vui quyết định chỉ do nơi nghiệp quá khứ thời không phải. Vì như có người trừ được kẻ thù cho nhà vua, do đây mà được vua ban cho nhiều của báu, do có nhiều tiền của mà hiện tại được sung sướng. Người này hiện tại làm nhơn sung sướng nên thọ báo sung sướng hiện tại. Lại như có người giết chết Vương Tử, do đây mà phải bị tru戮. Người này hiện tại tạo nhơn khổ nên phải thọ báo khổ hiện tại.

Này các Ngài ! Tất cả chúng sanh hiện tại nhơn nơi tứ đại, thời tiết, đất đai, nhơn dân mà thọ khổ thọ vui. Do đây nên ta nói tất cả chúng sanh bất tất đều nhơn nơi nghiệp đời trước mà thọ khổ, thọ vui.

Này các Ngài ! Nếu do nhơn duyên dứt nghiệp mà được giải thoát, thời tất cả Thánh nhơn chẳng được giải thoát. Vì bốn nghiệp quá khứ của tất cả chúng sanh là vô thí vô chung. Do đây nên ta nói lúc tu Thánh đạo, Thánh đạo này có thể ngăn nghiệp vô thí vô chung.

Này các Ngài ! Nếu thọ khổ hạnh bèn đắc đạo đó, thời tất cả loài súc sanh lẽ ra đều đắc đạo. Do đây nên phải trước điều phục tâm mình mà chẳng điều phục thân. Vì thế nên trong kinh ta nói chặt đồn rừng này chớ chặt đồn cây, vì do nơi rừng sanh kinh sợ chẳng phải do cây. Muốn điều phục thân phải trước điều phục tâm. Tâm dụ như rừng, thân dụ như cây.

Tu Bạt Đà La thưa : "Bạch Thế Tôn ! Tôi đã trước điều phục tâm rồi".

Phật nói : Này Thiện nam tử ! Nay ông làm thế nào có thể trước điều phục tâm ông ?

- Bạch Thế Tôn ! Tôi trước suy nghĩ rằng : Dục ái là vô thường, vô lạc, vô tịnh, quán sát sắc là thường, lạc, ngã, tịnh. Suy nghĩ như vậy rồi kiết sử cõi Dục dứt mà được sắc xứ, nên gọi là trước điều phục tâm.

Kế đó tôi quán sát sắc là vô thường : Như mụn nhọt, mụn ghẻ, như thuốc độc, như mũi tên thấy vô sắc là thường tịch tịnh trong sạch. Quán sát như vậy

rồi kiết sử cõi Sắc dứt mà được Vô sắc xứ. Do đây nên gọi là trước điều phục tâm.

Kế đó tôi lại quán sát tướng là vô thường như nhọt, như ghẻ, như độc, như tên. Quán sát như vậy rồi được Phi tướng Phi phi Tướng xứ. Phi phi Tướng xứ này là Nhứt thiết trí vắng lặng thanh tịnh thường hằng bất biến không sa đọa. Do đây nên tôi có thể điều phục lấy tâm mình.

Phật nói : "Này Thiện nam tử ! Như thế thời ông đâu có điều phục được tâm ! Phi Tướng Phi Phi Tướng xứ định của ông được vẫn còn gọi là tướng, Niết Bàn là vô tướng, sao ông nói rằng chúng được Niết Bàn ?

Này Thiện nam tử ! Trước ông đã có thể nhàm trách thô tướng, nay ông lại tham trước nơi tế tướng. Chẳng biết nhàm trách Phi Tướng Phi Phi Tướng xứ định, định này vẫn gọi là tướng như nhọt, như ghẻ như độc, như tên.

Này Thiện nam tử ! Thầy của ông là Uất Đầu Lam Phát thông minh lanh lợi còn không thể dứt được Phi Tướng Phi Phi Tướng xứ này mà phải thọ lấy thân ác đạo, huống là những kẻ khác.

- Bạch Thế Tôn ! Thế nào có thể dứt được tất cả các cõi ?

- Này Thiện nam tử ! Người quán thiết tướng có thể dứt tất cả các cõi.

- Bạch Thế Tôn ! Thế nào gọi là thiệt tướng ?

- Nay Thiện nam tử ! Tướng vô tướng gọi là thiệt tướng.

- Bạch Thế Tôn ! Thế nào gọi là tướng vô tướng ?

- Nay Thiện nam tử ! Tất cả pháp không tự tướng, không tha tướng và không tự tha tướng, không tướng vô nhơn, không tướng tác, không tướng thọ, không tướng tác giả, không tướng thọ giả, không tướng pháp, tướng phi pháp, không tướng nam nữ, không tướng sĩ phu, không tướng vi trần, không tướng thời tiết, không tướng làm ra mình, không tướng làm ra người, không tướng làm ra mình ra người, không tướng có tướng không, không tướng sanh, tướng sanh giả, không tướng nhơn, tướng nhơn nhơn, không tướng quả, tướng quả quả, không tướng ngày đêm, không tướng sáng tối, không tướng kiến tướng, kiến giả, không tướng văn tướng văn giả, không tướng giác tri, tướng giác tri giả, không tướng Bồ Đề, không tướng đắc Bồ Đề giả, không tướng nghiệp, tướng nghiệp chủ, không tướng phiền não, tướng phiền não chủ.

Nay Thiện nam tử ! Những tướng như vậy tùy theo chỗ nó diệt thời gọi là tướng chơn thiệt. Tất cả pháp đều gọi là hư giả, tùy theo chỗ nó diệt thời gọi là thiệt. Đây gọi là thiệt tướng, là Pháp giới, là Tất cánh trí, là Đệ nhứt nghĩa đế, là Đệ nhứt nghĩa không.

Này Thiên nam tử ! Nơi thiết tướng này, người hạ trí quán đó thời được Thanh Văn Bồ Đề, người trung trí quán đó thời được Duyên Giác Bồ Đề, người thượng trí quán đó thời được Vô Thượng Bồ Đề.

Lúc Phật nói pháp này, có mười ngàn Bồ Tát chứng được Nhứt sanh thật tướng, có mười lăm ngàn Bồ Tát chứng được Nhị sanh pháp giới, có hai mươi lăm ngàn Bồ Tát được Tất cánh trí, có ba mươi lăm ngàn Bồ Tát ngộ Đệ nhứt nghĩa đế. Đệ nhứt nghĩa đế này cũng gọi là Đệ nhứt nghĩa không, cũng gọi là Thủ Lăng Nghiêm tam muội. Lại có bốn mươi lăm ngàn Bồ Tát được Hư không tam muội, Hư không tam muội này cũng gọi là Quảng đại tam muội, cũng gọi là Trí ấn tam muội. Năm mươi lăm ngàn Bồ Tát được Bất thối nhẫn, Bất thối nhẫn này cũng gọi là như pháp nhẫn, cũng gọi là như Pháp giới. Có sáu mươi lăm ngàn Bồ Tát được Đà La Ni, Đà La Ni này cũng gọi là Đại niệm tâm, cũng gọi là Vô ngại trí. Có bảy mươi lăm ngàn Bồ Tát được Sư tử hống tam muội, tam muội này cũng gọi là Kim Cang tam muội, cũng gọi là ngũ Trí ấn tam muội. Có tám mươi lăm ngàn Bồ Tát được bình đẳng tam muội, tam muội này cũng gọi là Đại từ Đại bi. Có vô lượng hằng hà sa chúng sanh phát tâm Vô Thượng Bồ Đề, vô lượng hằng hà sa chúng sanh phát tâm Duyên Giác, vô lượng hằng hà sa chúng sanh phát tâm Thanh Văn. Có hai muôn ức hơn nữ và Thiên nữ hiện đời chuyển thân nữ được thân nam.

(*) Lúc đó Tu Bạt Đà La nghe đức Phật nói pháp thâm thâm vi diệu, được pháp nhãn thanh tịnh bỏ tà kiến xin xuất gia.

Phật nói : "Lành thay ! Lành thay ! Thiện Lai Tỳ Kheo !".

Tu Bạt Đà La vui mừng hơn hở, râu tóc tự rụng thành tướng Sa Môn, dứt hết phiền não đặng quả A La Hán.

Được chứng quả rồi, Tu Bạt Đà La chiêm ngưỡng Tôn nhan, đầu mặt đánh lễ chơn Phật, quỳ chấp tay tự trách tội lỗi ngày trước của mình mà bạch Phật rằng : "Bạch Thế Tôn ! Tôi rất hèn thân độc này nhiều kiếp đến nay luôn khi dôi, làm cho tôi chìm mãi trong vô minh tà kiến trôi đắm theo giáo pháp của ngoại đạo. Rất đau đớn thay ! Thân này làm hại quá nhiều. May mắn thay ! Nay nhờ ơn Như Lai mà được vào chánh pháp.

Trí huệ của đức Thế Tôn như biển cả, lòng từ bi của đức Thế Tôn vô lượng. Tôi tự suy xét dầu nhiều kiếp nát thân cũng chưa báo được ơn đức này".

Tu Bạt Đà La buồn khóc rơi lệ không thể tự ngăn được, lại bạch Phật rằng : "Bạch Thế Tôn ! Tôi tuổi đã già suy, không còn sống bao lâu, bị hành khổ bức não. Xin đức Thế Tôn nán lại để dạy dỗ chớ nhập Niết Bàn".

(*) Hán bộ quyển thứ 41.

Đức Thế Tôn nín lặng chẳng hứa.

Thỉnh Phật chẳng được, Tu Bạt Đà La sầu khổ kêu to lên rằng : "Khổ thay ! Khổ thay ! Thế gian trống rỗng ! Thế gian trống rỗng ! Nay có gì sự kinh sợ lớn liền đến, khắp nơi phải khổ não.

Than ôi ! Chúng sanh phước đã hết, huệ nhãn đã dứt".

Than xong, ông càng khóc lóc nghẹn ngào, cả mình ửng máu, té xuống trước Phật hôn mê ngất xỉu.

Giây lâu tỉnh lại, ông nghẹn ngào rơi lệ mà bạch Phật rằng : "Bạch Thế Tôn ! Nay tôi không nữa thấy đức Như Lai nhập Niết Bàn, xin đức Thế Tôn cho phép tôi diệt thân này trước, rồi sau đức Thế Tôn sẽ nhập Niết Bàn".

Bạch xong, Tu Bạt Đà La liền ở trước Phật mà nhập Niết Bàn.

Lúc đó có vô số hằng hà sa Bồ Tát, Tỳ Kheo, Tỳ Kheo Ni, Thiên, Nhơn, A Tu La v.v... đồng kêu to lên rằng : "Khổ thay ! Khổ thay ! Có sao đáng Chánh giác lại sớm bỏ lìa khiến chúng tôi không có chủ, không chỗ về, không nơi nương không chỗ đến".

Đại chúng buồn than khóc lóc đâm ngực té xỉu. Tiếng kêu khóc khắp cõi Đại thiên.

Lúc đó đức Thế Tôn bảo khắp đại chúng : "Chớ quá khóc lóc như trẻ nít. Đại chúng phải cố dần chớ để tâm mê loạn !

Đại chúng ở trong biển lớn sanh tử phải siêng năng tu hành cho tâm được thanh tịnh, chớ để mất chánh niệm, chánh huệ, phải gấp cầu chánh trí mau thoát khỏi các cõi. Nếu thọ thân trong ba cõi thời bị khổ luân hồi không ngừng mé, vô minh là ông chủ, ân ái là Ma vương, sai khiến thân tâm như tôi tớ, duyên theo trần cảnh tạo nghiệp sanh tử, tham sân si niệm niệm làm hại, từ vô lượng kiếp đến nay thường thọ lấy sự khổ não. Đâu có người trí mà chẳng đi ngược lại nguồn sanh tử này !

Đại chúng nên biết rằng từ nhiều kiếp đến nay ta đã nhập Đại Niết Bàn, không còn có ấm giới nhập, mà đã dứt hẳn các cõi, thường ở trong bảo tạng Kim cang thường, lạc, ngã, tịnh. Hôm nay ta ở nơi đây thị hiện sức phương tiện bất tư nghì mà nhập Đại Niết Bàn đồng với pháp thế gian. Đó là ta muốn cho chúng sanh rõ biết thân như chớp nhoáng, giòng họ sanh tử chảy quá mau, những hành pháp luân chuyển vô thường lẽ phải như vậy.

Như Lai nhập Đại Niết Bàn là rất sâu, rất sâu chẳng thể nghĩ bàn, là cảnh giới của chư Phật Bồ Tát, chẳng phải hàng Thanh Văn, Duyên Giác biết được.

Đức Phật lại bảo đại chúng : "Tu Bạt Đà La đây đã từng cúng dường hằng hà sa chư Phật, đã trồng sâu căn lành, do sức đại nguyện, ông ấy thường xuất gia trong phái ngoại đạo Ni Kiền Tử, dùng phương tiện huệ để dắt dẫn chúng sanh tà kiến cho họ được vào chánh trí. Tu Bạt Đà La nương nơi bốn nguyện lực, hôm nay được gặp ta sắp nhập Niết Bàn, được nghe chánh pháp, được quả A La Hán. Đã được quả rồi lại nhập Niết Bàn.

Từ khi ta thành Phật độ A Nhã Kiều Trần Như, đến sắp nhập Niết Bàn độ Tu Bạt Đà La, công việc của ta đã trọn vẹn, dầu ta có ở mãi lại cũng không có gì khác với ngày nay".

Nói xong đức Thế Tôn lại xướng rằng : "Lành thay ! Lành thay ! Tu Bạt Đà La vì báo ân Phật mà nhập Niết Bàn. Đại chúng phải nên cúng dường thi hài của ông ấy và xây lập tháp miếu".

Lúc đó đại chúng buồn khổ thảm thiết, gạt lệ dần lấy lòng, y theo lời Phật dạy, dùng gỗ thơm trà tỳ thi hài của Tu Bạt Đà La.

Đương lúc thiêu, thi hài của Tu Bạt Đà La ở trong lửa phóng ánh sáng lớn, hiện đủ mười tám sự biến hóa : Trên thân ra nước, dưới thân ra lửa, hông mặt ra lửa, hông trái ra nước, hiện thân lớn khắp trong hư không rồi lại hiện nhỏ v.v...

Lúc đó trong đại chúng có vô lượng ngoại đạo tà kiến được chánh kiến phát tâm Bồ Đề.

Sau khi hiện thân thông, thi hài của Tu Bạt Đà La trở vào trong lửa.

Trà tỳ xong, đại chúng thâu lấy Xá lợi, dựng tháp cúng dường.



KINH ĐẠI BÁT NIẾT BÀN

XXVI

PHẨM DI GIÁO

Thứ hai mươi sáu

Lúc bấy giờ đức Phật bảo A Nan và đại chúng :
"Sau khi ta diệt độ, hàng tứ chúng phải siêng hộ trì kinh Đại Niết Bàn của ta. Trong vô lượng vô số kiếp ta tu tập pháp Đại Niết Bàn khó đặng này, nay đã giải thuyết rõ ràng cho đại chúng.

Các người nên biết pháp Đại Niết Bàn này là bảo tạng Kim Cang thường, lạc, ngã, tịnh hoàn toàn viên mãn của tất cả chư Phật. Tất cả chư Phật đều ở nơi pháp Đại Niết Bàn này mà nhập Niết Bàn. Pháp này là pháp tối hậu rốt ráo chí lý cùng tột không thiếu sót. Chư Phật đều phóng xả thân mạng nơi đây, do đó nên gọi là Đại Niết Bàn.

Đại chúng muốn đặng chơn thật báo ân Phật, mau chứng Bồ Đề, được chư Phật rờ đầu, đời đời sanh ra chẳng mất chánh niệm, thập phương chư Phật

thường hiện trước mình ngày đêm giữ gìn làm cho tất cả mọi người được pháp xuất thế, thời phải siêng năng tu tập kinh Đại Niết Bàn này.

Phật bảo A Nan : "Lúc ta chưa thành Phật thị hiện vào trong pháp ngoại đạo của Uất Đầu Lam Phất, tu học tứ Thiền bát định.

Từ khi ta thành Phật đến nay bác bỏ những pháp ấy khuyến dụ lần lần các phái ngoại đạo, cuối cùng đến ông Tu Bạt Đà La, cho họ đều vào Phật đạo.

Đức Như Lai dùng đuốc đại trí đốt trảng tà kiến, như đem lá cỏ khô ném vào trong ngọn lửa lớn.

Này A Nan ! Nay những người giòng Thích Ca ta rất lo nghĩ đến họ. Sau khi ta nhập Niết Bàn, ông phải siêng năng đem điều lành dạy răn, hàng quyến thuộc của ta, hết lòng dạy dỗ cho họ được diệu pháp. Chớ để họ phóng dật tán tâm chơi bời hoặc theo tà pháp.

Người chưa thoát khỏi sự thống khổ trong ba cõi phải sớm cầu giải thoát. Phải lo sợ chốn ngũ trược ái dục này, một khi mất thân người rất khó được lại, trọn đời phải thường soi xét. Khó lấy tình để cầu thoát khỏi quỉ vô thường.

Phải thương xót chúng sanh, chớ giết hại dẫu là côn trùng nhỏ nhít.

Thân nghiệp thanh tịnh thường sanh cõi tốt đẹp. Khẩu nghiệp thanh tịnh xa lìa những lỗi ác. Chớ ăn thịt, chớ uống rượu.

Điều phục con rắn tâm cho nó vào đạo quả.

Phải suy nghĩ kỹ nghiệp nhơn thiện ác cảm báo tốt xấu. Nhơn quả trong ba đời tuần hoàn chẳng mất, như bóng theo hình. Đời này luống qua về sau ăn năn không kịp.

Giờ Niết Bàn đã đến, ta tóm tắt dạy bảo như vậy.

A Nan nghe lời Phật dạy, thân thể run, tâm động, buồn khóc nghẹn ngào, mê muội té xuống trước mặt Phật như người chết.

Lúc đó ngài A Nâu Lô Đà an ủi A Nan rằng :
"Đâu nên quá sầu khổ như vậy ! Đã đến giờ đức Như Lai nhập Niết Bàn, ngày nay dầu có Phật, sáng mai thời đã không. Ông y theo lời tôi để thừa hỏi đức Như Lai bốn điều.

- Sau khi Phật nhập Niết Bàn, Lục Quân Tỳ Kheo làm việc O Tha Gia, cùng Xa Nặc ác tánh, các Tỳ Kheo làm thế nào để cùng họ cộng trụ và chỉ dạy họ ?

Đức Như Lai còn, thời dùng Phật làm Thầy, đức Như Lai diệt độ rồi lấy gì để làm thầy ?

- Lúc Phật còn, nương nơi Phật mà trụ, Như Lai đã diệt độ nương gì để trụ ?

- Sau khi Phật diệt độ, lúc kết tập Pháp tạng, đầu các kinh phải để những lời gì ?

A Nan như ở trong mộng nghe Ngài A Nâu Lô Đà khuyên bảo hỏi Phật bốn điều. Lần lần được tỉnh

ngộ chẳng xiết buồn thảm, A Nan đem bốn điều trên hỏi Phật.

Đức Như Lai bảo A Nan : "Sao lại quá buồn khổ như vậy ! Chư Phật thuyết pháp giáo hóa việc làm đã xong, theo phép phải về nơi đây.

Lành thay ! Lành thay ! Bốn điều ông vừa hỏi, là lời hỏi tối hậu, có lợi ích lớn cho tất cả thế gian. Các ông lắng nghe và khéo suy nghĩ ghi nhớ.

Sau khi Phật nhập Niết Bàn, Tỳ Kheo Xa Nặc tâm tánh sẽ lần lần điều phục nhu hòa bỏ ác tánh cũ.

Này A Nan ! Ông Nan Đà trước kia rất nặng ái dục, tánh rất xấu ác, đức Như Lai dùng thiện phương tiện chỉ dạy cho ông ấy được lợi ích vui mừng. Phật rõ biết căn tánh của ông ấy, dùng huệ Bát Nhã mà giảng thuyết mười hai nhơn duyên : Chính là vô minh duyên hành, hành duyên thức, nhãn đến lão, tử, ưu bi, khổ não, đều là rừng bụi vô minh yêu ghét, tất cả hành khổ đầy tràn trong ba cõi, chạy khắp trong lục đạo. Cội gốc sự khổ từ vô minh khởi lên. Dùng huệ Bát Nhã hiển bày tánh tịnh, quán sát kỹ cội gốc thời dứt được tội lỗi trong ba cõi. Vì cội gốc vô minh dứt nên vô minh dứt, vô minh dứt thời hành dứt, nhãn đến lão, tử, ưu bi, khổ não đều dứt.

Lúc được quán niệm này nhiếp tâm đứng dừng thời được nhập tam muội, do sức tam muội được nhập Sơ thiền, lần lượt nhập Tứ thiền, không rời

chánh niệm luôn tu tập như vậy, rồi sau tự sẽ được chứng Thượng quả thoát khỏi khổ trong ba cõi. Nan Đà Tỷ Kheo, tin sâu lời dạy của Phật, siêng năng tu tập trong một ít lâu được chứng quả A La Hán.

Này A Nan ! Sau khi ta nhập Niết Bàn, các ông nên y theo giáo pháp chánh quán của ta mà chỉ dạy cho Lục Quân cùng Xa Nặc, hết lòng nương theo chánh pháp thanh tịnh này, tự sẽ được chứng Thượng quả.

Này A Nan ! Phải biết rằng đều do nơi vô minh mà tăng trưởng cây sanh tử trong ba cõi, nên mãi trôi chìm trong ái hà, chịu khổ mãi dưới vực tối tăm, vòng quanh cột sanh tử. Sáu thức là nhánh, vọng niệm là gốc, lượn sóng vô minh xúc khiến tâm thức dạo chơi theo lục trần, sanh mầm các sự khổ não. Vô minh nó tự tại như vua, không ai chế ngự được. Do đây nên ta nói ông chủ vô minh niệm niệm làm hại, chúng sanh chẳng hay biết, mãi luân chuyển trong sanh tử.

Này A Nan ! Tất cả chúng sanh vì vô minh này mà khởi những tham ái, bị ngã kiến che đậy, tám muôn bốn ngàn phiền não sai sử thân họ, làm cho thân tâm họ tan vỡ không được tự tại.

Này A Nan ! Nếu vô minh dứt thời ba cõi đều hết, nên gọi là người xuất thế.

Này A Nan ! Nếu có thể quán sát kỹ mười hai nhơn duyên rất ráo không có ngã, sâu vào nơi bốn tánh thanh tịnh, thời có thể xa lìa ngọn lửa lớn ba cõi.

Này A Nan ! Đức Như Lai là đấng Chơn ngữ nói lời thành thật, đây là lời phó chúc tối hậu, các ông phải y theo tu hành.

Này A Nan ! Ông hỏi sau khi Phật diệt độ lấy gì làm Thầy ? Nên biết giới Ba la Đề mộc xoa là Đại Sư của các ông. Nương theo đó tu hành thời có thể được định, huệ xuất thế.

Này A Nan ! Ông hỏi sau khi Phật nhập Niết Bàn nương gì để trụ ? Phải nương pháp Tứ niệm xứ mà trụ : Quán sát tánh tướng của thân đồng như hư không gọi là Thân niệm xứ, quán sát sự cảm thọ chẳng ở trong, chẳng ở ngoài, chẳng ở chặng giữa, gọi là Thọ niệm xứ, quán sát tâm chỉ có danh tự tánh danh tự rời rạc gọi là Tâm niệm xứ, quán sát pháp thiện chẳng thể được pháp bất thiện, cũng chẳng thể được gọi là Pháp niệm xứ. Tất cả người tu hành phải nương theo pháp Tứ niệm xứ này mà trụ.

Này A Nan ! Ông hỏi sau khi Như Lai diệt độ lúc kết tập Pháp tạng, đầu tất cả kinh để những lời gì ?

Này A Nan ! Sau khi Như Lai diệt độ lúc kết tập Pháp tạng đầu tất cả kinh nên để như vậy : "Như thị ngã văn nhưt thời Phật trụ mỗ, phương mỗ xứ, cùng hàng tứ chúng mà nói kinh này".

A Nan lại bạch Phật : "Lúc Phật ở đời, hoặc sau khi Phật nhập Niết Bàn, có tín tâm đàn việt đem

vàng bạc bảy báu cùng tất cả đồ cần dùng dựng cúng cho Như Lai thời phải xử trí thế nào ?".

Phật nói : "Lúc Phật còn, những vật cúng dường Phật, thời chúng Tăng nên biết. Sau khi Phật diệt độ những vật cúng dường Phật, thời nên dùng tạo tượng Phật và tạo y của Phật, phan lọng bảy báu, sắm các thứ hương dầu bông để cúng dường Phật. Trừ việc cúng dường Phật ngoài ra chẳng được dùng. Người lạm dụng thời phạm tội lấy trộm vật của Phật".

A Nan lại bạch : "Lúc Phật còn có người đem vàng bạc bảy báu điện đường phòng nhà, y phục, đồ uống ăn tất cả đồ cần dùng, hoặc vợ con tôi tớ mà cung kính cúng dường Như Lai. Sau khi Phật nhập diệt nếu có người đem những vật như trên mà cung kính cúng dường tượng Phật. Bạch Thế Tôn ! Phước đức của hai người này ai nhiều hơn ?".

Phật nói : "Vì đều cung kính cúng dường cả nên phước đức của hai người được đồng nhau. Dầu Phật diệt độ nhưng Pháp thân vẫn thường còn, nên cung kính cúng dường được phước vẫn đồng như Phật hiện tại".

A Nan lại bạch : "Lúc Phật hiện tại nếu có người đem những vật như trên cung kính cúng dường Phật, sau khi Như Lai nhập Niết Bàn, nếu có người đem những vật như trên cung kính cúng dường toàn thân Xá Lợi, phước đức của hai người này, ai nhiều hơn ?".

Phật nói : "Hai người này được phước đồng nhau công đức rộng lớn vô lượng vô biên nhẫn đến hết khổ, phước đó chẳng hết".

A Nan lại bạch : "Lúc Phật hiện tại, nếu có người cung kính cúng dường Phật như trên, sau khi Phật nhập Niết Bàn nếu có người cung kính cúng dường nửa thân Xá lợi ai được phước nhiều hơn ?".

Phật nói : "Vì hai người đều cung kính cúng dường nên được phước đồng nhau phước đức này vô lượng vô biên.

Này A Nan ! Nhẫn đến cung kính cúng dường một phần tư Xá lợi, một phần tám, một phần trăm, một phần ngàn, một phần muôn, một phần hằng hà sa, hoặc chừng bằng hột cải, người này được phước cũng đồng như người cung kính cúng dường đức Như Lai hiện tại.

A Nan nên biết rằng hoặc Phật hiện tại hoặc đã nhập Niết Bàn, nếu có người cung kính cúng dường lễ bái tán thán, được phước đức đồng nhau không khác".

Phật bảo A Nan cùng đại chúng : "Sau khi ta nhập Niết Bàn, tất cả chúng sanh hoặc Thiên thượng hay nhơn gian, được Xá lợi của ta mà vui mừng thương cảm, cung kính, lễ bái, cúng dường, thời được vô lượng vô biên công đức.

Này A Nan ! Nếu thấy Xá lợi của Như Lai thời là thấy Phật, thấy Phật là thấy Pháp, thấy Pháp là thấy Tăng, thấy Tăng là thấy Niết Bàn.

A Nan nên biết rằng do nhơn duyên trên đây mà Tam Bảo thường trụ không biến đổi, có thể làm chỗ quy y cho tất cả chúng sanh".

A Nan bạch Phật : "Sau khi Như Lai nhập Niết Bàn, tất cả đại chúng y theo phép tắc nào để trà tỳ thân Như Lai để được Xá lợi cung kính cúng dường".

Phật nói : "Khi ta nhập Niết Bàn rồi, đại chúng nên y theo phương pháp trà tỳ Chuyển Luân Thánh Vương".

A Nan bạch Phật : "Phép tắc trà tỳ Chuyển Luân Thánh Vương như thế nào ?".

Phật nói : "Sau khi Chuyển Luân Thánh Vương mạng chung, đình thi hài bảy ngày mới để vào quan tài vàng, rồi lấy dầu thơm vi diệu đổ đầy quan tài đầy lại thật kín. Đủ bảy ngày đem thi hài ra, dùng nước thơm tắm rửa, đốt hương thơm cúng dường. Dùng bông Đâu La Miên bao khắp thân thể, sau đó dùng ngàn bức bạch điệp tốt đẹp vô giá thứ tự vấn chồng lên nhau khắp thi hài của Luân Vương. Vấn xong đổ dầu thơm đầy trong kim quan rồi mới để thi hài Luân Vương vào. Đậy kín quan tài xong, chở trên xe thất bảo, bốn mặt treo các chuỗi ngọc, dùng châu báu trang nghiêm xe ấy, vô số phan lọng bằng châu báu tốt đẹp giăng treo trên xe. Đốt hương thơm, thổi đại nhạc để cúng dường. Sau đó dùng thuần những gỗ thơm cùng những dầu thơm mà trà tỳ. Trà tỳ xong hốt lấy Xá lợi, xây tháp thất bảo

giữa đường ngã tư trong thành, bốn phía tháp có bốn cửa an trí xá lợi trong đó, để cho tất cả mọi người đồng chiêm ngưỡng.

Này A Nan ! Chuyển Luân Thánh Vương kia, do chút ít phước đức được nối ngôi vua, chưa thoát khỏi ba cõi, còn đủ ngũ dục mê thiếp, ác kiến tham, sân, si, tất cả phiền não kiết sử chưa dứt được một mảy. Sau khi mạng chung mà thế gian còn theo cách thức như vậy, dựng tháp cúng dường để mọi người chiêm ngưỡng, hướng là đức Như Lai đã trải qua vô lượng, vô biên, vô số kiếp bỏ hẳn ngũ dục, tinh tấn thật hành tất cả khổ hạnh xuất thế của Bồ Tát, đã thành tựu đạo hạnh thậm thâm vi diệu thanh tịnh, Giới, Định, Huệ, Giải thoát, Giải thoát tri kiến, sáu môn Ba la mật, tu tập Thập lực, Đại bi, bốn Vô sở úy, ba môn Giải thoát, mười tám Đại không, Lục thông, Ngũ nhãn, ba mươi bảy phẩm, mười tám bất cộng, ba mươi hai tướng tốt, tám mươi vẻ đẹp, thọ mạng của tất cả chư Phật, tất cả cõi Phật thanh tịnh, tất cả pháp thành tựu chúng sanh, tất cả khổ hạnh khó làm, tất cả nhiếp luật nghi giới, tất cả Nhiếp thiện pháp giới, tất cả Nhiếp chúng sanh giới, tất cả công đức, tất cả trí huệ, tất cả trang nghiêm, tất cả đại nguyện, tất cả phương tiện, tất cả trí huệ phước đức chẳng thể nghĩ bàn như vậy, đều đã thành tựu đầy đủ, dứt trừ tất cả ác, dứt trừ tất cả phiền não, dứt trừ tất cả phiền não tập khí, thông đạt Tứ đế Thập nhị nhơn duyên, nơi cõi Bồ Đề hàng phục bốn ma thành

tự Nhứt thiết chủng trí. Được tất cả chư Phật xướng lời khen lành thay ! Lành thay ! Đồng lấy nước trí pháp tánh, rưới trên đỉnh Pháp thân, mới thành Vô Lượng Bồ Đề. Do nhơn duyên như vậy nên nay ta hiệu là Thiên Nhơn Sư Thập lực Đẳng giác, Thế Tôn vô thượng, nhơn gian thiên thượng không ai bằng, bình đẳng xem chúng sanh như La Hầu La, do đó ta hiệu là Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhơn Sư, Phật Thế Tôn.

Duyên giáo hóa thế gian đã xong, ta vì chúng sanh nên hôm nay thị hiện nhập Niết Bàn. Vì muốn cho chúng sanh khắp được cúng dường, nên ta theo pháp thế gian như vua Chuyển Luân, mà tấn tắng cùng trà tỳ.

Tứ chúng Nhơn Thiên đem Xá lợi của Như Lai dựng trong bình thất bảo xây dựng tháp thất bảo để cúng dường Xá lợi, có thể làm cho chúng sanh được công đức lớn, lìa khổ ba cõi đến vui Niết Bàn.

Này A Nan ! Hàng tứ chúng xây tháp thất bảo cúng dường Xá lợi của Phật rồi, lại nên xây ba thứ tháp để cúng dường :Tháp Bích Chi Phật, tháp A La Hán, tháp Chuyển Luân Thánh Vương, vì muốn cho mọi người biết chỗ quy y vậy".

A Nan bạch Phật : "Đức Như Lai ra đời thương xót chúng sanh, hiển bày Thập lực, Đại bi, bốn Vô

sở úy, ba môn Giải thoát, Tứ đế, mười hai nhơn duyên, tám thứ phạm âm vang rền ba cõi, từ quang ngũ sắc soi khắp lục đạo, tùy thuận tâm nghiệp của chúng sanh mà Chuyển pháp luân, có người chứng được bốn quả của Nhị thừa tu tập, hoặc chứng đạo Duyên Giác vô lậu vô vi, hoặc nhập bực Bồ Tát bất diệt bất sanh, hoặc được vô lượng Đà La Ni, hoặc được ngũ nhãn, hoặc được lục thông, hoặc thoát ba ác đạo, hoặc ra khỏi tám nạn, hoặc lìa khổ trôi người ba cõi. Đức từ thanh tịnh của Như Lai, pháp môn giải thoát của Như Lai đều chẳng thể nghĩ bàn.

Sau khi nhập diệt, hàng tứ chúng dựng tháp bảy báu cúng dường Xá lợi được công đức lớn, có thể làm cho chúng sanh thoát khổ ba cõi, được chánh giải thoát. Do nhơn duyên này nên khi Phật nhập Niết Bàn, tất cả thế gian vì báo đáp từ ân vô lượng của Phật mà xây tháp thất bảo để cúng dường Xá lợi, theo lẽ phải như vậy. Ba thứ tháp kia có những lợi ích gì đối với chúng sanh mà đức Phật bảo dựng tháp cúng dường ?".

Phật nói : "Bích Chi Phật tỏ ngộ nhơn duyên của các pháp chứng nhập Pháp tánh, đã thoát tất cả khổ hoạn trong tam giới, có thể làm phước điền cho Nhơn Thiên. Do đây nên xây tháp cúng dường Bích Chi Phật được phước đức kế nơi sự cúng dường Như Lai, có thể làm cho chúng sanh đều được diệu quả.

Này A Nan ! A La Hán kia đối với ba cõi đã hết sanh tử chẳng thọ thân đời sau, phạm hạnh đã

lập có thể làm phước điền cho thế gian, nên xây tháp cúng dường được phước đức kể sự cúng dường Bích Chi Phật, cũng làm cho chúng sanh được nhơn duyên giải thoát.

Này A Nan ! Chuyển Luân Thánh Vương dầu chưa dứt phiền não, chưa giải thoát ba cõi, nhưng do phước đức mà cai trị bốn thiên hạ, đem pháp Thập thiện giáo hóa nhơn dân, là bậc tôn kính của mọi người, nên tứ chúng dựng tháp cúng dường, được phước đức cũng là vô lượng".

A Nan bạch Phật : "Sau khi Phật nhập Niết Bàn, hàng tứ chúng nên làm lễ trà tỳ đức Như Lai tại chỗ nào ?".

Phật nói : "Sau khi ta nhập Niết Bàn, nếu tứ chúng làm lễ trà tỳ ở trong thành Câu Thi Na này, người trong thành tất tranh giành đánh đập nhau, và cũng làm cho tất cả mọi người được phước chẳng đồng nhau. Nên tứ chúng phải làm lễ trà tỳ ở ngoài thành, cho mọi người đều bình đẳng được phước".

A Nan bạch Phật : "Trà tỳ xong, tứ chúng dùng bình báu để đựng Xá lợi, thời nên dựng tháp thất bảo ở tại chỗ nào để cho tất cả mọi người đều được cung kính cúng dường ?".

Phật nói : "Nên ở trong thành Câu Thi Na, nơi ngã tư đường mà xây tháp cao mười ba tầng, trước tháp có tượng pháp luân, phan lọng, lan can đều bằng thất bảo, bốn mặt tháp đều mở một cửa, từng

lớp cửa nẻo xứng nhau an trí bình báu đựng Xá lợi của Như Lai trong đó cho tất cả trời người chiêm ngưỡng cúng dường.

Tháp của Bích Chi Phật nên mười một tầng. Tháp của A La Hán nên bốn tầng. Cũng đều dùng các thứ báu mà trang nghiêm.

Tháp của Chuyển Luân Vương cũng xây bằng bảy báu nhưng không có tầng cấp, vì Luân Vương chưa thoát khổ sanh tử trong ba cõi".

A Nâu Lô Đà bạch Phật : "Khi trà tỳ xong, tất cả trời người cùng bốn bộ chúng phân chia Xá lợi của Phật như thế nào ?".

Phật nói : "Nên dùng tâm bình đẳng phân chia Xá lợi của Phật khắp ba cõi để tất cả thế gian đều được cúng dường".

Thiên Đế Thích Đề Hoàn Nhơn bạch Phật : "Nay tôi xin cung kính thỉnh nửa thân Xá lợi của Như Lai để cúng dường".

Phật bảo Thiên Đế : "Đức Như Lai bình đẳng xem chúng sanh như La Hưu La, ông chẳng nên thỉnh nửa thân Xá lợi, vì phải để cho chúng sanh bình đẳng được lợi ích. Nay ta cho ông một cái răng nanh Xá lợi hàm trên bên hữu, có thể xây tháp cúng dường ở trên trời, làm cho ông được phước đức vô tận".

Lúc đó tất cả đại chúng trời người buồn thương rơi lệ không tự dẫn được.

Đức Thế Tôn bảo khắp đại chúng : "Khi Phật nhập Niết Bàn rồi, đại chúng chớ quá sầu não. Vì dầu Phật nhập Niết Bàn mà Xá lợi vẫn thường còn để cúng dường, lại có những pháp bảo vô thượng, tạng Tu Đa La, tạng Tỳ Nại Da, tạng Ma Ha Đạt Ma, do đây Tam Bảo và Tứ đế vẫn thường trụ ở thế gian, làm chỗ qui y cho chúng sanh. Vì cúng dường Xá lợi tức là Phật Bảo, thấy Phật Bảo là thấy Pháp Thân, thấy Pháp Thân là thấy Hiền Thánh, thấy Hiền Thánh là thấy Tứ đế, thấy Tứ đế là thấy Niết Bàn. Do đây nên biết rằng Tam Bảo thường trụ không biến đổi, có thể làm chỗ qui y cho thế gian.

Đại chúng chớ quá sầu khổ. Nay ta ở đây sắp nhập Niết Bàn. Trong những pháp : Quy y, giới luật, Thường, Vô thường, Tam bảo, Tứ đế, Lục độ, Mười hai nhơn duyên v.v..., nếu ai có điều chi nghi phải mau thưa hỏi, đây là lời hỏi rốt ráo cuối cùng, để sau khi Phật nhập Niết Bàn không còn nghi hối".

Đức Phật phổ cáo trong đại chúng ba lần như vậy.

Tất cả đại chúng không ai thưa hỏi, vì ai nấy đều thông đạt hiểu rõ không còn nghi ngờ.

Đức Thế Tôn khen rằng : "Lành thay ! Lành thay ! Đại chúng đã có thể thông đạt các pháp không còn nghi ngờ, như nước sạch rửa hết bụi nhơ nơi thân. Đại chúng phải tinh tấn sớm được giải thoát, chớ sầu não mê muội loạn tâm.

Lúc đó đức Thế Tôn ngồi trên tòa sư tử, lấy tay vàng vạch y Tăng Già Lê để lộ ngực huỳnh kim cho đại chúng thấy rồi bảo rằng: "Tất cả đại chúng trời người nên chí tâm nhìn xem sắc thân huỳnh kim của Như Lai !".

Đại chúng chiêm ngưỡng sắc thân vàng ròng của Phật thấy đều sung sướng như Tỳ Kheo nhập đệ Tam thiền.

Sau đó đức Thế Tôn phóng vô lượng vô biên trăm ngàn muôn ức ánh sáng Đại Niết Bàn chiếu khắp tất cả thế giới mười phương, che khuất ánh sáng của tất cả mặt trời mặt trăng.

Phóng ánh sáng trên đây rồi đức Phật bảo đại chúng : "Mọi người nên biết rằng đức Như Lai vì tất cả đại chúng mà cần khổ trong nhiều kiếp, đến chặt tay chơn, lóc da thịt, đại bi đại nguyện thành bậc Vô thượng Chánh giác nơi đời ngũ trước này, được sắc thân Kim Cang bất hoại đủ ba mươi hai tướng tốt, tám mươi vẻ đẹp, vô lượng ánh sáng chiếu khắp tất cả. Ai thấy được hình, gặp được ánh sáng của Phật, đều được giải thoát cả.

Này đại chúng ! Phật ra đời rất khó gặp khó thấy như hoa Ưu Đàm. Đại chúng gặp ta đây là lần sau cùng, đối với thân này chớ để luống qua. Do sức thệ nguyện mà ta sanh nơi cõi uế ác này. Duyên giáo hóa đã hoàn tất, nay ta muốn nhập Niết Bàn. Đại chúng nên chí thành nhìn xem sắc thân huỳnh kim

của ta, cố gắng tu tập nghiệp thanh tịnh như vậy, đời vị lai sẽ được quả báo này".

Đức Thế Tôn ba phen ân cần khuyên bảo như vậy, đồng thời bày thân chơn kim cho đại chúng thấy.

Sau đó đức Phật từ trên giường thất bảo sư tử bay lên hư không cao bằng một cây Đa La, bảo một lần rằng : "Ta sắp nhập Niết Bàn, đại chúng nhìn xem sắc thân huỳnh kim của ta !".

Lần lượt đức Phật bay trên cao bằng bảy cây Đa La, bảy lần bảo rằng : "Ta sắp nhập Niết Bàn, đại chúng nên chí tâm nhìn xem sắc thân huỳnh kim của ta !".

Từ hư không xuống ngồi trên giường sư tử đức Phật lại bảo : "Ta sắp nhập Niết Bàn, đại chúng nên chí tâm nhìn xem sắc thân huỳnh kim của ta !".

Đức Thế Tôn từ trên giường sư tử lại bay lên hư không cao bằng một cây Đa La, thời một lần bảo đại chúng, lần lượt bay cao bằng bảy cây Đa La, bảy lần bảo rằng : "Ta sắp nhập Niết Bàn, đại chúng nên chí tâm nhìn xem sắc thân huỳnh kim của ta !".

Từ hư không xuống ngồi trên giường sư tử, đức Phật lại kêu đại chúng mà bảo rằng : "Ta sắp nhập Niết Bàn, đại chúng nên chí tâm nhìn xem sắc thân huỳnh kim của ta !".

Lần thứ ba, đức Thế Tôn cũng từ trên giường sư tử bay lên hư không cao bằng bảy cây Đa La, đồng thời cũng bảy lần bảo đại chúng như vậy. Từ hư

không xuống ngồi trên giường thất bảo đức Phật lại bảo : "Ta sắp nhập Niết Bàn. Đại chúng nên chí tâm nhìn xem nơi sắc thân của ta !".

Đức Phật hai mươi bốn lần ân cần bảo đại chúng như vậy, rồi lại bảo rằng : "Ta sắp nhập Niết Bàn, đại chúng nên chí tâm nhìn xem sắc thân Vô úy Kim cang bất hoại của ta rất khó gặp như hoa Ưu Đàm, như người quá khát gặp nước trong mát thời uống đến no không còn khao khát, đại chúng cũng như vậy, nên chí tâm chiêm ngưỡng sắc thân của Như Lai lần sau cùng, sau lần thấy này không còn thấy lại nữa. Đại chúng nên chiêm ngưỡng cho thỏa mãn để về sau khỏi ăn năn.

Sau khi ta nhập Niết Bàn, đại chúng phải tinh tấn tu hành sớm ra khỏi ba cõi, chớ có giải đãi phóng dật tán tâm".

Lúc đó tất cả đại chúng trời người trong tất cả thế giới mười phương được gặp ánh sáng Niết Bàn, được chiêm ngưỡng đức Phật đều được giải thoát. Những chúng sanh được gặp được thấy đều được dứt hẳn tam đồ bát nạn, bốn tội trọng, năm tội nghịch, đến tất cả phiền não đều dứt hẳn không còn thừa.

Sau khi lộ bày sắc thân huỳnh kim cho tứ chúng chiêm ngưỡng và ân cần khuyến cáo xong, đức Thế Tôn kéo y Tăng già đắp lại như cũ.

XXVII

PHẨM ỨNG TẬN HỒN NGUYÊN

Thứ hai mươi bảy

Đức Phật bảo đại chúng : "Giờ đây ta nhập Niết Bàn, cả mình ta đau nhức".

Nói vừa xong, đức Phật liền nhập Sơ thiền, xuất Sơ thiền nhập Nhị thiền, xuất Nhị thiền nhập Tam thiền, xuất Tam thiền nhập Tứ thiền, xuất Tứ thiền nhập Không xứ định, xuất Không xứ định nhập Thức xứ định, xuất Thức xứ định nhập Bất dụng xứ định, xuất Bất dụng xứ định nhập Phi tướng phi phi tướng xứ định, xuất Phi phi tướng xứ định nhập Diệt tận định, xuất Diệt tận định nhập Phi tướng phi phi tướng xứ định, xuất Phi tướng xứ định nhập Bất dụng xứ định, xuất Bất dụng xứ định nhập Thức xứ định, xuất Thức xứ định nhập Không xứ định, xuất Không xứ định nhập Tứ thiền, xuất Tứ thiền nhập Tam thiền, xuất Tam thiền nhập Nhị thiền, xuất Nhị thiền nhập Sơ thiền.

Đức Thế Tôn thuận nghịch nhập các Thiền định xong, lại phổ cáo đại chúng : "Ta dùng thậm thâm Bát Nhã xem khắp ba cõi tất cả lục đạo chúng sanh, ba cõi này bốn tánh rời lìa rốt ráo tịch diệt đồng như hư không, không danh, không thức, dứt hẳn các cõi, bốn lai bình đẳng không có tướng niệm cao hạ, không thấy nghe, không hay biết, không hệ phược, không giải thoát, không chúng sanh, không thọ mạng, không sanh không diệt, chẳng phải thế gian chẳng phải chẳng thế gian, Niết Bàn sanh tử đều không thể được, trước sau bình đẳng vì bình đẳng với các pháp, nhân cư tịnh trụ không có chỗ thi vi, an trí rốt ráo quyết định bất khả đắc, từ pháp vô trụ pháp tánh thi vi, dứt tất cả tướng, trọn không chỗ có. Pháp tướng như vậy, ai biết rõ thời gọi là người xuất thế, kẻ chẳng biết như vậy thời gọi là đầu môi sanh tử. Đại chúng phải dứt vô minh, diệt đầu môi sanh tử !".

Bảo xong, đức Thế Tôn nhập Thiền định siêu việt : Từ Sơ thiền xuất liền nhập Tam thiền, xuất Tam thiền nhập Không xứ định, xuất Không xứ định nhập Vô sở hữu xứ định, xuất Vô sở hữu xứ định nhập Diệt tận định, xuất Diệt tận định nhập Phi tướng Phi phi tướng xứ định, xuất Phi tướng xứ định nhập Thức xứ định, xuất Thức xứ định nhập Tứ thiền, xuất Tứ thiền nhập Nhị thiền, xuất Nhị thiền nhập Sơ thiền.

Đức Thế Tôn nghịch thuận nhập Thiền định siêu việt xong, lại bảo đại chúng : "Ta dùng Ma Ha Bát Nhã

xem khắp ba cõi tất cả nhơn pháp hữu tình vô tình thấy đều rốt ráo, không hệ phược, không giải thoát, không chủ, không y, không thể nhiếp trì, chẳng ra ba cõi, chẳng vào các cõi, bốn lai thanh tịnh không cấu nhơ, không phiền não, đồng như hư không, chẳng bình đẳng chẳng phải chẳng bình đẳng, dứt hết những động niệm tư tưởng tâm thức. Pháp tướng như vậy gọi là Đại Niết Bàn, thấy rõ được pháp tướng này thời gọi là giải thoát, phàm phu chẳng thấy biết thời gọi là vô minh".

Nói xong đức Phật lại nhập thiền định siêu việt : xuất Sơ thiền nhập Tam thiền nhĩ đến nhập Diệt tận định, xuất Diệt tận định nhĩ đến nhập Sơ thiền.

Nghịch thuận nhập Thiền định siêu việt xong, đức Thế Tôn lại bảo đại chúng : "Ta dùng Phật nhãn xem khắp ba cõi tất cả các pháp, thể tánh của vô minh vốn là giải thoát, tìm khắp mười phương trọn không thể được. Vì cội gốc đã không nên nhánh lá thấy đều giải thoát. Vì vô minh giải thoát nên hành đến lão tử đều được giải thoát. Do đây nên ngày nay ta an trụ thường tịnh diệt quang gọi là Đại Niết Bàn".

Lúc đó A Nan quá sầu khổ bi ai tâm trí cuồng loạn, như người quá say không còn biết những việc xung quanh, chẳng thấy đại chúng, cũng chẳng biết Như Lai đã nhập Niết Bàn hay chưa.

Đức Thế Tôn nhập siêu Thiền định thuận nghịch ba lần, xem khắp pháp giới ba phen phổ cáo đại

chúng, Đức Như Lai lần lượt nhập các Thiền định hai mươi bảy lần như vậy.

Vì chẳng biết, nên khi Phật nhập một Thiền định A Nan liền hỏi một lần, hai mươi bảy lần hỏi ngài A Nâu Lô Đà : "Phật nhập Niết Bàn hay chưa ?".

Ngài A Nâu Lô Đà rõ biết Như Lai nhập các Thiền định, hai mươi bảy lần đều trả lời với A Nan rằng Phật chưa nhập Niết Bàn.

Sau khi ba lần thuận nghịch nhập các Thiền định cùng phổ cáo đại chúng, đức Thế Tôn nằm nghiêng bên hữu trên giường thất bảo : Gối đầu phương Bắc, chân chỉ thẳng phương Nam, mặt hướng về phương Tây, lưng day qua phương Đông.

Bốn phía giường, tám cây Ta La chia làm bốn cặp : Một cặp phương Tây ở trước mặt Như Lai, một cặp phương Đông che sau lưng Như Lai, một cặp phương Bắc che trên đầu Như Lai, một cặp phương Nam đứng phía chun Như Lai.

Lúc đó đúng giữa đêm đức Như Lai nằm trên giường thất bảo trong rừng Ta La nhập Tứ thiền yên lặng mà bát Niết Bàn.

Liền đó bốn cặp cây Ta La : Cặp hướng Đông, cặp hướng Tây ngọn bốn cây hiệp làm một tàng, cặp hướng Nam, cặp hướng Bắc ngọn bốn cây hiệp làm một tàng, che giường thất bảo trùm lên thân Như Lai. Những cây Ta La đó, tất cả lá biến thành sắc trắng như bạch hạc,

nhánh lá bông trái da và thân cây thảy đều rụng rớt
nứt nẻ, lần lần khô héo gãy rớt.

Đồng thời trong lúc đó vô lượng thế giới ở mười
phương đều chấn động vang ra tiếng rằng : "Khổ
thay ! Khổ thay ! Thế giới trống rỗng".

Lại vang ra tiếng buồn than diễn nói nghĩa vô
thường, khổ, không.

Tất cả những núi trong mười phương thế giới :
núi Mục Chơn Lân Đà, núi Đại Mục Chơn Lân Đà,
núi Thiết Vi, núi Đại Thiết Vi, Hắc Sơn, Hương Sơn,
Kim Sơn, Bảo Sơn, núi Tu Di đồng thời rung động
vang ra tiếng lớn : "Khổ thay ! Khổ thay ! Tại sao
một mai mà thế giới bơ vơ, huệ nhứt tất mất vào
núi Đại Niết Bàn, tất cả chúng sanh mất cha lành,
mất chỗ chiêm ngưỡng".

Tất cả biển lớn trong mười phương thế giới đều
đục ngầu, sóng cuộn cuộn nổi lên vang ra các thứ
tiếng : Khổ thay ! Khổ thay ! Đấng Vô thượng Chánh
giác đã diệt, chúng sanh phải tội khổ trôi mãi trong
biển lớn sanh tử, mê mất con đường chơn chánh
không do đâu để giải thoát được.

Tất cả sông rạch, khe suối, mương rãnh, giếng ao
thảy đều nghiêng ngửa khô cạn.

Mười phương thế giới vắng lặng tối tăm. Sầu nào
tối tăm bao trùm cả thế giới. Lúc đó bỗng có gió to thổi
bay bụi cát, khắp nơi đều mờ tối. Tất cả cỏ cây trên

mặt đất gãy ngã rơi rụng. Tất cả chư Thiên vân tập chập cả hư không, than thở kêu khóc tiếng động cả cõi Đại Thiên, rưới vô số trăm ngàn hoa trời hương trời cúng dường đức Như Lai, lại rải vô số thiên tràng, thiên phan, thiên anh lạc, thiên bảo cái, thiên bảo châu biến thành bửu đài giữa hư không để cúng dường đức Như Lai. Chư Thiên lại ở trên hư không tấu vô số thiên nhạc xướng rằng : "Khổ thay ! Khổ thay ! Đức Phật đã nhập Niết Bàn, thế giới trống rỗng, chúng sanh đã mất con mắt, quỷ La Sát phiền não lan tràn khắp nơi, sự khổ nối liền xoay vần chẳng dứt".

Lúc đó A Nan mê muội, chẳng biết đức Như Lai đã nhập Niết Bàn hay chưa nhập, chỉ nghe thấy những cảnh những tiếng lạ thường nên lại hỏi.

Ngài A Nâu Lô Đà đáp rằng : "Đấng Đại Giác Thế Tôn đã nhập Niết Bàn".

Nghe lời này, A Nan té xỉu xuống đất, mất thở như người chết.

Ngài A Nâu Lô Đà lấy nước lạnh rải trên mặt A Nan đỡ dậy nhiều lời an ủi rằng : "Thảm thay ! Thảm thay ! Rất đáng đau khổ. Nhưng ông chớ quá buồn rầu mà tâm trí điên loạn. Hóa duyên của đức Như Lai đã hoàn tất, tất cả trời người không ai cầm lại được. Khổ thay ! Khổ thay ! Biết làm sao được ! Nào ngờ ngày nay đấng Thiên Nhơn Sư việc làm đã rồi ráo không ai cầm lại được. Ông cùng tôi phải

đồng dẫn sự buồn khổ. Đức Phật đầu nhập Niết Bàn, nhưng còn Xá lợi và Pháp Bảo vô thượng thường trụ nơi thế gian, có thể làm chỗ quy y cho chúng sanh. Các ông cùng tôi phải tinh tấn đem Pháp Bảo của Phật truyền lại cho chúng sanh, khiến họ thoát khổ, dùng đây để báo ân đức của Như Lai".

A Nan nghe lời an ủi trên, lần lần tỉnh ngộ nhen ngào buồn khóc.

Trong rừng Ta La nơi thành Câu Thi Na rộng mười hai do tuần, đại chúng trời người chật khắp trong đó. Chỗ nhỏ bằng đầu mũi kim dung thọ vô lượng chúng, không một chút hở trống, dầu vậy nhưng chẳng trở ngại, chẳng che khuất nhau.

Vô số ức Bồ Tát cùng đại chúng Nhơn Thiên đều mê muội loạn tâm, thấy thế giới biến động khác thường và nghe Ngài A Nâu Lô Đà bảo là đức Phật đã nhập Niết Bàn, có nhiều người ngất xỉu té xuống đất. Trong đó có người nhập diệt theo Phật, có người mất trí, có người thân tâm run rẩy, có người nhen ngào nước mắt tuôn rơi, có người đấm ngực kêu to, có người cào đầu bứt tóc. Hoặc than khổ thay, khổ thay, hoặc kêu sao đức Như Lai nhập Niết Bàn quá mau, hoặc khóc tôi đã mất đáng tôn kính, hoặc than thế giới trống rỗng, con mắt chúng sanh đã mất, hoặc than quỉ phiến náo loạn tràn, hoặc than mầm lành của chúng sanh đã chết, hoặc nói Ma vương mừng rỡ cõi khô giáp ra nghỉ, hoặc tự trách thân tâm suy

gầm vô thường, hoặc chánh quán được giải thoát, hoặc cảm thương mất chỗ quy y. Có người máu ửng đỏ khắp thân chảy lan ra đất. Tất cả đại chúng kêu khóc tiếng động khắp thế giới.

Lúc đó Thi Khí Đại Phạm Thiên Vương biết Phật đã nhập Niết Bàn, liền cùng chư Thiên từ cõi Sắc bay xuống khóc to ghen ngào xủ té trước Như Lai, giây lâu tỉnh lại buồn than nói kệ rằng :

Thuở xưa Thế Tôn có lời nguyện
 Vì chúng tôi mà ở Ta Bà
 Ẩn giấu vô lượng sức tự tại
 Đem pháp phương tiện độ chúng sanh
 Tùy theo cơ nghi mà thuyết pháp
 Chúng sanh thọ pháp được an lạc
 Dứt dứt ra khỏi ba cõi khổ
 Rốt ráo đều đến đạo Niết Bàn.
 Phật là mẹ lành nuôi chúng sanh
 Khắp cho uống sữa đại từ bi
 Nào ngờ nay lại sớm xa ly
 Trời người bơ vơ mất nương cậy.
 Thương thay mầm lành của chúng sanh
 Không có cam lồ để tăng trưởng
 Mầm lành lần lần héo mất rồi
 Tội nghiệp kéo nhau đọa ác đạo.
 Thế giới trống rỗng biết làm sao

Huệ nhân chúng sanh nay đã tắt
Đi trong đường hắc ám vô minh
Đọa lạc ba cõi trôi chìm khổ.
Chúng sanh tội ác không ai cứu
Nguyện nương Xá lợi cầu giải thoát
Nhờ sức đại bi của Như Lai
Cứu giúp chúng tôi thoát chốn khổ.
Ngờ đâu giữa cõi đời ác trược
Phật bỏ chúng tôi nhập Niết Bàn !

Lúc đó Thích Đề Hoàn Nhon cùng chư Thiên từ hư không xuống than thở, khóc lóc, ngất xỉu trước Như Lai, giây lâu tỉnh lại nghẹn ngào rơi lệ quì trước Phật nói kệ than thở :

Như Lai nhiều kiếp tu khổ hạnh
Vì lợi ích quần sanh chúng tôi
Được thành đạo Chánh Giác Vô Thượng
Đồng thương chúng sanh như con một
Ban cho thuốc pháp thuốc vô thượng
Y sư trị bệnh là Y vương
Mây đại Từ bi che chúng sanh
Mưa huệ cam lồ rưới tất cả.
Ánh sáng huệ nhật soi vô minh
Chúng sanh vô minh thấy Thánh đạo
Từ quang Thánh nguyệt chiếu lục thú

Ba cõi được soi thoát các khổ.
Nào ngờ hôm nay bỏ Đại bi
Đã nhập Niết Bàn chẳng còn thấy
Bốn thế Đại bi nay ở đâu
Rời bỏ chúng sanh như mũi dãi.
Tất cả hàng chúng sanh chúng tôi
N như ghé mắt mẹ ắt phải chết
Đại chúng cầm tay nhau kêu khóc
Đắm ngực buồn than động Đại Thiên.
Khổ thay mọi người trong ba cõi
Cớ gì một mai đều cõi cút
Chúng tôi hết phước rất là khổ
Mầm lành cháy khô không nước nhuận.
Nguyện ánh sáng Pháp Bảo Xá lợi
Chiếu đến tôi thoát khỏi ba cõi
Buồn thay khổ thay cho chúng tôi
Bao giờ lại được thấy Như Lai.

Lúc bấy giờ ngài A Nâu Lô Đà buồn than rơi
lệ quì trước Phật nói kệ than rằng :

Chánh pháp Pháp vương nuôi chúng tôi
Cho uống Pháp nhũ lớn khắp thân
Chúng sanh Pháp thân chưa thành lập
Lại thêm huệ mạng thiếu tư lương
Dùng tám phạm âm thường diễn thuyết

Đại chúng nghe rồi đều ngộ đạo
Thường phóng Đại bi ngũ sắc quang
Đại chúng được soi đều giải thoát.
Hôm nay sao lại nhập Niết Bàn
Chúng sanh tội khổ nương về đâu
Khổ thay Thế Tôn bỏ Đại bi
Chúng tôi cô cùng ắt phải chết.
Dầu biết Thế Tôn hiện phương tiện
Chúng tôi không thể chẳng buồn thương
Đại chúng mê muội mất bốn tâm
Khóc động trời đất rung ba cõi.
Riêng mình Thế Tôn ở an lạc
Chúng sanh quá khổ sao bỏ đi
Thuở xưa Thế Tôn vì chúng tôi
Bỏ đầu chặt tay trong nhiều kiếp.
Được thành đạo Chánh Giác Vô Thượng
Chẳng ở đời lâu vội Niết Bàn
Đại chúng, chúng tôi ở vô minh
Ma vương mừng rỡ cười khôi giáp.
Nguyện sức từ bi của Thế Tôn
Xá lợi phóng quang nhiếp chúng tôi
Cúi xin Thế Tôn thương tứ chúng
Pháp Bảo lưu truyền mãi chẳng cùng.
Chúng tôi không thể liễu tự chết

Mạng sống thừa này được bao lâu
Khổ thay đau đớn khó chịu nổi
Bao giờ lại thấy đức Như Lai.

Lúc bấy giờ A Nan ngất xỉu lần lần tỉnh lại giờ
tay vỗ đầu đập ngực nghẹn ngào buồn khóc rơi lệ
quì trước Phật nói kệ buồn than :

Xưa tôi cùng Phật đồng thệ nguyện
May mắn đồng sanh trong giòng Thích
Như Lai đặng thành đạo Chánh Giác
Tôi làm thị giả hai mươi năm.
Hết lòng cúng dường chưa thỏa lòng
Nay Phật bỏ tôi vào Niết Bàn
Than ôi than ôi sao quá khổ
Từ đây mãi mãi lòng đón đau.
Thân tôi chưa thoát lưới ba cõi
Vỏ trứng vô minh chưa ra khỏi
Mỏ huệ Thế Tôn chưa mổ vỡ
Sao lại bỏ tôi vội Niết Bàn.
Tôi như trẻ nít vừa mới sanh
Mất mẹ chẳng lâu ắt phải chết
Cớ gì Thế Tôn bỏ rơi tôi
Để riêng hưởng vui ngoài ba cõi.
Nay tôi sám hối với Thế Tôn
Hầu Phật đến nay hai mươi năm

Trong lúc đứng ngồi nhiều biếng trễ
 Không được vui đẹp lòng Thế Tôn
 Nguyện đấng Chánh Giác đại Từ bi
 Ban pháp cam lộ tôi an vui
 Tôi nguyện cùng tận thuở vị lai
 Thường gặp Thế Tôn làm thị giả.
 Ngưỡng mong Thế Tôn đại từ quang
 Tất cả thế giới nhiếp thọ tôi
 Than ôi khổ thay nói chẳng được
 Ôn Phật ghen ngào chẳng thể bày.

Lúc bấy giờ vô số hằng hà sa Bồ Tát tất cả đại chúng
 trời người buồn khóc rơi lệ chẳng xiết than thở. Mọi
 người khuyên nhủ nhau dần bớt lòng buồn khổ, lo sắm
 sửa vô số hương hoa vi diệu : Hoa Mạn đà la, hoa Ma
 ha mạn đà la, hoa Mạn thù sa, hoa Ma ha mạn thù sa,
 hương Hải thử ngạn chiên đàn, trầm thủy, hòa hương,
 hương thủy, hương nê, cùng trăm ngàn muôn thứ lọng
 báu, tràng báu, phan báu, chuỗi ngọc, trân châu đem
 đến cúng dường Như Lai.

Nhơn dân nam nữ lớn nhỏ trong thành Câu Thi
 Na đều buồn khóc rơi lệ, sắm sửa vô số hương hoa
 phan lọng tốt đẹp đem đến cúng dường Như Lai.

Tứ Thiên vương cùng Thiên chúng buồn than rơi
 lệ, sắm sửa vô số hương hoa, phan lọng đem đến
 cúng dường Như Lai.

Đao Lợi Thiên Vương, Dạ Ma Thiên Vương, Đâu Suất Thiên Vương, Hóa Lạc Thiên Vương, Tha Hóa Thiên Vương, Sắc giới Thiên Vương, Vô Sắc giới Thiên đều cùng Thiên chúng buồn thương than thở mang vô số hoa hương, phan lọng vi diệu đến cúng dường Như Lai.



KINH ĐẠI BÁT NIẾT BÀN

XXVIII

PHẨM TRÀ TỖ

Thứ hai mươi tám

(*) Lúc đó tất cả nhân dân nam nữ trong thành Câu Thi Na hỏi Ngài A Nan pháp tắc trà tỳ đối với đức Như Lai.

Ngài A Nan thuật lại lời Phật nên theo pháp tắc Chuyển Luân Thánh Vương.

Tất cả nhân dân buồn khóc rơi lệ trở vào trong thành làm kim quan dùng thất bảo trang nghiêm, cùng lo sắm ngàn bức bạch điệp vô giá, vô số bông Đâu La Miên mềm nhuyễn, vô số chiên đàn, trầm thủy, hòa hương, hương thủy, hương nê, phan lọng, hoa hương v.v... Sắm sửa xong, cùng nhau đến trước Phật rơi lệ nghẹn ngào mà dâng lên cúng dường.

Lúc đó đại chúng buồn thương cung kính dùng bạch điệp tốt che tay đỡ Như Lai vào trong kim

(*) Hán bộ quyển thứ 42.

quan đồ đầy dầu thơm, nắp kim quan liền đóng kín lại.

Nhơn dân trong thành Câu Tha Ni vì tham phước lành, không muốn cho đại chúng trời người khiêng kim quan của Phật, họ sai bốn đại lực sĩ thỉnh kim quan của Phật vào trong thành để cúng dường. Bốn đại lực sĩ này vận dụng hết sức mình mà vẫn không động được kim quan. Trong thành lại sai tám đại lực sĩ, rồi đến mười sáu đại lực sĩ, nhưng vẫn không khiêng nổi.

Ngài A Nâu Lô Đà thông thả bảo các lực sĩ rằng : "Dầu cho tất cả nhơn dân trong thành cũng không khiêng nổi kim quan, huống là các ông. Các ông phải thỉnh đại chúng cùng chư Thiên trợ lực các ông mới khiêng kim quan vào thành được".

Lúc đó Thiên Đế Thích cùng chư Thiên cầm lọng Thất bảo lớn cùng vô số hoa hương, phan lọng các thứ âm nhạc, khóc lóc rơi lệ ở giữa hư không giăng che cúng dường kim quan của Phật. Lục Dục Thiên cùng Sắc giới Thiên cũng đồng cúng dường kim quan như Đế Thích.

Đức đại bi của Thế Tôn muốn cho thế gian được tâm bình đẳng đồng được phước, kim quan liền từ rừng Ta La tự bay lên hư không cao bằng một cây Đa La.

Nhơn dân trong thành Câu Thi Na và tất cả đại chúng trời người, vì không được khiêng kim quan nên tự cảm thương kêu khóc.

Chư Thiên đem hoa hương châu ngọc rải trước kim quan, vắn vũ quanh kim quan. Đồng than thở xướng to rằng : "Khổ thay ! Khổ thay ! Chúng ta vô phước chẳng đặng khiêng kim quan".

Lúc đó kim quan của Phật bay trên hư không, từ rừng Ta La bay chậm chậm vào cửa Tây thành Câu Thi Na. Tất cả nhơn dân đại chúng trời, người, Bồ Tát, Thanh Văn, hoặc đi dưới đất, hoặc đi trên hư không, theo sau kim quan buồn khóc than thở ghen ngào rơi lệ.

Thành Câu Thi Na mỗi phía rộng bốn mươi tám do tuần. Kim quan của Phật bay chậm chậm trên hư không vòng ra cửa Đông hữu nhiều vào cửa Nam, rồi vẫn bay chậm chậm trên hư không mà ra cửa Bắc, lại tả nhiều vào cửa Tây. Bay nhiều đủ ba lần như vậy, kim quan bay chậm chậm trên không vào cửa Tây rồi ra cửa Đông, tả nhiều vào cửa Bắc lại ra cửa Nam, hữu nhiều trở lại vào cửa Tây, bay như vậy đủ bốn vòng.

Lúc kim quan của Phật bay vào thành, vô số đại chúng mang vô số gỗ thơm, Chiên Đàn, Trầm thủy, tất cả hương báu cùng vô số phan lọng, hương hoa, chuỗi ngọc đến chỗ trà tỳ.

Tứ Thiên Vương cùng chư Thiên cũng đem những thứ hương thượng diệu cõi trời đến chỗ trà tỳ.

Chư Thiên cõi trời Đạo Lợi nhần đến chư Thiên cõi trời Tha Hóa cũng đều đem vô số thứ hương

thượng diệu cõi trời và phan lộng hoa hương chuỗi ngọc gấp bội trời Tứ Thiên Vương đến chỗ trà tỳ.

Chư thiên cõi Sắc, cõi Vô Sắc chỉ đem hương hoa đến chỗ trà tỳ.

Ngài A Nâu Lô Đà, lệ đầy mắt chẳng xiết buồn thương, khát gổ thơm Chiên Đàn, Trầm thủy cõi trời đủ sáu ngàn cây đem đến chỗ trà tỳ.

Lúc đức Thế Tôn mới thành đạo, bờ phía Bắc sông Hằng mọc lên một cây Chiên Đàn, lớn như bánh xe, cao bằng bảy cây Đa La. Hơi thơm bay tỏa khắp nơi Thọ Thần của cây Chiên Đàn này sanh đồng thời với cây, thường đem hương của cây này đến cúng dường Phật. Giờ Phật nhập Niết Bàn, cây Chiên Đàn này liền chết nhánh lá khô rụng, Thọ Thần này cũng chết theo cây. Các vị Thần khác đem cả cây Chiên Đàn đã chết khô này đến chỗ trà tỳ để cúng dường.

Nơi đây là chỗ trà tỳ của tam thế chư Phật. Nơi đây có vô lượng tháp báu của chư Phật quá khứ. Nơi đây là chỗ đất Kim Cang cứng chắc.

Lúc đó kim quan của Phật bay chậm chậm trên không hữu nhiễu, tả nhiễu bay quanh thành Câu Thi Na đủ bảy vòng, rồi từ từ hạ xuống trên giường thất bảo, trong thời gian đó trải qua bảy ngày.

Nhơn dân đại chúng trời, người, Thanh Văn, Bồ Tát cầm phan lộng, hoa hương buồn khóc rơi lệ theo sau kim quan trọn bảy ngày.

Do thần lực của Phật, tất cả đại chúng đều không đói khát, không một ai nghĩ đến ăn uống, chỉ thành tâm cung kính mến luyến đức Như Lai.

Vì đã đủ bảy ngày sắp đem Như Lai ra khỏi kim quan, đại chúng kêu khóc chấn động thế giới, dùng bạch điệp mịn nhuyễn che tay cung kính phò thân Kim Cang bất hoại đủ ba mươi hai tướng tốt, tám mươi vẻ đẹp của Như Lai an lành ra khỏi kim quan để trên giường thất bảo.

Đại chúng càng thêm buồn thương than khóc, đem hoa hương, trời âm nhạc cúng dường Như Lai.

Mọi người mắt đầy lệ, miệng nghẹn ngào, dùng vô số hương thủy, cung kính tắm rửa thân Như Lai từ đầu đến chân. Cũng rửa kim quan trong ngoài sạch sẽ.

Tắm rửa thân Như Lai xong, đại chúng lại đem vô số hương hoa, phan lọng buồn thương khóc lóc, cúng dường Như Lai. Dùng vô số bông Đâu La Miên mịn màng bao bọc thân Kim Cang của Như Lai từ đầu đến chân. Rồi lấy bạch điệp vô giá tuần tự quấn ngoài bông Đâu La Miên đủ một ngàn bức.

Đại chúng lại khóc than cúng dường rồi lấy bạch điệp che tay cung kính phò thân Như Lai vào trong kim quan, đổ đầy dầu thơm, nắp kim quan liền đóng kín lại.

Đại chúng lại buồn than khóc lóc trời âm nhạc dung hương hoa cúng dường kim quan.

Sau đó đại chúng chất gỗ thơm Chiên Đàn trầm thủy thành lầu hương lớn, bốn phía treo giăng những lọng báu, phan đèn, chuỗi ngọc, dây vàng. Mùi gỗ thơm bay tỏa khắp thành.

Sau khi dâng hoa hương, trời âm nhạc thương khóc cúng dường, đại chúng trời người dùng bạch điệp che tay cung kính khiêng kim quan để lên lầu hương.

Đại chúng lại than khóc, nhiều người ngất xỉu. Khi tỉnh lại đồng kêu rằng : Khổ thay ! Khổ thay ! Nào ngờ cuối cùng không chỗ nương cậy ! Than xong nghẹn ngào rơi lệ lại rải hương hoa, treo phan lọng, trời âm nhạc cúng dường Như Lai.

Lúc đó sắp sửa nổi lửa trà tỳ, đại chúng lại kêu gào than khóc chấn động cõi Đại Thiên trần thiết cúng dường kim quan của Phật.

Mọi người vừa khóc lóc lệ đầy mắt, đều cầm đuốc hương lớn cả ôm, cháy sáng cả vùng, đem đến châm vào lầu gỗ thơm. Khi đến gần lầu gỗ thơm, tất cả ngọn đuốc đều tự nhiên tắt. Đại chúng lại thay vô số đuốc khác ném vào dưới lầu hương, tất cả ngọn đuốc cũng đều tắt.

Trăm ngàn Hải thần đem đuốc lớn thất bảo đến châm vào lầu hương, những đuốc này cũng đều tắt.

Đại chúng chẳng biết có gì trà tỳ chẳng được, đây có lẽ là đức Như Lai còn có nhơn duyên gì chưa xong.

Lúc đó ngài Ma Ha Ca Diếp cùng năm trăm Tỳ Kheo ở tại núi Kỳ Xà Quật cách thành Câu Thi Na năm mươi do tuần, đương nhập tam muội, bỗng nhiên tim nhảy thân rung, liền xuất định thấy núi cây đều chấn động, biết rằng đức Như Lai đã nhập Niết Bàn. Ngài bảo các Tỳ Kheo : "Đức Đại Sư Thế Tôn của chúng ta đã nhập Niết Bàn bảy ngày rồi, hiện đã vào trong kim quan.

Khổ thay ! Khổ thay ! Chúng ta phải mau đến chỗ đức Như Lai, sợ rằng đã trà tỳ rồi chẳng còn được thấy sắc thân chơn tịnh ba mươi hai tướng tốt, tám mươi vẻ đẹp của đức Phật".

Ngài Ma Ha Ca Diếp vì lòng kính trọng Phật nên chẳng dám dùng thần thông bay đi, bèn dắt các Thầy Tỳ Kheo đi bộ bảy ngày mới tới thành Câu Thi Na.

Trên đầu đường cửa Đông, Ngài Ma Ha Ca Diếp thấy một Bà La Môn tay cầm một nhánh Thiên hoa đi ngược chiều, liền hỏi : "Ông từ đâu mà đến đây ?".

Bà La Môn đáp : "Đức Phật đã nhập Niết Bàn, tôi vừa ở chỗ trà tỳ về".

- Ông đương cầm đó là hoa gì ?

- Tôi ở chỗ trà tỳ được cành hoa trời này.

Ngài Ma Ha Ca Diếp ngó ý xin hoa ấy.

Bà La Môn nói : "Không được ! Tôi muốn đem hoa này về cho thân tộc tôi cúng dường trong nhà".

Ngài Ma Ha Ca Diếp bèn mượn cành hoa, hai tay cung kính để lên đầu mình, liền ngất xỉu té xuống đất. Giây lâu tỉnh lại suy nghĩ rằng : "Ở đây than khóc, chẳng thấy được sắc thân huỳnh kim của Như Lai cũng không ích gì".

Nghĩ xong, liền cùng các Tỳ Kheo đi gấp vào cửa Bắc thành Câu Thi Na, ghé vào một Tăng phòng thấy các Tỳ Kheo đang hội họp.

Các Tỳ Kheo này bảo Ngài rằng : "Xem các ông dường như từ xa mới đến, có lẽ nhọc nhằn đói khát, nên ngồi nghỉ chờ đến giờ ăn".

Ngài Ma Ha Ca Diếp nói : "Đấng Đại Sư đã nhập Niết Bàn, chúng tôi còn lòng nào ở yên đây chờ ăn".

- Đại Sư là ai ?

- Khổ thay ! Đau đớn thay ! Các Thầy chẳng biết ư ? Đấng Đại Giác Thế Tôn nay đã nhập Niết Bàn.

Các Tỳ Kheo này nghe rồi vui mừng lắm, nói rằng : "Sướng lắm ! Sung sướng lắm ! Đức Như Lai còn tại thế cấm răn chúng ta, đặt ra giới luật nghiêm tuấn, chúng ta chẳng chịu nổi. Nay đã nhập diệt, những giới luật nghiêm tuấn ấy cũng phải bỏ. Các ông thông thả chờ ăn uống, có gì phải vội gấp".

Đức Phật dùng thần lực bít tai chư Thiên và các Tỳ Kheo theo ngài Ca Diếp. Những Tỳ Kheo này cùng chư Thiên đều chẳng nghe những lời ác của các Tỳ Kheo vừa nói. Chỉ một mình Ngài Ma Ha Ca Diếp nghe thôi.

Lúc đó, Ngài Ca Diếp dắt các Tỷ Kheo rời Tăng phòng vội vã đến chỗ Phật. Vừa đi vừa suy nghĩ chúng tôi làm sao được có những đồ cúng dường, để khi đến chỗ Phật dâng lên cúng dường ?

Ngài Ma Ha Ca Diếp lại suy nghĩ : Tôi vốn sanh trưởng ở trong thành này, nay xin đồ cúng dường có lẽ cũng được.

Ngài liền dắt các Tỷ Kheo ghé từng nhà để xin, được ngàn bức bạch điệp tốt, vô số bông Đâu La Miên, cùng rất nhiều hương hoa, hương nê, hương thủy, hương du, phan lọng, hàng màu, chuỗi ngọc.

Xin đồ cúng dường xong, các Ngài lật đật mang ra cửa Tây. Từ xa nghe vẳng tiếng đại chúng than khóc ở chỗ trà tỳ. Nghe đại chúng hỏi Thiên Đế cúng dường đã xong làm sao có lửa để đốt lều hương ? Nghe Thiên Đế đáp rằng đại chúng nên chờ, Ngài Ma Ha Ca Diếp sắp đến.

Tất cả đại chúng đương buồn khóc thấy Ngài Ma Ha Ca Diếp cùng năm trăm Tỷ Kheo vừa đi vừa khóc mà đến, liền tránh đường nhường chỗ cho Ngài Ma Ha Ca Diếp đi thẳng vào lều hương. Ngài Ma Ha Ca Diếp dắt các Tỷ Kheo vòng lên kim quan mà lễ bái kêu khóc ngất xỉu, giây lâu tỉnh lại nước mắt tuôn rơi, hỏi đại chúng rằng : "Làm sao để được mở kim quan của Phật ?".

Đại chúng đáp : "Phật nhập Niết Bàn đã trải qua hai thất, sợ có tổn hoại chăng ?".

Ngài Ma Ha Ca Diếp nói : "Thân của Như Lai là thân Kim Cang thường, lạc, ngã, tịnh, không thể có sự hư rã, thân Phật thơm tho ngào ngạt như núi Chiên Đàn".

Nói xong các Ngài liền đến bên kim quan than thở khóc lóc.

Lúc đó đức Như Lai đại bi bình đẳng vì Ngài Ma Ha Ca Diếp nên kim quan tự nhiên mở nắp. Ngàn trương bạch điệp cùng bông Đâu La Miên đều tự tháo tung, lộ bày thân huỳnh kim ba mươi hai tướng tốt, tám mươi vẻ đẹp. Vừa thấy kim thân của Phật lộ ra, các Ngài liền ngất xỉu té xuống, giây lâu tỉnh lại nghẹn ngào than khóc, nước mắt chảy tuôn, đem hoa hương, phan lọng, hàng màu, chuỗi ngọc của mình xin dâng dâng lên cúng dường, rồi lấy hương nê, hương thủy tắm rửa kim thân của Như Lai, đốt hương rải hoa khóc lóc cúng dường. Sau đó các Ngài đem bông Đâu La Miên của mình bao trùm kim thân kế lấy bông Đâu La Miên cũ bao ngoài. Lại lấy ngàn bức bạch điệp của mình tuần tự quấn ngoài bông La Miên, kế đó lấy ngàn bức bạch điệp cũ cũng theo thứ tự quấn ngoài bạch điệp mới. Sau khi quấn bạch điệp xong nắp kim quan liền đóng lại.

Ngài Ma Ha Ca Diếp cùng các Tỳ Kheo khóc lóc rơi lệ đi nhiễu kim quan bảy vòng, quì gối chấp tay nói kệ than thở :

Khổ thay khổ thay đấng Đại Thánh
Nay tôi đau đớn như cắt lòng
Thế Tôn diệt độ sao quá sớm
Đại bi chẳng thể nán chờ tôi.
Trong Thiền định ở núi Xà Quật
Tôi khắp tìm Phật đều chẳng thấy
Nhìn lại thấy Phật đã Niết Bàn
Thoạt vậy thân tâm tôi kinh động.
Bỗng thấy mây đen khắp thế gian
Lại thấy núi cây đều chấn động
Liên biết Như Lai đã Niết Bàn
Chúng tôi vội đến chẳng được thấy.
Thế Tôn đại bi chẳng đến tôi
Khiến tôi chẳng thấy Phật nhập diệt
Chẳng được nghe một lời dạy bảo
Tôi nay côi cút biết nương đâu !
Thế Tôn ôi ! Tôi quá đau đớn
Rối loạn tinh thần tâm mê muội
Nay tôi cúi lạy đầu Thế Tôn
Và cũng kính lạy ngực Thế Tôn
Kính lễ hai tay của Đại Thánh
Và cũng kính lễ lưng Thế Tôn
Cung kính đánh lễ rún Thế Tôn
Thâm tâm kính lễ chùn của Phật.

Khổ thay chẳng thấy Phật Niết Bàn
 Xin hiện bày chỗ tôi kính lễ.
 Như Lai ở đời chúng an vui
 Nay nhập Niết Bàn đều rất khổ.
 Buồn thay buồn thay quá đau đớn
 Đại bi hiện bày chỗ tôi lễ.

Lúc Ngài Ma Ha Ca Diếp khóc than nói kệ rồi,
 đấng đại bi Thế Tôn liền hiện hai bàn chân Thiên
 bức luân tướng ra ngoài kim quan. Từ Thiên bức
 luân phóng ngàn tia sáng chiếu khắp tất cả thế giới
 ở mười phương.

Ngài Ma Ha Ca Diếp cùng các Tỳ Kheo thấy chư
 Phật, đồng thời cúi lạy tướng Thiên bức luân. Vì
 quá cảm động, các Ngài mê muội ngất xỉu, giây lâu
 tỉnh lại ghen ngào kêu khóc, đi nhiễu bảy vòng rồi
 lại đánh lễ chư Phật buồn khóc nói kệ rằng :

Như Lai tâm đại bi trọn vẹn
 Từ quang bình đẳng không phân biệt
 Chúng sanh có cảm đều ứng hiện
 Cho tôi được thấy tướng Túc luân.
 Nay tôi thâm tâm quy mạng lễ
 Đấng hai chân Thiên bức luân tướng
 Trong Thiên luân phóng ngàn tia sáng
 Chiếu khắp cõi Phật ở mười phương.

Nay tôi quy y cúi đầu lạy
Thiên bức luân tướng phóng ánh sáng
Chúng sanh được chiếu đều giải thoát
Tam đồ bát nạn đều lìa khổ.
Tôi lại quy y cúi đầu lạy
Ánh sáng khắp cứu các ác thú.
Thuở xưa Thế Tôn từ nhiều kiếp
Vì chúng tôi siêng tu khổ hạnh
Ngày nay chúng được thân Kim Cang
Do đây dưới chơn ngàn tia sáng.
Buồn thương cúi đầu quy mạng lễ
Thiên luân an lạc các chúng sanh.
Phật tu công đức vì tất cả
Dưới cội đạo thọ hàng bốn ma
Bốn ma hàng rồi dẹp ngoại đạo
Nhơn đây chúng sanh được chánh kiến.
Cung kính quy y cúi đầu lạy
Chơn sáng khiến chúng được chánh kiến
Phật là cha lành của tất cả
Chơn sáng bình đẳng độ chúng sanh.
Tôi lại quy y cúi đầu lạy
Chơn sáng bình đẳng cứu thoát khổ
Tôi gặp chơn sáng Thiên bức luân
Buồn mừng xen lộn đau đón lòng.

Tôi lại khóc than cúi đầu lạy
 Tướng sáng Thiên luân có cảm ứng
 Quy y cúi lạy ánh sáng chơn
 Nương thừa rốt ráo ra ba cõi.
 Kính lễ chơn trời người quy y
 Ánh sáng khắp soi ba cõi khổ
 Chúng sanh chưa được giải thoát khổ
 Thảy đều qui mạng chơn Thiên quang.
 Chúng tôi luân hồi chưa ra khỏi
 Có sao chơn Phật lại bỏ rơi !
 Thương thay, thương thay cho chúng sanh
 Tia sáng Thiên luân mãi chẳng thấy.
 Sám hối với đấng đại từ bi
 Đánh lễ chơn vàng ngàn tia sáng.
 Buồn thay nay gặp tướng Thiên luân
 Từ đây lúc nào được thấy lại !

Ngài Ma Ha Ca Diếp cùng các Tỳ Kheo nói kệ trên
 đây rồi, lại ngất xỉu mê muội, giây lâu tỉnh lại ghen
 ngào buồn thương không dần được.

Hai chân Kim Cang Thiên bức luân tướng của
 đấng Đại Giác Thế Tôn tự rút vào kim quan đóng
 kín như cũ.

Tất cả nhơn dân đại chúng trời người ngó thấy
 Ngài Ma Ha Ca Diếp càng thêm sầu khổ đấm ngực

kêu gào tiếng khóc than vang động cả thế giới, đem lễ vật nghẹn ngào dâng cúng.

Lúc đó trong thành Câu Thi Na sai bốn lực sĩ đeo chuỗi ngọc trang nghiêm nơi thân, tay cầm đuốc lớn như bánh xe ngọn lửa chói sáng, đến đốt lều hương để trà tỳ Như Lai. Vừa đến lều hương lửa đuốc liền tắt. Trong thành lại sai tám lực sĩ, lần lượt sai đến ba mươi sáu đại lực sĩ, mỗi lực sĩ vác đuốc lớn đến châm vào lều hương để đốt. Tất cả lửa đuốc đều tắt.

Ngài Ma Ha Ca Diếp bảo các lực sĩ cùng mọi người rằng kim quan của Phật, lửa trong tam giới không thể đốt cháy được. Đại chúng nên biết rằng giả sử tất cả những lửa trên trời cùng nhơn gian đều không thể trà tỳ kim quan của Như Lai. Mọi người chớ gắng gượng luống đốt nhọc nhằn.

Đại chúng nghe lời trên đây càng thêm buồn khổ đồng nhau đánh lễ cúng dường đi nhiều kim quan bảy vòng, tiếng khóc than vang động cả mười phương.

Lúc bấy giờ đức Như Lai dùng sức đại bi, từ nơi ngực phóng ngọn lửa ra ngoài kim quan, lần lần đốt cháy lều hương trải qua bảy ngày mới cháy hết.

Tất cả đại chúng trời người cùng nhân dân nam nữ trong thành cũng buồn than khóc lóc trợn bảy ngày không dứt tiếng, đồng thời chẳng ngớt cúng dường đánh lễ.

Lúc đó Tứ Thiên Vương đều nghĩ rằng : Tôi dùng nước thơm tưới tắt lửa, gấp lược lấy Xá lợi đem về cúng dường. Nghĩ xong, Tứ Thiên Vương liền mang bình vàng đựng đầy nước thơm, lại đem bốn cây cam nhũ, bốn cây này mọc ở trên bốn triền núi Tu Di, mỗi cây cao trăm do tuần, lớn một ngàn ôm, đồng đến chỗ trà tỳ. Thiên Vương trút nước thơm trong bình, bốn cây tuôn nước cam nhũ tưới trên ngọn lửa. Tưới xong, thấy lửa càng mạnh không tắt.

Lúc đó Hải Thần cùng Ta Già La Long Vương và Giang Thần, Hà Thần thấy Tứ Thiên Vương tưới nước thơm chẳng tắt lửa, đều nghĩ rằng : Chúng ta đem nước thơm tưới tắt lửa thâu gấp Xá lợi đem về cúng dường tại chỗ của chúng ta. Nghĩ xong, mỗi Thần cầm bình báu đựng vô lượng nước thơm mang đến chỗ trà tỳ đồng thời tưới trên lửa, thấy lửa như cũ không tắt chút nào.

Ngài A Nâu Lô Đà hỏi Tứ Thiên Vương cùng các Thần : "Các ông tưới nước thơm, có phải muốn lửa tắt để lấy Xá lợi về cúng dường tại chỗ ở của các ông chăng ?".

- Thưa Ngài A Nâu Lô Đà ! Đúng như vậy.

Ngài A Nâu Lô Đà bảo Tứ Thiên Vương : "Các ông lòng quá tham ! Nếu tất cả Xá lợi đều theo các ông về Thiên cung, người ở địa cầu làm sao lên trời được để cúng dường ?".

Ngài lại bảo các Thần : "Các ông ở trong biển lớn dưới sông sâu, nếu các ông đem Xá lợi của đức Như Lai về chỗ ở của các ông, thời người trên mặt đất này làm sao đến đó để cúng dường ?".

Tứ Thiên Vương cùng chư Thần đều sám hối.



XXIX

PHẨM CÚNG DƯỜNG XÁ LỢI

Thứ hai mươi chín

Lúc đó, Thiên Đế cầm bình thất bảo cùng đồ cúng dường đến chỗ trà tỳ, ngọn lửa tự nhiên đồng thời tắt. Thiên Đế liền mở nắp kim quan, muốn thỉnh răng nanh của Phật.

Ngài A Nâu Lô Đà liền ngăn lại và hỏi : "Ông làm gì thế ?".

Thiên Đế nói : "Tôi muốn thỉnh răng nanh Phật về trời cúng dường".

Ngài A Nâu Lô Đà bảo : "Chớ vội lấy ! Ông nên chờ đợi chúng để cùng nhau chia".

Thiên Đế nói : "Trước kia đức Phật hứa cho tôi một răng nanh Xá lợi, vì cố ấy nên tôi vừa đến thời lửa liền tắt".

Nói xong, Thiên Đế liền lấy một răng nanh Xá lợi ở hàm trên bên hữu đem về Thiên cung xây tháp cúng dường.

Lúc đó có hai quỷ La Sát Thiệp Tập ẩn thân theo sau Đế Thích, mọi người đều chẳng thấy, hai quỷ trộm lấy một cặp răng nanh Xá lợi của Phật.

Tất cả đại chúng cùng nhơn dân trong thành đồng thời muốn tranh lấy Xá lợi.

Ngài A Nâu Lô Đà bảo rằng : "Đại chúng nên chậm rãi chờ ! Như lời Phật dạy phải theo đúng pháp cùng nhau chia để cúng dường".

Mọi người chẳng nghe theo lời Ngài A Nâu Lô Đà, đều vô trang muốn giành lấy Xá lợi. Đồng áp đến bên kim quan, nhìn thấy bông Đâu La Miên cùng bạch điệp còn nguyên chẳng cháy. Thấy thế mọi người đứng nhìn cất tiếng khóc than, đồng cùng dường đánh lễ, quì xuống rơi lệ nói kệ tán thán rằng :

Như Lai do sức đại tự tại
 Tất cả thế gian được tự tại
 Đại bi bốn nguyện ở cõi này
 Vòng quanh biển khổ độ chúng sanh.
 Vô lượng trí huệ sức thần thông
 Ra vào sanh tử không chướng ngại
 Một thân hiện ra làm nhiều thân
 Nhiều thân một thân làm vô lượng.

Thần biến ứng khắp người đều thấy
Không duyên liền hiện nhập Niết Bàn
Chúng tôi hết phước không duyên ứng
Nên bị Như Lai buông bỏ rời.
Kim quan của Phật nơi Song Thọ
Tất cả lực sĩ không khiêng nổi
Do sức đại bi tự cất lên
Bay trên hư không một Đa La.
Chầm rãi bay vòng thành Thi Na
Bảy ngày bay đủ bảy vòng thành
Sau đó tự đến chỗ trà tỳ
Thần lực bất cộng làm việc ấy.
Đại chúng trời người không lường được
Đức Phật ở trong Đại Niết Bàn
Kim Cang bất hoại sức tự tại
Tất cả lửa đuốc đều chẳng cháy.
Từ nơi giữa ngực phóng chơn hỏa
Bảy ngày đốt cháy mới hết củi
Trời người không thể tắt lửa này
Đại bi Thế Tôn hiện thần lực.
Đế Thích vừa đến lửa bèn tắt
Bông Đâu La Miên bao thân Phật
Ngọn lửa quá to mà chẳng cháy
Ngàn trượng bạch điệp quần thân Phật

Ở trong lửa hừng mà chẳng cháy
Mới biết Như Lai sức tự tại.
Tự tại với pháp là Pháp vương
Kính lễ Từ Tôn trong ba cõi
Lễ đấng Vô úy trong các Thánh
Lễ đấng đại từ che tất cả
Lễ đấng thần biến Đại Tự Tại
Chúng tôi từ nay xa Thế Tôn
Buồn khổ không ai cứu vớt được,
Buồn thay, thương thay đấng Đại Thánh
Vĩnh biệt ngày nào lại thấy Phật !

Đại chúng nói kệ xong, than khóc cúng dường.

Lúc đó Ngài A Nâu Lô Đà vì tất cả đại chúng mà chấm rãi thảo bạch điệp cùng bông Đâu La. Ngàn bức bạch điệp của Ma Ha Ca Diếp đều còn nguyên vẹn. Ngàn bức bạch điệp của nhân dân trong thành trừ một lớp ngoài còn nguyên, ngoài ra đều cháy ra tro tất cả. Bông Đâu La Miên còn nguyên như cũ.

Ngài A Nâu Lô Đà đem bạch điệp và Đâu La Miên còn nguyên không cháy này cắt nhỏ ra chia cho đại chúng khiến đem về xây tháp cúng dường. Ngài lại đem tro bạch điệp cũng chia cho đại chúng. Những thứ tro khác đại chúng riêng tự lấy để đem về xây tháp cúng dường.

Người trong thành Câu Thi Na đã sắm sẵn tám cái ché bằng vàng, mỗi ché dung lượng một hộc, cùng tám tòa sư tử trang nghiêm bằng bảy báu. Ché vàng để trên tòa sư tử, mỗi tòa có ba mươi hai lực sĩ khiêng. Trên mỗi tòa có ba mươi hai gái đẹp trang sức lộng lẫy : Áo màu, chuỗi ngọc. Tám người vịn ché vàng, tám người cầm lọng báu, tám người cầm gương báu, tám người cầm cờ Tiết dựng bốn mặt ché.

Theo sau mỗi tòa, có vô lượng đại chúng trời nhạc cầm phan lọng rải hương hoa. Lại có vô lượng võ sĩ cầm cung tên, kiếm, kích vệ hộ tòa sư tử.

Lúc khiêng tám tòa sư tử ra khỏi thành, nhơn dân trong thành liền đem vô số hương thủy, hương nê theo sau lực sĩ, để sửa sang mặt đất làm thành con đường bằng phẳng thơm sạch thẳng đến chỗ trà tỳ. Nhơn dân lại giăng treo vô số phan lọng hương hoa chuỗi ngọc chơn châu trang nghiêm hai bên đường để chờ cung nghinh xá lợi của Như Lai.

Lúc các lực sĩ khiêng tám tòa Sư tử báu đến chỗ trà tỳ, đại chúng cất tiếng kêu khóc vang động, cùng nhau đánh lễ chí tâm cúng dường Như Lai.

Đức Thế Tôn dùng sức đại bi làm cho thân Kim Cang nát thành hột xá lợi nhỏ, chỉ bốn răng nanh còn nguyên vẹn.

Đại chúng ngó thấy xá lợi càng thêm buồn thương than khóc đồng đánh lễ cúng dường.

Ngài A Nâu Lôu Đà cùng người trong thành vừa khóc than rơi lệ, vừa thâu lấy Xá lợi để vào trong ché vàng trên tòa sư tử. Tám ché vàng đựng đầy Xá lợi của Phật mới hết.

Đại chúng thấy thâu Xá lợi vào ché vàng xong, lại khóc lóc đánh lễ cúng dường.

Các đại lực sĩ cùng nhân dân đại chúng rước Xá lợi vào thành Câu Thi Na để giữa ngã tư đường. Người trong thành võ trang bốn đội quân phòng vệ bốn mặt thành. Lại sai năm trăm nhà chú thuật giỏi chia ra gìn giữ bốn cửa thành. Dầu võ trang phòng vệ như vậy, nhưng trọn không có lòng chiến tranh.

Ngoài thành cũng như trong thành, nhơn dân treo vô số phan lọng.

Tám ché vàng đựng Xá lợi để yên trên tòa Sư tử trọn bảy ngày.

Đại chúng trời người cũng trọn bảy ngày khóc than chẳng dứt và không ngớt đánh lễ cúng dường.

Mỗi tòa sư tử đều có năm trăm nhà chú thuật giữ gìn, phòng ngừa có Thiên, Long, Dạ xoa, Quỷ thần đến lén lấy Xá lợi.

Quốc vương Ca Tỳ La Vệ cùng giòng Thích Ca thân quyến của Phật, vì thần lực của Phật nên sau khi đức Phật nhập Niết Bàn hai mươi một ngày mới hay tin. Quốc vương cùng giòng họ Thích lật đặt đến thành Câu Thi Na, thấy khắp thành phan lọng rợp

trời, quân đội và các nhà chú thuật gìn giữ bốn cửa thành nghiêm ngặt.

Quốc vương Ca Tỳ La hỏi thăm biết rằng Phật nhập Niết Bàn đã qua hai mươi tám ngày, trà tỳ rồi sắp sửa chia Xá lợi. Quốc vương xin phép các nhà chú thuật cùng quân đội giữ thành để được vào đánh lễ Xá lợi của đức Như Lai. Người giữ thành liền cho Quốc vương cùng giòng họ Thích vào thành.

Vừa thấy Xá lợi của Phật đựng trong ché vàng trên tòa sư tử, Quốc vương Ca Tỳ La Vệ cùng người họ Thích Ca đều rơi lệ nghẹn ngào cúi đầu đánh lễ rồi đi nhiễu bảy vòng, muốn thỉnh một phần Xá lợi của đức Như Lai đem về nước cúng dường.

Đại chúng đáp rằng : "Dầu biết các ông là quyến thuộc giòng Thích Ca, nhưng đức Thế Tôn trước kia có dặn phân chia Xá lợi, chưa nghe nói đến các ông. Xá lợi này đều có thỉnh chủ đâu dám chia cho các ông, các ông nên trở về".

Quốc vương cùng người giòng Thích Ca thỉnh Xá lợi chẳng được, vì quá đau đớn nên kêu gào ngất xỉu, giây lâu tỉnh lại bảo đại chúng rằng : "Đức Thế Tôn giảng sanh trong giòng Thích Ca của chúng tôi, nay vì thương xót các ông mà nhập Niết Bàn tại đây. Sao các ông lại hẹp hòi khinh khi chúng tôi mà chẳng chịu chia một phần Xá lợi".

Nói xong, đồng đánh lễ Xá lợi đi nhiều bảy vòng, buồn khóc rơi lệ ôm giận mà trở về Ca Tỳ La Vệ.

Vua A Xà Thế chúa nước Ma Già Đà chẳng hay đức Như Lai nhập Niết Bàn. Trong đêm đức Phật nhập Niết Bàn, vua nằm mộng thấy mặt trăng rớt, mặt trời từ đất mọc lên, các ngôi sao rơi rớt khắp nơi, hơi khói từ đất bay lên, bảy sao chổi hiện ra trên trời, lửa lớn cháy khắp hư không rồi đồng thời sa xuống đất. Khi tỉnh giấc lòng vua kinh sợ triệu các quan đến để hỏi.

Các quan tâu rằng : "Đây là điềm đức Phật nhập Niết Bàn. Sau khi đức Phật diệt độ, lục đạo chúng sanh phiền não nổi dậy, nên nhà vua thấy lửa to cháy từ hư không sa xuống đất. Nguyệt ái từ quang của Phật đều tắt mất nên nhà vua thấy mặt trăng lặn. Tám muôn luật nghi tắt cả giới pháp, chúng sanh không tuân hành mà theo tà pháp đọa nơi địa ngục, nên nhà vua thấy các ngôi sao sa xuống. Tam đồ ác đạo hiện khắp thế gian, chúng sanh bị khổ như ánh nắng gay gắt nóng bức, nên nhà vua thấy mặt trời từ đất mọc lên".

Vua A Xà Thế liền cùng các quan suốt đêm thẳng đến thành Câu Thi Na, muốn vào thành để đánh lễ Kim Cang Xá lợi của Như Lai. Người giữ cửa thành cho vua cùng các quan vào thành. Đến giữa ngã tư đường nhà vua thấy ché vàng đựng Xá lợi để trên tòa Sư Tử, liền rơi lệ khóc lóc, cùng các

quan đồng đánh lễ cúng dường đi nhiều xá lợi bảy vòng. Vua A Xà Thế yêu cầu đại chúng cho thỉnh một phần xá lợi để đem về nước cúng dường. Đại chúng không bằng lòng. Vua A Xà Thế thỉnh xá lợi không được liền đánh lễ buồn tức trở về nước.

Vua nước Tỳ Gia Ly, vua nước A Lặc Già La, Vua nước Tỳ Nậu, Vua nước Sư Già Na, Vua nước Ba Kiên La, hay tin Phật nhập Niết Bàn đều dắt các quan đi gấp đến thành Câu Thi Na, thấy vô số quân binh phòng vệ bốn cửa thành, các vua xin vào thành để đánh lễ cúng dường xá lợi. Người giữ thành liền mở cửa cho vào. Sau khi buồn than đánh lễ cúng dường xá lợi xong, các vua đều xin chia phần xá lợi để thỉnh về nước cúng dường. Đại chúng không bằng lòng. Các vua sầu khổ đánh lễ xá lợi buồn tức trở về nước.

Khi về đến nước nhà, Quốc Vương Ca Tỳ La Vệ cùng vua các nước đều sai sứ đến thành Câu Thi Na để xin thỉnh xá lợi. Người trong thành Câu Thi Na bảo rằng : "Đức Thế Tôn đã nhập Niết Bàn tại nước của chúng tôi, toàn thân xá lợi phải để tại nước chúng tôi cúng dường mãi mãi, quyết chẳng chia cho người nước ngoài".

Sứ giả của các nước bảo rằng : "Nếu chịu chia xá lợi cho các nước thì tốt, bằng không, chúng tôi, buộc phải dùng sức mạnh để đoạt lấy".

Vua A Xà Thế lại sai đại tướng Võ Hành đem binh đến bảo người trong thành Câu Thi Na : "Nếu chịu chia Xá lợi thời tốt, bằng không chúng tôi sẽ thêm binh lực để đoạt lấy".

Người trong thành đều trả lời tùy ý. Rồi tất cả những tráng sĩ cùng nam nữ trong thành đồng võ trang kéo bốn bộ binh ra thành muốn giao chiến với binh các nước.

Lúc đó nước Tỳ Gia Ly sai quân đội đến thành Câu Thi Na. Nước Tỳ Nậu, nước Giá La Ca La, nước Sư Gia Na, nước Ba Kiên La cùng Quốc vương Ca Tỳ La Vệ, năm nước này cũng đều sai quân đội đến thành Câu Thi Na.

Quân của bảy nước vây kín thành Câu Thi Na.

Lúc đó trong đại chúng có một Bà La Môn họ Yên ở giữa quân đội của tám nước to tiếng khuyên rằng : "Xin các lực sĩ thành Câu Thi Na lắng nghe ! Đức Thế Tôn từ vô lượng kiếp chứa công đức lành, tu hạnh nhẫn nhục, các Ngài cũng thường nghe đức Phật khen ngợi hạnh nhẫn nhục. Hôm nay, đức Như Lai vừa diệt độ, các Ngài đâu nên vì Xá lợi mà đánh đập nhau, hành động này chẳng phải là cử chỉ tôn kính Xá lợi. Các ngài nên chia Xá lợi của Như Lai làm tám phần để cúng dường ở tám nước".

Các lực sĩ đáp rằng : "Xin kính tuân lời đề nghị ấy".

Lúc đó Yên Bà La Môn liền chia Xá lợi làm tám phần bằng nhau. Chia xong Yên Bà La Môn to tiếng xin thỉnh cái bình đựng lường Xá lợi để đem về tụ lạc Đầu Na La xây tháp cúng dường. Đại chúng đồng bằng lòng.

Các Cư Sĩ và Bà La Môn ở nước Tất Ba Diên Na xin thỉnh tro chỗ trà tỳ. Đại chúng cũng bằng lòng.

Lúc đó người thành Câu Thi Na lãnh được phần Xá lợi thứ nhứt. Người nước Ba Kiên La thỉnh được phần Xá lợi thứ hai. Người nước Sur Già Na thỉnh được phần Xá lợi thứ ba. Người nước A Lặc Già thỉnh được phần Xá lợi thứ tư. Người nước Tỳ Nậu thỉnh được phần Xá lợi thứ năm. Người nước Tỳ Gia Ly thỉnh được phần Xá lợi thứ sáu. Người nước Ca Tỳ La Vệ thỉnh được phần Xá lợi thứ bảy. Chúa nước Ma Già Đà Vua A Xà Thế thỉnh được phần Xá lợi thứ tám. Người trong tám nước đều xây tháp cúng dường Xá lợi tại nước mình.

Yên Bà La Môn thỉnh bình đựng Xá lợi về xây tháp tại tụ lạc Đầu Na La.

Người nước Ba La Diên Na cũng thỉnh tro đem về xây tháp cúng dường.

Lúc đó trong Diêm Phù Đề có tám tháp thờ Xá lợi của Phật, một tháp thờ bình lường Xá lợi, một tháp thờ tro. Thế là việc phân chia Xá lợi đã xong.

Lúc đó chư Bồ Tát, hàng Thanh Văn, Trời, người, Bát bộ quỷ thần, Quốc vương, Trưởng giả, quan, dân toàn thể đại chúng buồn khóc rơi lệ cúi đầu đánh lễ Xá lợi của Phật mà đi.

HẾT TẬP II (TRỌN BỘ)



BỒ KHUYẾT TÂM KINH

MA HA BÁT NHÃ BA LA MẬT ĐA TÂM KINH

Quán Tự Tại Bồ Tát hành thâm Bát Nhã Ba la mật đa thời, chiếu kiến ngũ uẩn giai không độ nhưt thiết khổ ách.

Xá Lợi Tử ! Sắc bất dị không, không bất dị sắc; sắc tức thị không, không tức thị sắc; thọ, tưởng, hành, thức, diệc phục như thị. Xá Lợi Tử ! Thị chư pháp không tướng : bất sanh, bất diệt, bất cấu, bất tịnh, bất tăng, bất giảm. Thị cố không trung vô sắc, vô thọ, tưởng, hành, thức; vô nhân, nhĩ, tỹ, thiết, thân, ý; vô sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp; vô nhân giới nãi chí vô ý thức giới; vô vô minh diệc, vô vô minh tận, nãi chí vô lão tử, diệc vô lão tử tận; vô khổ, tập, diệt, đạo; vô trí diệc vô đắc. Dĩ vô sở đắc cố, Bồ Đề tát đỏa y Bát Nhã Ba la mật đa cố, tâm vô quái ngại, vô quái ngại cố, vô hữu khủng bố, viễn ly điên đảo mộng tưởng cứu cánh Niết Bàn.

Tam thế chư Phật y Bát Nhã Ba la mật đa cố, đắc a nậu đa la tam miệu tam Bồ Đề.

Cố tri Bát Nhã Ba la mật đa, thị đại thần chú, thị đại minh chú, thị vô thượng chú, thị vô đẳng đẳng chú, năng trừ nhứt thiết khổ chơn thiết bất hư.

Cố thuyết Bát Nhã Ba la mật đa chú, tức thuyết chú viết :

"Yết đế yết đế, ba la yết đế, ba la tăng yết đế, Bồ Đề tát bà ha".

II

VÃNG SANH QUYẾT ĐỊNH CHƠN NGÔN

Nam mô A di đa bà dạ, đa tha già đa dạ, đa diệt đa tha. A di rị đô bà tỳ, A di rị đa, tất đam bà tỳ, A di rị đa, tỳ ca lan đế, A di rị đa, tỳ ca lan đa, già di nị, già già na, chỉ đa ca lệ ta bà ha. (3 lần)

Khể thủ Tây phương An lạc quốc.

Tiếp dẫn chúng sanh đại Đạo sư.

Ngã kim phát nguyện nguyện vãng sanh.

Duy nguyện từ bi ai nhiếp thọ

Ngã kim phổ vị tứ ân tam hữu,

Cập pháp giới chúng sanh cầu ư chư Phật

Nhứt thừa Vô Thượng Bồ Đề đạo cố,

Chuyên tâm trì niệm A Di Đà Phật

Vạn đức hồng danh kỳ sanh Tịnh độ.

Duy nguyện Từ Phụ A Di Đà Phật

Ai lân nhiếp thọ từ bi gia hộ.



A Di Đà Phật thân kim sắc.
 Tướng hảo quang minh vô đẳng luân,
 Bạch hào uyển chuyển ngũ Tu Di,
 Hám mục trùng thanh tứ đại hải.
 Quang trung hóa Phật vô số ức,
 Hóa Bồ Tát chúng diệc vô biên,
 Tứ thập bát nguyện độ chúng sanh
 Cứu phẩm hàm linh đẳng bỉ ngạn.

NAM MÔ TÂY PHƯƠNG CỰC LẠC THẾ GIỚI
 ĐẠI TỪ ĐẠI BI TIẾP DẪN ĐẠO SƯ A DI ĐÀ
 PHẬT. (Niệm 10, 20, 30 lần tùy ý)

NAM MÔ QUÁN THẾ ÂM BỒ TÁT. (10 tiếng)

NAM MÔ ĐẠI THẾ CHÍ BỒ TÁT. (10 tiếng)

NAM MÔ ĐỊA TẠNG VƯƠNG BỒ TÁT. (10 tiếng)

NAM MÔ THANH TỊNH ĐẠI HẢI CHÚNG BỒ
 TÁT. (10 tiếng)

III

(HỎI HƯỚNG)

Đệ tử chúng đẳng, hiện thị sanh tử phàm phu,
 tội chướng thâm trọng, luân hồi lục đạo, khổ bất
 khả ngôn; kim ngộ tri thức, đặc văn A Di Đà danh

hiệu, bốn nguyện công đức, nhứt tâm xưng niệm, cầu nguyện vãng sanh, nguyện Phật từ bi bất xả, ai lân nhiếp thọ, đệ tử chúng đẳng, bất thức Phật thân, tướng hảo quang minh, nguyện Phật thị hiện, linh ngã đắc kiến cập kiến Quán Âm, Thế Chí, chư Bồ Tát chúng, bỉ thế giới trung, thanh tịnh trang nghiêm, quang minh diệu tướng đẳng, linh ngã liễu liễu đắc kiến, A Di Đà Phật.

Ngã kim trì niệm A Di Đà

Tức phát Bồ Đề quảng đại nguyện :

Nguyện ngã định huệ tốc viên minh

Nguyện ngã công đức giai thành tựu

Nguyện ngã thắng phước biến trang nghiêm

Nguyện cộng chúng sanh thành Phật đạo.

Vãng tích sở tạo chư ác nghiệp

Giai do vô thí tham sân si

Tùng thân ngữ ý chi sở sanh

Nhứt thiết ngã kim giai sám hối.

Nguyện ngã lâm dục mạng chung thời

Tận trừ nhứt thiết chư chương ngại

Diện kiến ngã Phật A Di Đà

Tức đắc vãng sanh Cực Lạc sát.

Ngã ký vãng sanh Cực Lạc dĩ.

Hiện tiền thành tựu thử đại nguyện

Nhứt thiết viên mãn tận vô dư

Lợi lạc nhứt thiết chúng sanh giới.
Ngã Phật chúng hội hàm thanh tịnh
Ngã thời ư thắng liên hoa sanh
Thân đồ Như Lai Vô Lượng Quang
Hiện tiền thọ ngã Bồ đề ký.
Mong ngã Như Lai thọ ký dĩ
Hóa thân vô số bá cu chi
Trí lực quảng đại biến thập phương
Phổ lợi nhứt thiết chúng sanh giới.
Chúng sanh vô biên thế nguyện độ,
Phiền não vô tận thế nguyện đoạn,
Pháp môn vô lượng thế nguyện học,
Phật đạo vô thượng thế nguyện thành.
Nguyện sanh Tây phương Tịnh độ trung
Cửu phẩm liên hoa vi phụ mẫu
Hoa khai kiến Phật ngộ vô sanh
Bất thối Bồ Tát vi bạn lữ
Nguyện dĩ thử công đức
Trang nghiêm Phật Tịnh độ
Thượng báo tứ trọng ân
Hạ tế tam đồ khổ.
Nhược hữu kiến văn giả
Tức phát Bồ Đề tâm
Tận thử nhứt Báo thân

Đồng sanh Cực Lạc quốc,
Tận thử nhứt Báo thân
Đồng sanh An Dưỡng quốc.

V

NGUYỆN

A Di Đà Phật, thường lai hộ trì, linh ngã thiện căn, hiện tiền tăng tấn, bất thất tịnh nhơn, lâm mạng chung thời, thân tâm chánh niệm, thị thính phân minh, diện phụng Di Đà, giữ chư Thánh chúng, thủ chấp hoa đài, tiếp dẫn ư ngã.

Nhứt sát na khoảnh, sanh tại Phật tiền, cụ Bồ Tát đạo, quảng độ chúng sanh đồng thành Chứng trí.

Chí tâm đánh lễ : Nam Mô A Di Đà Phật Thế Tôn.

NGUYỆN NGÃ TỘI CHƯỚNG TẤT TIÊU DIỆT. (1 lay)

NGUYỆN NGÃ THIỆN CĂN NHỰT TĂNG TRƯỞNG. (1 lay)

NGUYỆN NGÃ THÂN TÂM HÀM THANH TỊNH. (1 lay)

NGUYỆN NGÃ NHỰT TÂM TẢO THÀNH TỰ. (1 lay)

NGUYỆN NGÃ TAM MUỘI ĐẮC HIỆN TIỀN. (1 lay)

NGUYỆN NGÃ TỊNH NHƠN TỐC VIÊN MÃN. (1 lay)

NGUYỆN NGÃ LIÊN ĐÀI TỰ TIÊU DANH. (1 lay)

NGUYỆN NGÃ KIẾN PHẬT MA ĐÁNH KÝ. (1 lay)

NGUYỆN NGÃ DỰ TRI MẠNG CHUNG THỜI. (1 lay)

NGUYỄN NGÃ VÃNG SANH CỰC LẠC QUỐC. (1 lay)

NGUYỄN NGÃ VIÊN MÃN BỒ TÁT ĐẠO. (1 lay)

NGUYỄN NGÃ QUẢNG ĐỘ CHƯ CHÚNG SANH. (1 lay)

Chí tâm qui mạng đánh lễ : Nam mô Tây phương
Cực Lạc thế giới giáo chủ, thọ quang thể tướng vô
lượng vô biên, từ thệ hồng thâm, tứ thập bát nguyện
độ hàm linh, đại từ đại bi tiếp dẫn đạo sư A Di Đà
Như Lai biến pháp giới Tam Bảo. (1 lay)

Tự qui y Phật, đương nguyện chúng sanh, thể
giải đại đạo, phát vô thượng tâm. (1 lay)

Tự qui y Pháp, đương nguyện chúng sanh, thâm
nhập kinh tạng, trí huệ như hải. (1 lay)

Tự qui y Tăng, đương nguyện chúng sanh, thống
lý đại chúng, nhứt thiết vô ngại. (1 lay)



MỤC LỤC

I- Phẩm Quang Minh Biến Chiếu	17
Cao Quý Đức Vương Bồ Tát thứ XXII	
<i>(Hán Bộ quyển thứ XXII đến hết quyển XXVI)</i>	
II- Phẩm Sư Tử Hống Bồ Tát thứ XXIII	195
<i>(Hán Bộ quyển thứ XXVII đến phần đầu quyển XXX).</i>	
III- Phẩm Ca Diếp Bồ Tát thứ XXIV	417
<i>(Hán Bộ quyển thứ XXX đến trọn quyển XXXVII)</i>	
IV- Phẩm Kiều Trần Như thứ XXV	589
<i>(Hán Bộ quyển thứ XXXVIII đến phần đầu quyển XL I)</i>	
V- Phẩm Di Giáo thứ XXVI	671
<i>(Hán Bộ quyển XL I)</i>	
VI- Phẩm Ứng Tận Hườn Nguyên thứ XXVII	689
<i>(Hán Bộ quyển XL I)</i>	
VII- Phẩm Trà Tỳ thứ XXVIII	703
<i>(Hán bộ quyển XL II)</i>	
VIII- Phẩm Cúng dường Xá lợi thứ XXIX	721
<i>(Hán bộ quyển XL II)</i>	



NAM MÔ HỘ PHÁP TẠNG BỒ TÁT

